

Kinh tạng Pali

(Pali Nikaya)

HT. THÍCH MINH CHÂU

Việt dịch

Ấn bản năm 1991

NIKAYA PHÂN LOẠI - CHỦ ĐỀ 313

Phân loại theo chủ đề:

CHON TÍN TOÀN

SƠ THIỀN

313

Chịu trách nhiệm chính tả:

TÂM MINH ANH

Ấn bản điện tử 2018

MỤC LỤC

DẪN NHẬP	4
1 5 chi phần - ĐẠI Kinh PHƯƠNG QUẢNG – 43 Trung I, 639	10
2 6 pháp không thể chứng Sơ thiên - Kinh THIÊN 1 – Tăng III, 238	26
3 7 thức trú - Kinh THỨC TRÚ – Tăng III, 332	28
4 9 thứ đệ diệt - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567.....	30
5 Bạc Bất Lai - Kinh SÓNG VIỄN LY – Tăng I, 437.....	33
6 Các bất thiện tư duy được trừ diệt ở đây - Kinh SAMANAMANDIKA – 78 Trung II, 437.....	37
7 Các pháp trong thiên 1 - Kinh BÁT ĐOẠN – 111 Trung III, 153.....	52
8 Cách nhập và xuất Sơ thiên - Kinh TAPUSSA – Tăng IV, 195	60
9 Cách thực hành, Tầm tứ trong thiên 1 là gì - Kinh ĐIỀU NGỰ ĐỊA – 125 Trung III, 337..	79

- 10 Cách tu tập ly dục như thế nào - Kinh TAPUSSA – Tăng IV, 19596
- 11 Cách tu tập thiên¹ và thiên² - Kinh Trú Xứ Tỷ Kheo Ni – Tương V, 241115
- 12 Hỷ do viễn ly sanh - Kinh HOAN HỠ – Tăng II, 644.....121
- 13 Hỷ không liên hệ đến vật chất - Kinh SUBHA – 99 Trung II, 793124
- 14 Không thể chứng Sơ thiên nếu.. - Kinh THIỀN 1 – Tăng III, 238149
- 15 Không thể chứng Sơ thiên nếu.. - Kinh THIỀN – Tăng II, 749151
- 16 Kinh THỨC TRÚ – Tăng III, 332.....153
- 17 Lẫn lộn giữa các Thiên - Kinh CON BÒ CÁI – Tăng IV, 167155
- 18 Quán 5 uẩn - ĐẠI Kinh MALUNKYAPUTTA – 64 Trung II, 205162
- 19 Quán 5 uẩn, chứng Alahan hay Bất lai - Kinh THIỀN – Tăng IV, 173.....174

- 20 Quán 5 uẩn, sanh ở Phạm Chúng Thiên, hay Tịnh Cư Thiên - Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 – Tầng II, 54181
- 21 Quán ntn - Kinh BÁT THÀNH – 52 Trung II, 29.....186
- 22 Sanh cộng trú ở Phạm chúng Thiên - Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 – Tầng II, 54195
- 23 Tác dụng hỷ lạc của thiên 1 - Kinh NALAKAPANA – 68 Trung II, 267200
- 24 Tâm tứ - Kinh Trú Xứ Tỷ Kheo Ni – Tương V, 241214
- 25 Tâm tứ là dao động - Kinh VÍ DỤ CON CHIM CÁY – 66 Trung II, 235220
- 26 Đề tẩy sạch tâm hưởng thụ dục lạc - TIỂU Kinh KHỔ UẨN – 14 Trung I, 209.....239
- 27 Định sơ thiên tự tánh là vô tham ái - Kinh CHÂN NHÂN – 113 Trung III, 175249

DẪN NHẬP

1. Lời giới thiệu

- Sau khi nhận thấy tính thực tế, gần gũi, dễ hiểu và trí tuệ tuyệt diệu trong những bài kinh của bộ ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM do Hoà Thượng Thích Minh Châu dịch trực tiếp từ Kinh Tạng Pali, chúng tôi nhận thấy rằng những bộ kinh này là những thực tế tuyệt diệu trong cuộc sống và nếu những bài kinh này không được tiếp cận và áp dụng trong cộng đồng Phật tử thì thật là một thiệt thòi cho những người con của Phật.
- Ví như một người khi nếm được hương vị tuyệt vời của một chiếc bánh ngon, lòng nghĩ tới những người thân thương của mình và đem đến mời họ cùng ăn với mình, đó chính là tâm niệm của chúng tôi khi thực hiện công việc này. Chúng tôi với tâm lòng chân thành sâu sắc cầu mong cho mọi người cùng có thể tiếp cận được với Kinh Tạng Pali (kinh Nikaya) và tìm được chân đứng trong bộ kinh này.
- Vì vậy, nhằm giới thiệu bộ kinh Nikaya đến với cộng đồng Phật tử ở khắp nơi và nhằm giúp cho quý đạo hữu dễ dàng tiếp cận với kinh Nikaya nên trong phiên bản vi tính này chúng tôi đã mạo muội cẩn thận **đánh**

dầu, tô màu những điểm căn bản và trọng tâm trong các bài kinh để quý độc giả có thể nhanh chóng nắm hiểu được nội dung, ý nghĩa và những điểm quan trọng của bài kinh. Công việc này đã được chúng tôi thực hiện dựa trên sự thấy biết và kinh nghiệm thực hành của bản thân, quý đạo hữu cố gắng đọc đi đọc lại và suy nghiệm kỹ từng lời kinh rồi đem áp dụng thực hành để có thể tự mình thành tựu Tuệ giác như Đức Phật đã chỉ dạy.

2. Lợi ích của việc nghiên cứu học hỏi bộ kinh này là gì?

- Đi thẳng vào lời dạy của Đức Phật, tiếp cận trực tiếp với những lời dạy nguyên chất của Đức Phật khi Ngài còn tại thế, tránh được sự truyền tải ý nghĩa giáo pháp có khi đúng, có khi lệch của các vị này vị kia, tránh được việc đến với đạo Phật nhưng nhìn nhận và hiểu biết đạo Phật thông qua lăng kính của người khác.
- Biết được với những sự kiện đã từng xảy ra trong thời kỳ Đức Phật còn tại thế như: hoàn cảnh xã hội thời đó, đời sống thực tế của Đức Phật và các cuộc thuyết giảng Chánh Pháp của Ngài.
- Trí tuệ được mở rộng, biết được đôi phần về trí tuệ thâm sâu vi diệu của Đức Phật qua các bài thuyết

giảng của Ngài và qua các cuộc cật vấn, chất vấn của ngoại đạo.

- Được làm quen với các Pháp học và Pháp hành mà Đức Phật đã trình bày dưới nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học hỏi được nhiều cách tu tập, nhiều phương diện tu tập, không bị hạn chế bó buộc trong một phương diện tu tập theo một trường phái nào.*
- Có được một cái nhìn trực tiếp, trực diện đối với Chánh Pháp, giúp cho người tu tập không đi lệch ra ngoài Chánh Pháp, không làm uổng phí thời gian và công sức mà người tu tập đã bỏ ra để nghiên cứu tìm hiểu học hỏi và thực hành Phật Pháp, giúp cho nhiệt tình và ước nguyện của người tu học chân chánh được thành đạt, có kết quả tốt đẹp và lợi ích thiết thực ngay trong đời sống hiện tại.*
- Có được đầy đủ những phương tiện để thực hiện Pháp học và Pháp hành, biết rõ những gì mình cần phải làm trên con đường đi đến sự chấm dứt khổ đau.*
- Trong khi đọc, nghe, nghiên cứu, học hỏi các bản kinh thì tâm được an trú vào trong Chánh Tri Kiến, tham sân si được vắng mặt trong lúc ấy, tâm được an trú vào trong Chánh Pháp.*

- Ngay trong hiện tại gieo kết được những thiện duyên tốt lành đối với Chánh Pháp của Đức Phật, có thể thẳng tiến đến việc tu tập sự giải thoát sanh tử ngay trong kiếp hiện tại. Nhưng nếu ngay trong hiện tại không đạt được sự giải thoát thì những thiện duyên này sẽ giúp được cho các đời sau: khi được sanh ra, tâm luôn hướng về sự tìm cầu Chánh Pháp, yêu thích tìm kiếm những lời dạy nguyên gốc của Đức Phật, và đồng thời tâm cũng luôn hướng về sự không ưa thích đối với các tà Pháp, tránh xa các tà thuyết không chân chánh, không có cảm xúc cảm tình đối với các tà đạo, tránh được các con đường tu tập sai lệch làm uổng phí công sức và tâm nguyện của người tu tập mà vẫn không đạt được sự giải thoát khổ đau.
- Trong quá trình học hỏi nghiên cứu cẩn thận các bản kinh này thì Chánh Tri Kiến đi đến thành tựu đầy đủ, Giới Hạnh đi đến thành tựu đầy đủ, ba kiết sử Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ được đoạn tận, chứng được Dự Lưu Quả, là bậc Dự Lưu, chỉ còn tái sanh tối đa là bảy lần giữa chư Thiên và loài người, không còn bị đọa vào trong các đường ác sanh như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.
- Khi thân hoại mạng chung nếu bị thất niệm, tâm không được tỉnh giác, thì khi tái sanh đời sau, lúc đầu

*không nhớ được đạo pháp, nhưng sau đó sẽ có những nhân duyên đưa đến giúp cho tâm trí từ từ nhớ lại và tiếp tục tu tập trong vòng tối đa bảy lần tái sinh là sẽ đi đến sự chứng đạt được tâm hoàn toàn tịch lặng thoát ly sanh tử, thoát ly đau khổ, thoát khỏi mọi ràng buộc, phiền não đối với **năm thủ uẩn**.*

3. Lòng tri ân

- *Chúng ta, những người đến với đạo thoát ly sanh tử của Đức Phật sau khi Ngài nhập diệt đã trên 2500 năm, nhưng may mắn quá lớn cho chúng ta đó là việc chúng ta vẫn còn được thấy, được gặp, được học hỏi và được hành trì theo những bản kinh nguyên chất truyền thống của Đức Phật. Xin hạnh phúc tri ân sự may mắn này của mình và xin chân thành vô lượng cung kính tri ân Hòa Thượng Thích Minh Châu, người đã bỏ nhiều thời gian, nhiều tâm huyết để làm cho Chánh Pháp được sáng tỏ đối với những người con của Đức Phật tại Việt Nam.*
- *Xin chân thành cung kính cúi đầu tri ân Hoà Thượng - vị ân sư của Phật tử Việt Nam.*

Pháp quốc, ngày 05 tháng 07 năm 2014

Người trình bày - Chơn Tín Toàn

1 5 chi phần - ĐẠI KINH PHƯƠNG QUẢNG – 43 Trung I, 639

ĐẠI KINH PHƯƠNG QUẢNG

(Mahavedalla sutta)

– Bài kinh số 43 – Trung I, 639

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Savatthi, tại Jetavana, tịnh xá ông Anathapindika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahakotthita (Đại Câu-hy-la), vào buổi chiều, khi thiền định xong, đứng dậy, đi đến chỗ Tôn giả Sariputta ở, sau khi đến nói lên với Tôn giả Sariputta những lời chào đón, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahakotthita nói với Tôn giả Sariputta:

– *Này Hiền giả, liệt tuệ, liệt tuệ (Duppanna) được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là liệt tuệ?*

– Này Hiền giả, **vì không tuệ tri, không tuệ tri (Nap-pajanati), này Hiền giả nên được gọi là liệt tuệ. Không tuệ tri gì?** Không tuệ tri: đây là Khổ, không

tuệ tri: đây là Khổ tập, không tuệ tri: đây là Khổ diệt, không tuệ tri: đây là con đường đưa đến Khổ diệt. Vì không tuệ tri, không tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là liệt tuệ.

– Lành thay, Hiền giả!

Tôn giả Mahakotthita hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sariputta nói, rồi hỏi Tôn giả Sariputta một câu hỏi nữa:

– *Này Hiền giả, trí tuệ, trí tuệ được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào là được gọi là trí tuệ?*

– **Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ.** Có tuệ tri gì? Có tuệ tri: đây là Khổ, có tuệ tri: đây là Khổ tập, có tuệ tri: đây là Khổ diệt, có tuệ tri: đây là Con đường đưa đến Khổ diệt. Vì có tuệ tri, có tuệ tri, này Hiền giả, nên được gọi là trí tuệ.

– *Thức, thức, này Hiền giả, được gọi là như vậy, Này Hiền giả, như thế nào được gọi là thức?*

– Này Hiền giả, vì thức tri, thức tri, này Hiền giả nên được gọi là có thức. Thức tri gì? **Thức tri lạc, thức tri khổ, thức tri bất khổ bất lạc.** Vì thức tri, thức tri, này Hiền giả, nên được gọi là có thức.

– *Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?*

– *Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp. Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Này Hiền giả, **điều gì tuệ tri được là thức tri được, điều gì thức tri được là tuệ tri được.** Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.*

– *Này Hiền giả, trí tuệ như vậy, thức như vậy, thế nào là sự sai khác giữa những pháp được kết hợp, không phải không kết hợp này?*

– *Này Hiền giả, Trí tuệ như vậy, thức như vậy, giữa những pháp được kết hợp, không phải không được kết hợp này, **trí tuệ cần phải được tu tập (Bhavetabba), còn thức cần phải được liễu tri (Parinneyyam)** như vậy là sự sai khác giữa những pháp này.*

– *Cảm thọ, cảm thọ, này Hiền giả, được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là cảm*

thọ?

– Này Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ (Vedeti), nên được gọi là cảm thọ. Và cảm thọ gì? Cảm thọ lạc, cảm thọ khổ, cảm thọ bất khổ bất lạc thọ. Này Hiền giả, cảm thọ, cảm thọ, nên được gọi là cảm thọ.

– Này Hiền giả, tướng, tướng (Sanna) được gọi là như vậy. Này Hiền giả, như thế nào được gọi là tướng?

– Tướng tri, tướng tri (Sanjanati), này Hiền giả, nên được gọi là tướng. Và tướng tri gì? Tướng tri màu xanh, tướng tri màu vàng, tướng tri màu đỏ, tướng tri màu trắng. Tướng tri, tướng tri, này Hiền giả, nên được gọi là tướng.

– Này Hiền giả, thọ như vậy, tướng như vậy, những pháp này được kết hợp hay không được kết hợp? Có thể chăng, nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần?

– Này Hiền giả, cảm thọ như vậy, tướng như vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp. Không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần. Này Hiền giả, điều gì cảm thọ được là tướng tri được, điều gì tướng tri được là cảm thọ

được. Do vậy, những pháp này được kết hợp, không phải không được kết hợp, và không có thể nêu lên sự sai khác giữa những pháp này, sau khi phân tích chúng nhiều lần.

– *Này Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn có thể đưa đến gì?*

– *Này Hiền giả, ý thức thanh tịnh, không liên hệ đến năm căn, có thể đưa đến Hư không vô biên xứ; hư không là vô biên, có thể đưa đến Thức vô biên xứ; thức là vô biên, có thể đưa đến Vô sở hữu xứ, không có sự vật gì.*

– *Này Hiền giả, pháp gì đưa đến nhờ gì có thể tuệ tri được?*

– *Này Hiền giả, nhờ tuệ nhãn, pháp được đưa đến có thể tuệ tri.*

– *Này Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa gì?*

– *Này Hiền giả, trí tuệ có ý nghĩa là thắng tri (Abhinnattha), có nghĩa là liễu tri (Parinnattha), có nghĩa là đoạn tận (Pahanattha).*

– *Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên khiến chánh tri kiến sanh khởi?*

– Nay Hiền giả, có hai duyên khiến chánh tri kiến sanh khởi: Tiếng của người khác và như lý tác ý. Nay Hiền giả, do hai duyên này, chánh tri kiến sanh khởi.

– Nay Hiền giả, chánh tri kiến phải được hỗ trợ bởi bao nhiêu chi phần để có tâm giải thoát quả, tâm giải thoát quả công đức, và tuệ giải thoát quả, tuệ giải thoát quả công đức?

– Nay Hiền giả, chánh tri kiến phải được hỗ trợ bởi năm chi phần để có tâm giải thoát quả, tâm giải thoát quả công đức, tuệ giải thoát quả và tuệ giải thoát quả công đức. Ở đây, nay Hiền giả, **chánh tri kiến có giới hỗ trợ, có văn (Suta) hỗ trợ, có thảo luận hỗ trợ, có chỉ (Samatha) hỗ trợ, có quán (Samadhi) hỗ trợ.** Nay Hiền giả, chánh tri kiến được hỗ trợ bởi năm chi phần này để có tâm giải thoát quả, tâm giải thoát quả công đức, tuệ giải thoát quả và tuệ giải thoát quả công đức.

– Nay Hiền giả, có bao nhiêu hữu (Bhava)?

– Nay Hiền giả, có ba hữu: dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu.

– Nay Hiền giả, như thế nào sự tái sanh trong tương lai được xảy ra?

– Này Hiền giả, bị vô minh ngăn che, bị tham ái trói buộc, các loài hữu tình thích thú chỗ này chỗ kia, như vậy, sự tái sinh trong tương lai được xảy ra.

– Này Hiền giả, như thế nào sự tái sinh trong tương lai không xảy ra?

– Này Hiền giả, vô minh được xả ly, minh khởi, tham ái được đoạn diệt, như vậy sự tái sinh trong tương lai không xảy ra.

– Này Hiền giả, thế nào là Thiên thứ nhất?

– Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo ly dục, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Thiên thứ nhất.

– Này Hiền giả, Thiên thứ nhất có bao nhiêu chi phần?

– Này Hiền giả, Thiên thứ nhất có năm chi phần. Ở đây, này Hiền giả, Tỷ-kheo thành tựu Thiên thứ nhất, có tầm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Này Hiền giả, Thiên thứ nhất có năm chi phần như vậy.

– Này Hiền giả, Thiên thứ nhất từ bỏ bao nhiêu chi phần và thành tựu bao nhiêu chi phần?

– Nay Hiền giả, **Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần và thành tựu năm chi phần.** Ở đây, nay Hiền giả, vị Tỷ-kheo thành tựu Thiền thứ nhất từ bỏ tham dục, từ bỏ sân, từ bỏ hôn trầm thụy miên, từ bỏ trạo hối, từ bỏ nghi, thành tựu tâm, tứ, hỷ, lạc và nhất tâm. Nay Hiền giả, như vậy Thiền thứ nhất từ bỏ năm chi phần, và thành tựu năm chi phần.

– *Này Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới khác nhau, có hành giới khác nhau, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau. Tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nay Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có thọ lãnh cảnh giới, hành giới lẫn nhau, cái gì làm sở y cho chúng, cái gì lãnh thọ cảnh giới, hành giới của chúng?*

– Nay Hiền giả, năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lãnh thọ cảnh giới, hành giới lẫn nhau, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nay Hiền giả, giữa năm căn này, có cảnh giới sai khác, có hành giới sai khác, không có lẫn lộn cảnh giới, hành giới với nhau, **ý làm sở y cho chúng, và ý lãnh thọ cảnh giới và hành giới của chúng.**

– *Này Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nay Hiền giả, năm căn này, do duyên gì*

mà chúng an trú?

– Nay Hiền giả, năm căn này là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Nay Hiền giả, năm căn này do duyên tuổi thọ (Ayu) mà chúng an trú.

– *Nay Hiền giả, tuổi thọ do duyên gì mà an trú?*

– Tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú.

– *Nay Hiền giả, hơi nóng do duyên gì mà an trú?*

– Hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.

– Nay Hiền giả, nay chúng tôi được biết từ lời nói của Tôn giả Sariputta là tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú. Nay chúng tôi lại được biết từ lời nói của Tôn giả Sariputta là hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú. *Nay Hiền giả, như thế nào, cần phải hiểu ý nghĩa lời nói này?*

– Nay Hiền giả, tôi sẽ cho một ví dụ. Nhờ ví dụ, ở đây, một số người có trí sẽ hiểu ý nghĩa lời nói. *Nay Hiền giả, ví như khi một cây đèn dầu được thắp sáng, duyên tim đèn, ánh sáng được hiện ra, do duyên ánh sáng, tim đèn được thấy.* Cũng vậy này Hiền giả, tuổi thọ do duyên hơi nóng mà an trú, và hơi nóng do duyên tuổi thọ mà an trú.

– *Này Hiền giả, những pháp thọ hành (Ayusankhara) này là những pháp được cảm thọ (Vedaniya) này, hay những pháp thọ hành này khác với những pháp được cảm thọ này?*

– *Này Hiền giả, những pháp thọ hành này không phải là những pháp được cảm thọ này. Này Hiền giả, nếu những pháp thọ hành này là những pháp được cảm thọ này thì không thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỷ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tướng định. Này Hiền giả, vì rằng những pháp thọ hành khác, những pháp được cảm thọ khác nên có thể nêu rõ sự xuất khởi của vị Tỷ-kheo đã thành tựu Diệt thọ tướng định.*

– *Này Hiền giả, đối với thân này, khi nào có bao nhiêu pháp được từ bỏ, thì thân này được nằm xuống, quăng đi, vất bỏ, như một khúc gỗ vô tri?*

– *Này Hiền giả, đối với thân này, khi nào ba pháp được từ bỏ: **Tuổi thọ, hơi nóng và thức**, thì thân này nằm xuống, được quăng đi, vất bỏ như một khúc gỗ vô tri.*

– *Này Hiền giả, có sự sai khác gì giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tướng định?*

– *Này Hiền giả, **vật chết, mạng chung này, thân***

hành của nó chấm dứt, dừng lại, khẩu hành chấm dứt, dừng lại, tâm hành chấm dứt, dừng lại, tuổi thọ diệt tận, hơi nóng tiêu diệt, các căn bị bại hoại. Còn vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tướng định, thì thân hành của vị này được chấm dứt, được dừng lại, khẩu hành được chấm dứt, được dừng lại, tâm hành được chấm dứt, được dừng lại, nhưng tuổi thọ không diệt tận, hơi nóng không tiêu diệt, các căn được sáng suốt. Đây Hiền giả, như vậy là sự sai khác giữa vật chết, mạng chung này với vị Tỷ-kheo thành tựu Diệt thọ tướng định.

– *Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để chứng nhập tâm giải thoát bất khổ bất lạc?*

– Này Hiền giả, **có bốn duyên để chứng nhập tâm giải thoát bất khổ bất lạc.** Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Đây Hiền giả, do bốn duyên này mà chứng nhập tâm giải thoát bất khổ bất lạc.

– *Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để chứng nhập vô tướng tâm giải thoát?*

– Này Hiền giả, **có hai duyên để chứng nhập vô tướng tâm giải thoát:** không có tác ý nhất thiết tướng và tác ý vô tướng giới. Đây Hiền giả, do hai

duyên này mà chúng nhập vô tướng tâm giải thoát.

– *Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để an trú vô tướng tâm giải thoát?*

– *Này Hiền giả, có ba duyên để an trú vô tướng tâm giải thoát: tác ý nhất thiết tướng, tác ý vô tướng giới, và một sự sửa soạn trước.* Này Hiền giả, do ba duyên này mà an trú vô tướng tâm giải thoát.

– *Này Hiền giả, có bao nhiêu duyên để xuất khởi vô tướng tâm giải thoát?*

– *Này Hiền giả, có hai duyên để xuất khởi vô tướng tâm giải thoát: tác ý nhất thiết tướng và không tác ý vô tướng giới.* Này Hiền giả, do hai duyên này mà xuất khởi vô tướng tâm giải thoát.

– *Này Hiền giả, vô lượng tâm giải thoát này, vô sở hữu tâm giải thoát này, không tâm giải thoát này và vô tướng tâm giải thoát này, những pháp này nghĩa sai biệt và danh sai biệt, hay nghĩa đồng nhất và danh sai biệt?*

– *Này Hiền giả, vô lượng tâm giải thoát, vô sở hữu tâm giải thoát, không tâm giải thoát và vô tướng tâm giải thoát này, có một pháp môn, này Hiền giả,*

do pháp môn này, các pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt. Và này Hiền giả, lại có một pháp môn, do pháp môn này, các pháp ấy có nghĩa đồng nhất và danh sai biệt.

Này Hiền giả, thế nào là có pháp môn, do pháp môn này các pháp ấy có nghĩa sai khác và có danh sai khác?

Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Với tâm câu hữu với bi... với tâm câu hữu với hỷ... an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy, cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thấy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. *Như vậy, này Hiền giả, gọi là vô lượng tâm giải thoát.*

Và này Hiền giả, thế nào là vô sở hữu tâm giải

thoát? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì" chứng và trú Vô sở hữu xứ. Như vậy, này Hiền giả, gọi là Vô sở hữu tâm giải thoát.

Và này Hiền giả, thế nào là **không tâm giải thoát**? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo đi đến khu rừng, hay đi đến gốc cây, hay đi đến chỗ nhà trống và suy nghĩ như sau: "Đây trống không, không có tư ngã hay không có ngã sở". Như vậy, này Hiền giả, gọi là không tâm giải thoát.

Và này Hiền giả, thế nào là **vô tướng tâm giải thoát**? Ở đây, này Hiền giả, vị Tỷ-kheo không tác ý với nhất thiết tướng, đạt và an trú vô tướng tâm định. Như vậy, này Hiền giả, gọi là vô tướng tâm giải thoát.

Như vậy là có pháp môn và do pháp môn này những pháp ấy nghĩa sai biệt và danh sai biệt.

Và này Hiền giả, thế nào là có pháp môn và do pháp môn này các pháp ấy có nghĩa đồng nhất nhưng danh sai biệt?

Tham, này Hiền giả, là nguyên nhân của hạn lượng; **sân** là nguyên nhân của hạn lượng; **si** là nguyên nhân của hạn lượng. Đối với vị Tỷ-kheo đã

đoạn trừ các lậu hoặc và tham, sân, si này đã được chặt tận gốc như thân cây tala được chặt tận gốc, khiến chúng không thể tái sinh trong tương lai. Nay Hiền giả, **khi nào các tâm giải thoát là vô lượng, thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát không có tham, không có sân, không có si.**

Tham, này Hiền giả, là một vật gì (chướng ngại), sân là một vật gì (chướng ngại), si là một vật gì (chướng ngại). Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, thì tham, sân, si này đã được chặt tận gốc, như thân cây tala được chặt tận gốc, khiến chúng không thể tái sinh trong tương lai. Nay Hiền giả, **khi nào các tâm giải thoát là vô sở hữu, thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng** đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động tâm giải thoát ấy không có tham, không có sân, không có si.

Tham, này Hiền giả, là nhân tạo ra tướng, sân là nhân tạo ra tướng, si là nhân tạo ra tướng. Đối với vị Tỷ-kheo đã đoạn trừ các lậu hoặc, thì tham, sân, si này được chặt tận gốc, như thân cây tala được chặt tận gốc, khiến chúng không thể tái sinh trong tương lai. Nay Hiền giả, **khi nào các tâm giải thoát là vô tướng, thì bất động tâm giải thoát được gọi là tối thượng đối với các tâm giải thoát ấy, và bất động**

tâm giải thoát này không có tham, không có sân, không có si.

Như vậy, này Hiền giả, là pháp môn này, những pháp ấy là đồng nghĩa nhưng danh sai biệt.

Tôn giả Sariputta thuyết giảng như vậy. Tôn giả Mahakotthita hoan hỷ, tín thọ lời Tôn giả Sariputta dạy.

2 6 pháp không thể chứng Sơ thiên - Kinh THIÊN 1 – Tầng III, 238

THIÊN 1 – Tầng III, 238

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được an trú sơ Thiên.

2. Thế nào là sáu?

- *Dục tham, Sân, Hôn trầm thụy miên, Trạo hối, Nghi,*
- *Không như thật khéo thấy với chánh trí tuệ các nguy hại trong các dục.*

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được và an trú sơ thiên.

3. Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiên.

4. Thế nào là sáu?

- *Dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi,*
- *Như thật khéo thấy với chánh trí tuệ các nguy hại trong các dục.*

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiên.

3 7 thức trú - Kinh THỨC TRÚ – Tăng III, 332

THỨC TRÚ – Tăng III, 332

1. - Nay các Tỷ-kheo, **có bảy thức trú này**. Thế nào là bảy?

- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, *thân khác, tướng khác* như loài Người, một số Thiên nhân, một số các loài ở trong đọa xứ. Đây là thức trú thứ nhất.
- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, *thân khác nhau, tướng là một*, như Phạm chúng thiên được sanh nhờ chúng sơ Thiên. Đây là thức trú thứ hai.
- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, *thân là một, tướng khác nhau*, như chư Thiên Quang Âm. Đây là thức trú thứ ba.
- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, *thân là một, tướng là một*, như chư Thiên Biến Tịnh. Đây là thức trú thứ tư.
- Có các loài hữu tính, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn các sắc tướng, chấm dứt các chương ngại tướng, không tác ý sai biệt tướng, đạt đến Không vô biên xứ, biết rằng: "Hư không là vô biên". Đây là thức trú thứ năm.

- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn Không vô biên xứ, đạt đến Thức vô biên xứ, biết rằng: "Thức là vô biên". Đây là thức trú thứ sáu.
- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn Thức vô biên xứ, đạt đến Vô sở hữu xứ, biết rằng: "Không có vật gì". Đây là thức trú thứ bảy.

Này các Tỷ-kheo, có bảy thức trú này.

4 9 thứ đệ diệt - Kinh PHÚNG TỤNG – 33 Trường II, 567

KINH PHÚNG TỤNG

– Bài kinh số 33 – Trường II, 567

(Trích đoạn)

1. **Chín thứ đệ trừ:**

- Này các Hiền giả, ở đây có vị Tỷ kheo, ly ác bất thiện pháp, chứng và trú vào *Thiền thứ nhất*, có tâm có tứ có hỷ lạc do ly dục sanh.
- Diệt tầm diệt tứ... chứng và trú vào *Thiền thứ hai*...
- ... chứng và trú vào *Thiền thứ ba*...
- ... chứng và trú vào *Thiền thứ tư*.
- Sau khi vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn, sau khi trừ diệt các hữu đối tượng, không có tác ý với các sai biệt tướng, chứng và trú *Hư không vô biên xứ*: "Hư không là vô biên".
- Sau khi vượt qua Hư không vô biên xứ một cách hoàn toàn, chứng và trú *Thức vô biên xứ*: "Thức là vô biên".
- chứng và trú *Vô sở hữu xứ*: "Không có sự vật

gì tất cả".

- Sau khi vượt qua một cách hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chúng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**.
- Sau khi vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ một cách hoàn toàn, chúng và trú **Diệt thọ tướng định**.

2. **Chín thứ đệ diệt:**

- Thành tựu Sơ thiền, các **dục tướng** bị đoạn diệt;
- Thành tựu đệ Nhị thiền, các **tâm tứ** bị đoạn diệt;
- Thành tựu đệ Tam thiền, **hỷ** bị đoạn diệt;
- Thành tựu đệ Tứ thiền, **hơi thở vào hơi thở ra** bị đoạn diệt;
- Thành tựu Hư không vô biên xứ, **sắc tướng** bị đoạn diệt;
- Thành tựu Thức vô biên xứ, **Hư không vô biên xứ tướng** bị đoạn diệt;
- Thành tựu Vô sở hữu xứ, **Thức vô biên xứ tướng** bị đoạn diệt;
- Thành tựu Phi tướng phi phi tướng xứ, **Vô sở**

hữu xú tửng bị đoạn diệt;

- Thành tựu **Diệt thọ tửng (định)**, các *tửng* và các *thọ* bị đoạn diệt.

5 Bạc Bất Lai - Kinh SÔNG VIỄN LY – Tăng I, 437

SÔNG VIỄN LY – Tăng I, 437

1. - Có **ba hạnh viễn ly** này được các du sĩ ngoại đạo trình bày. Thế nào là ba?

- Viễn ly y áo,
- Viễn ly đồ ăn khát thực,
- Viễn ly sàng tọa.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly y áo, mang vải gai thô, mặc vải gai thô lẫn với các vải khác, mặc vải tấm liệm quăng đi, mặc vải lượm từ đồng rác, y thì dùng vỏ cây tiritaka làm áo, mặc da con sơn dương đen, mặc áo bện từng mảnh da con sơn dương đen, mặc áo từ cỏ kusa bện lại, mặc áo bằng vỏ cây, mặc áo bằng đuôi ngựa bện lại, mặc áo bằng lông cú. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly y áo.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly đồ ăn khát thực: ăn rau, cây kê, gạo sống, gạo rùng, cây lau, bột gạo, bột gạo cháy, ăn bột vừng, ăn cỏ, ăn phân bò, ăn trái cây, ăn rễ cây trong rừng, ăn trái cây rụng để sống. Như vậy, này các Tỷ-

kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly đồ ăn khát thực.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly sàng tọa: sống trong rừng, tại một gốc cây, tại bãi tha ma, tại khóm rừng rậm, sống ngoài trời, trên một đồng rơm, trong nhà bằng tranh. Như vậy, này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về viễn ly sàng tọa.

Này các Tỷ-kheo, các du sĩ ngoại đạo trình bày về ba hạnh viễn ly này.

2. **Này các Tỷ-kheo, có ba hạnh viễn ly này của vị Tỷ-kheo trong Pháp và Luật. Thế nào là ba?**

Ở đây, này các Tỷ-kheo,

- Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới,
- Có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến,
- Đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc.

Vì rằng, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới, có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến, đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc, nên Tỷ-kheo này, được gọi là đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, được an trú trên căn bản.

3. Ví như, này các Tỷ-kheo, ruộng lúa của người nông phu gia chủ đã chín, người nông phu gia chủ ấy mau mắn gặt lúa; sau khi mau mắn gặt lúa, phải mau mắn chất lúa thành đống; sau khi mau mắn chất lúa thành đống, phải mau mắn chở lúa về; sau khi mau mắn chở lúa về, phải mau mắn đánh lúa thành đống; sau khi đánh lúa thành đống, phải mau mắn đập lúa; sau khi mau mắn đập lúa, phải mau mắn giũ rơm; sau khi mau mắn giũ rơm, phải mau mắn lấy thóc ra; sau khi mau mắn lấy thóc ra, phải mau mắn quạt thóc; sau khi mau mắn quạt thóc, phải mau mắn chứa thóc; sau khi mau mắn chứa thóc, phải mau mắn xay thóc; sau khi mau mắn xay thóc, phải mau mắn sàng cám lấy gạo. Như vậy, này các Tỷ-kheo, với người nông phu gia chủ ấy, lúa gạo ấy đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, đạt được an trú trên căn bản.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo gìn giữ giới luật, từ bỏ ác giới, viễn ly ác giới, có chánh tri kiến, từ bỏ tà kiến, viễn ly tà kiến, đoạn tận các lậu hoặc, từ bỏ các lậu hoặc, viễn ly các lậu hoặc, nên Tỷ-kheo này, này các Tỷ-kheo, được gọi là đạt được tối thượng, đạt được căn bản thanh tịnh, đạt được an trú trên căn bản.

4. Ví như, này các Tỷ-kheo, vào mùa thu, khi bầu trời quang đãng, không có mây và mặt trời mọc lên giữa bầu trời, phá sạch hắc ám khắp cả hư không, và chói sáng, bùng sáng, rực sáng.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, với vị Thánh đệ tử, pháp nhãn ly trần ly cấu khởi lên và do tri kiến này khởi lên, ba kiết sử được đoạn tận, thân kiến, nghi, giới cầm thủ.

Lại nữa, vị ấy được thoát khỏi **hai pháp tham và sân**. Vị ấy ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú sơ Thiên, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Trong thời gian ấy, này các Tỷ-kheo, vị Thánh đệ tử nếu có mạng chung, **sẽ không có kiết sử nào**, do kiết sử ấy, vị Thánh đệ tử phải đi đến thế giới này nữa.

6 Các bất thiện tư duy được trừ diệt ở đây - Kinh SAMANAMANDIKA – 78 Trung II, 437

KINH SAMANAMANDIKA

– Bài kinh số 78 – Trung II, 437

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), Jetavana (Kỳ Viên), tại tinh xá Anathapindika (Cấp Cô Độc). Lúc bấy giờ du sĩ Uggahamana, con của Samanamandika, trú ở tinh xá của Mallika tại Ekasalaka, có hàng cây tinduka bao quanh, được xây dựng để tranh luận cùng với đại chúng du sĩ khoảng ba trăm vị.

Rồi thợ mộc Pancakanga vào buổi sáng sớm, đi ra khỏi Savatthi để yết kiến Thế Tôn. Thợ mộc Pancakanga suy nghĩ: "Nay không phải thời để yết kiến Thế Tôn, Thế Tôn đang an tịnh Thiền tọa; cũng không phải thời để yết kiến các vị Tỷ-kheo đang tu dưỡng tâm ý, các vị Tỷ-kheo đang an tịnh Thiền tọa. Ta hãy đi đến tinh xá của Mallika, tại Ekasalaka, có

hàng cây tinduka bao quanh, được xây dựng để tranh luận, đi đến du sĩ Uggahamana con của Samanamandika". Rồi thợ mộc Pancakanga đi đến tinh xá của Mallika, tại Ekasalaka, có hàng cây tinduka bao quanh, được xây dựng để tranh luận.

Lúc bấy giờ du sĩ Uggahamana, con của Samanamandika đang ngồi với đại chúng du sĩ, đang lớn tiếng, cao tiếng, to tiếng, bàn luận nhiều vấn đề phù phiếm như vương luận, tặc luận, đại thần luận, binh luận, bố úy luận, chiến đấu luận, thực luận, âm luận, y luận, sàng luận, hoa man luận, hương liệu luận, thân tộc luận, xa thừa luận, thôn luận, trấn luận, thị luận, quốc độ luận, phụ nữ luận, anh hùng luận, câu chuyện bên lề đường, câu chuyện tại chỗ lấy nước, câu chuyện về người đã chết, tạp thoại luận, thế giới luận, hải dương luận, hiện hữu vô biên hữu luận. **Du sĩ Uggahamana, con của Samanamandika thấy thợ mộc Pancakanga từ xa đi đến, thấy vậy liền khuyên cáo chúng của mình:**

– Các Tôn giả hãy nhỏ tiếng! Các Tôn giả hãy lặng tiếng! Nay thợ mộc Pancakanga, đệ tử của Sa-môn Gotama đang đến. Khi nào các đệ tử gia chủ mặc áo trắng của Sa-môn Gotama trú ở Savatthi, thời thợ mộc Pancakanga là một trong những vị ấy. Các vị Tôn giả ấy ưa mến an tịnh, được tu tập về an tịnh,

tán thán an tịnh, nếu biết chúng này an tịnh, có thể ghé tại đây.

Rồi các du sĩ ấy đều im lặng. Thợ mộc Pancakanga đi đến du sĩ Uggahamana, con của Samanamandika; sau khi đến, nói lên những lời chào đón hỏi thăm với du sĩ Uggahamana, con của Samanamandika; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Du sĩ Uggahamana nói với thợ mộc Pancakanga đang ngồi một bên:

– Nay Thợ mộc, ta chủ trương rằng một người thành tựu bốn pháp, người ấy sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng. Thế nào là bốn? Ở đây, nay Thợ mộc, không làm ác nghiệp về thân, không nói lời ác, không tư duy ác tư duy, không sinh sống (bằng) nếp sống ác. Nay Thợ mộc, ta chủ trương rằng một người nào thành tựu bốn pháp này, người ấy sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng.

Rồi thợ mộc Pancakanga không hoan hỷ, không kích bác lời nói của du sĩ Uggahamana, con của Samanamandika; không hoan hỷ, không kích bác, từ chỗ ngồi đứng dậy ra đi, với ý nghĩ: "Từ Thế Tôn, ta

sẽ biết ý nghĩa lời nói này". Rồi thợ mộc Pancakanga đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thợ mộc Pancakanga thưa lại với Thế Tôn tất cả câu chuyện giữa mình với du sĩ Uggahamana, con của Samanamandika. Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với thợ mộc Pancakanga:

– Nếu sự tình là như vậy thì một đứa con nít còn bé nhỏ, vô trí, nằm ngửa sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn, thành đạt tối thượng, là bậc vô năng thắng đúng như lời du sĩ Uggahamana, con của Samanamandika.

- ➔ Đây Thợ mộc, đối với đứa con nít nhỏ bé, vô trí, nằm ngửa, không có nghĩ: "Đây là thân", từ đâu nó có thể làm ác nghiệp về thân, trừ ra chỉ biết quơ tay quơ chân?
- ➔ Đây Thợ mộc, đối với đứa con nít, nhỏ bé, vô trí, nằm ngửa, không có nghĩ: "Đây là lời nói", từ đâu nó có thể làm ác nghiệp về lời nói, trừ ra chỉ biết khóc?
- ➔ Đây Thợ mộc, đối với đứa con nít, nhỏ bé, vô trí, nằm ngửa, không có nghĩ: "Đây là tư duy", từ đâu nó có thể tư duy ác tư duy, trừ ra chỉ biết bập bẹ?

- ➔ Nay Thọ mộc, đối với đứa con nít, nhỏ bé, vô trí, nằm ngửa, không có nghĩ: "Đây là nghề sinh sống", từ đâu nó có thể sinh sống bằng nếp sống ác, trừ ra chỉ biết bú sữa mẹ?

Nếu sự tình là vậy này Thọ mộc, thì một đứa con nít còn bé nhỏ, vô trí, nằm ngửa, sẽ được thiện cụ thúc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng, đúng như lời du sĩ Uggahamana, con của Samanamandika.

- ☞ Nay Thọ mộc, Ta chủ trương rằng một người thành tựu bốn pháp, người ấy sẽ không được thiện cụ thúc, thiện tối thắng, không là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng, và như vậy để xác chứng đứa con nít bé nhỏ, vô trí, nằm ngửa này. Thế nào là bốn? Ở đây, này Thọ mộc, không làm ác nghiệp về thân, không nói lời ác ngữ, không tư duy ác tư duy, không sinh sống (bằng) nếp sống ác. Nay Thọ mộc, Ta chủ trương rằng một người thành tựu bốn pháp này, người ấy sẽ không được thiện cụ thúc, thiện tối thắng, không là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng.

- ☞ **Nay thọ mộc, Ta chủ trương rằng một người thành tựu mười pháp, người ấy sẽ được thiện cụ thúc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt**

tôi thượng, vô năng thắng.

- Ta nói rằng, **những pháp này, này Thọ mộc, cần phải được người ấy hiểu là những bất thiện giới,**
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, những bất thiện giới cần phải được người ấy hiểu là từ đây sanh (Itosamutthana).
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, ở đây cần phải được người ấy hiểu là những bất thiện giới được diệt trừ không có dư tàn.
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, cần phải được người ấy hiểu là thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện giới.
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, **những pháp này cần phải được người ấy hiểu là những thiện giới.**
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, những thiện giới cần phải được người ấy hiểu là từ đây sanh.
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, ở đây, cần phải được người ấy hiểu là những thiện giới được diệt trừ không có dư tàn.
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, cần phải được người ấy hiểu là thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện giới.

- Ta nói rằng, này Thọ mộc, **những (pháp) này cần phải được người ấy hiểu là những bất thiện tư duy.**
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, cần phải được người ấy hiểu là những bất thiện tư duy từ nơi đây sanh.
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, ở đây, cần phải được người ấy hiểu các bất thiện tư duy được diệt trừ không có dư tàn.
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, cần phải được người ấy hiểu là thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện tư duy.
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, **những pháp này cần phải được người ấy hiểu là những thiện tư duy.**
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, cần phải được người ấy hiểu là những thiện tư duy từ nơi đây sanh.
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, ở đây, cần phải được người ấy hiểu là các thiện tư duy được trừ diệt không có dư tàn.
- Ta nói rằng, này Thọ mộc, cần phải được người ấy hiểu là thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện tư duy.

❖ **Và này Thọ mộc, thế nào là **bất thiện giới?****

- Thân nghiệp bất thiện,
- Khẩu nghiệp bất thiện,
- Nếp sống ác.

⇒ Những pháp này, này Thọ mộc, được gọi là bất thiện giới.

➔ *Và này Thọ mộc, những bất thiện giới này sanh khởi như thế nào?*

- Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến, cần phải trả lời **từ tâm sanh khởi**.
- Thế nào là tâm? Tâm có nhiều loại, đa chủng, sai biệt. **Tâm có tham, có sân, có si**, từ đây những bất thiện giới sanh khởi.

➔ *Và này Thọ mộc, những bất thiện giới này từ đâu được trừ diệt, không có dư tàn?*

Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến. Ở đây, này Thọ mộc, một Tỷ-kheo,

- Sau khi đoạn trừ thân ác hạnh, tu tập thân thiện hạnh;
- Sau khi đoạn trừ khẩu ác hạnh, tu tập khẩu thiện hạnh;
- Sau khi đoạn trừ ý ác hạnh, tu tập ý thiện hạnh;

– Sau khi đoạn trừ nếp sống ác sinh sống với nếp sống chánh.

⇒ Ở đây, những bất thiện giới ấy được trừ diệt không có tàn dư.

➔ *Thực hành như thế nào, này Thọ mộc, là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện giới?*

Ở đây, này Thọ mộc, vị Tỷ-kheo:

– Khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm; khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sanh không được sanh khởi;

– Khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt;

– Khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các thiện pháp chưa sanh nay được sanh khởi;

– Khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có mơ hồ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn.

⇒ Sự thực hành như vậy, này Thọ mộc, là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện giới.

❖ Và này Thọ mộc, thế nào là thiên giới?

- Thân nghiệp thiện,
 - Khẩu nghiệp thiện,
 - Nếp sống thanh tịnh mạng;
- ⇒ Những pháp này, này Thọ mộc, được gọi là thiện giới.

➔ *Và này Thọ mộc, những thiện giới này sanh khởi như thế nào?*

- Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến, cần phải trả lời là **từ tâm sinh khởi**.
- Thế nào là tâm? Tâm có nhiều loại, đa chủng, sai biệt. **Tâm không tham, không sân, không si**, từ đây những thiện giới sanh khởi.

➔ *Và này Thọ mộc, những thiện giới này từ đâu được trừ diệt, không có dư tàn?*

- Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến. Ở đây, vị Tỷ-kheo **có giới hạnh, và không chấp trước giới (silamayo), và vị này như thật tuệ tri tâm giải thoát, tuệ giải thoát**. Ở đây, những thiện giới ấy được trừ diệt, không có dư tàn.

➔ *Thực hành như thế nào, này Thọ mộc, là sự thực hành đưa đến trừ diệt các thiện giới?*

- Ở đây, này Thọ mộc, vị Tỷ-kheo khởi lên ý muốn, nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm, khiến cho các ác, bất thiện pháp, chưa sanh không được sanh khởi; khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt; khiến cho các thiện pháp chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm, khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có mơ hồ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn. Sự thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện giới.

❖ *Và này Thọ mộc, thế nào là bất thiện tư duy?*

- **Dục tư duy, sân tư duy, hại tư duy.** Pháp này, này Thọ mộc, được gọi là bất thiện tư duy.
- ➔ *Và này Thọ mộc, những bất thiện tư duy này sanh khởi như thế nào?*

- Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến. Cần phải trả lời là từ **tướng** sanh khởi.
- Thế nào là tướng? Tướng có nhiều loại, đa

chúng, sai biệt: đục tướng, sân tướng, hại tướng, từ đây những bất thiện tư duy sanh khởi.

➔ *Và này Thọ mộc, những bất thiện tư duy này từ đâu được trừ diệt, không có dư tàn?*

– Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến. Ở đây, này Thọ mộc, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp chúng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, với tâm, với tứ. Ở đây, những bất thiện tư duy được trừ diệt, không có dư tàn.

➔ *Và sự thực hành như thế nào, này Thọ mộc, là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện tư duy?*

Ở đây, vị Tỷ-kheo khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các ác, bất thiện pháp chưa sanh không được sanh khởi... khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt; khiến cho các thiện pháp chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm; khiến cho các thiện pháp đã sanh có thể duy trì, không có mơ hồ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn. Sự thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các bất thiện tư duy.

❖ Này Thọ mộc, thế nào là thiện tư duy?

- Ly dục tư duy, vô sân tư duy, bất hại tư duy; những pháp này, này Thọ mộc, được gọi là thiện tư duy.
- ➔ *Và này Thọ mộc, những thiện tư duy này sanh khởi như thế nào?*
 - Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến. Cần phải trả lời là từ tướng sanh khởi. Thế nào là tướng? Tướng có nhiều loại, đa chủng, sai biệt: ly dục tướng, vô sân tướng, bất hại tướng, từ đây sanh khởi là những thiện tư duy.
- ➔ *Và này Thọ mộc, những thiện tư duy này từ đâu được diệt, không có dư tàn?*
 - Sự trừ diệt của chúng cũng được nói đến. Ở đây, này Thọ mộc, vị Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chúng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhất tâm. Ở đây, những thiện tư duy ấy được trừ diệt không có dư tàn.
- ➔ *Và sự thực hành như thế nào, này Thọ mộc, là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện tư duy?*

Ở đây, Tỷ-kheo khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm khiến cho các ác, bất thiện pháp chưa sanh không có sanh khởi... (như trên)...; khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sanh được trừ diệt... (như trên)...; khiến cho các thiện pháp chưa sanh nay được sanh khởi; khởi lên ý muốn nỗ lực, tinh tấn, quyết tâm, sách tấn tâm, khiến cho các thiện pháp đã sanh, có thể duy trì, không có mơ hồ, được tăng trưởng, được quảng đại, được tu tập, được viên mãn. Sự thực hành như vậy là sự thực hành đưa đến diệt trừ các thiện tư duy.

❖ Và này Thọ mộc, Ta chủ trương rằng một người thành tựu mười pháp này, người ấy được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng.

Ở đây, này Thọ mộc, vị Tỷ-kheo:

- Thành tựu vô học chánh tri kiến,
- Thành tựu vô học chánh tư duy,
- Thành tựu vô học chánh ngữ,
- Thành tựu vô học chánh mạng,
- Thành tựu vô học chánh tinh tấn,
- Thành tựu vô học chánh niệm,

- Thành tựu vô học chánh định,
- Thành tựu vô học chánh trí,
- Thành tựu vô học chánh giải thoát.

Này Thợ mộc, Ta chủ trương rằng một người thành tựu mười pháp này sẽ được thiện cụ túc, thiện tối thắng, là bậc Sa-môn thành đạt tối thượng, vô năng thắng.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Thợ mộc Pancakanga hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

7 Các pháp trong thiên 1 - Kinh BÁT ĐOẠN – 111 Trung III, 153

KINH BÁT ĐOẠN

(Anupada sutta)

– Bài kinh số 111 – Trung III, 153

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà-lâm), tinh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo" – "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Hiền trí;
- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Đại tuệ;
- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Quảng tuệ;
- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Hỷ tuệ (Hasupanna);
- Này các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Tiệp tuệ (javanapanna);

- Nay các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Lợi tuệ (tikkhapanna);
- Nay các Tỷ-kheo, Sariputta là bậc Quyết trạch tuệ (nibbedhikapanna).
- Nay các Tỷ-kheo, cho đến nửa tháng, Sariputta quán bất đoạn pháp quán. Nay các Tỷ-kheo, đây là do bất đoạn pháp quán của Sariputta.

Ở đây, nay các Tỷ-kheo, Sariputta ly dục, ly bất thiện pháp, chứng đạt và an trú **sơ Thiền**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Và những pháp thuộc về Thiền thứ nhất như **tâm, tứ, hỷ, lạc, nhút tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; các pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn.** Các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi an trú, được Sariputta biết đến khi đoạn diệt. Sariputta biết rõ như sau: "Nhu vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy, cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. **Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn nữa".**

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sariputta diệt tầm và tứ, chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm. Và những pháp thuộc về Thiền thứ hai như nội tĩnh, hỷ, lạc, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý, những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn. Các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta biết rõ như sau: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Sariputta ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú **Thiền thứ ba**. Và những pháp thuộc về Thiền thứ ba, như xả, lạc, niệm, tỉnh giác, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, xả, tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được

Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chúng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh. Và những pháp thuộc về Thiền thứ tư, như xả, bất khổ bất lạc thọ, thọ (passivedana?), vô quán niệm tâm (Cetaso anabhogo), thanh tịnh nhờ niệm, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; **những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn**, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên

hoàn toàn sắc tướng, diệt trừ mọi chương ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ**. Và những pháp thuộc về Không vô biên xứ như hư không, vô biên xứ tướng, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn, các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy, không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**. Và những pháp thuộc về Thức vô biên xứ như Thức vô biên xứ tướng, nhứt tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn; các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với

tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**. Và những pháp thuộc về Vô sở hữu xứ, như **Vô sở hữu xứ tướng, nhút tâm, và xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, dục, thắng giải, tinh tấn, niệm, xả, tác ý**; những pháp ấy được Sariputta an trú bất đoạn; các pháp ấy được Sariputta biết đến khi chúng khởi lên, được Sariputta biết đến khi chúng an trú, được Sariputta biết đến khi chúng đoạn diệt. Sariputta đối với những pháp ấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không có hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt lên hoàn toàn Vô sở hữu xứ, chứng và trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**. Với chánh niệm, Sariputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sariputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy trước không có nơi ta, nay có hiện hữu, sau khi hiện hữu chúng

đoạn diệt". Sariputta đối với những pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. Sariputta biết: "Còn có sự giải thoát hơn thế nữa. Đối với Sariputta, còn có nhiều việc phải làm hơn thế nữa".

Lại nữa này các Tỷ-kheo, Sariputta vượt khỏi hoàn toàn Phi tướng phi phi tướng xứ, chứng và an trú **Diệt thọ tướng** (định). Sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc được đoạn tận. Với chánh niệm, Sariputta xuất khỏi định ấy. Sau khi với chánh niệm xuất khỏi định ấy, Sariputta thấy các pháp ấy thuộc về quá khứ, bị đoạn diệt, bị biến hoại: "Như vậy các pháp ấy, trước không có nơi ta, sau có hiện hữu, sau khi hiện hữu, chúng đoạn diệt". Sariputta đối với các pháp ấy cảm thấy không luyến ái, không chống đối, độc lập, không trói buộc, giải thoát, không hệ lụy, an trú với tâm không hạn chế. **Sariputta biết: "*Không có sự giải thoát nào vô thượng hơn thế nữa. Đối với Sariputta, không có việc phải làm nhiều hơn thế nữa*".**

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người này được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định, được

tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát. Nói một cách chơn chánh về Sariputta, người ấy có thể nói như sau: "***Sariputta được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giới, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh định, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh tuệ, được tự tại, được cứu cánh trong Thánh giải thoát***".

Này các Tỷ-kheo, nếu nói một cách chơn chánh, một người có thể nói về người ấy như sau: "Người này là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất". Nói một cách chơn chánh về Sariputta, người ấy có thể nói như sau: "***(Sariputta) là con chánh tông của Thế Tôn, sanh ra từ miệng, sanh ra từ Pháp, do Pháp hóa thành, thừa tự Chánh pháp, không thừa tự vật chất***".

Sariputta, này các Tỷ-kheo, chơn chánh chuyển Pháp luân vô thượng đã được Như Lai chuyển vận.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các vị Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

8 Cách nhập và xuất Sơ thiền - Kinh TAPUSSA – Tăng IV, 195

TAPUSSA – Tăng IV, 195

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Malla, tại một thị trấn của dân chúng Malla tên là Uruvelakappa. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Uruvelakappa để khát thực. Khát thực ở Uruvelakappa xong, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, Thế Tôn bảo Tôn giả Ànanda, nói rằng:

- Này Ànanda, Thầy hãy ở đây, chờ cho Ta vào trong rừng Đại Lâm để nghỉ ban ngày.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ànanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn đi vào rừng Đại Lâm ngồi nghỉ ban ngày tại một góc cây.

2. Rồi gia chủ Tapussa đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ànanda và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Tapussa thưa với Tôn giả Ànanda:

- Thưa Tôn giả Ānanda, chúng tôi là người gia chủ, thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả, là những gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vức thắm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tỉnh, an trú, giải thoát, vì thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các vị Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này.

- Nay Gia chủ, đây là một vấn đề để nói chuyện. Nay Gia chủ, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Tapussa vâng đáp Thế Tôn Ānanda.

3. Rồi Tôn giả Ānanda cùng với gia chủ Tapussa đi đến Thế Tôn, sau khi đến... bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, gia chủ Tapussa này nói như sau: "Thưa Tôn giả Ānanda, chúng tôi là người gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả, là những gia chủ, thọ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vục thẳm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì được thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này".

4. - Như vậy là phải, này Ānanda! Như vậy là phải, này Ānanda!

Này Ānanda, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng được Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "**Lành thay, sự xuất ly! Lành thay, sống viễn ly**". **Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi trong sự xuất ly ấy**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "Đây là an tịnh". Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi trong sự xuất ly ấy, không có tịnh tín, không có

an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi này Ànanda, **Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy Nguy hiểm trong các dục, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Lợi ích của xuất ly chưa được chứng đắc, Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi trong xuất ly ấy, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát"**.
- Này Ànanda, **về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy"**, thời sự kiện này xảy ra: **Tâm của Ta có thể hứng khởi trong xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh"**.
- Rồi này Ànanda, **sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh"**.
- Này Ànanda, sau một thời gian Ta ly dục... chứng đạt và an trú sơ Thiên. **Do Ta trú với sự**

an trú này, các tướng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành. Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ananda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên, như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tướng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

5. Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy chỉ tức các tâm và tứ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**". *Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không có tâm ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".* Này Ananda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, Tâm Ta không hứng khởi đối với không có tâm ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy nguy hiểm trong các tâm, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có tâm chưa được chứng đắc, Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy". Do vậy, tâm Ta không hứng khởi đối với không có tâm, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát.

- Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các tâm, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích không có tâm, Ta thường thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hừng khởi trong không có tâm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi nay Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các tâm. Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích không có tâm, Ta thường thức lợi ích ấy. Và nay Ànanda, tâm Ta hừng khởi trong không có tâm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Nay Ànanda, sau một thời gian Ta diệt tâm và tứ... chứng đạt và an trú Thiền thứ hai. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với tâm vẫn hiện hành. Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tướng tác ý câu hữu với tâm vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

6. Rồi nay Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy ta hãy ly hỷ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba.** **Nhưng nay Ànanda, tâm của Ta không hừng khởi đối với không có hỷ ấy,** không có tịnh tín, không có an trú,

không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: "Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong hỷ, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có hỷ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát".
- Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong hỷ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ānanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong hỷ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy.
Và này Ānanda, tâm Ta hứng khởi trong không

có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Nay Ànanda, sau một thời gian, Ta ly hỷ... chứng đạt và an trú Thiên thứ ba. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành. Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, nay Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tướng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

7. Rồi nay Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy ta hãy đoạn lạc, đoạn khổ... chứng đạt và an trú **Thiên thứ tư**". **Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không khổ, không lạc**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: "Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không khổ, không lạc, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?"

- Rồi nay Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy nguy hiểm trong xả lạc, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Lợi ích của

không khổ, không lạc chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với không khổ, không lạc ấy, không tinh tấn, không có an trú, không giải thoát".

- Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong xả lạc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không khổ, không lạc, Ta thưởng thức sự lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không khổ, không lạc, tinh tấn, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi nay Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong xả lạc, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và nay Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong không khổ, không lạc, tinh tấn, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Nay Ànanda, sau một thời gian, Ta xả lạc, xả khổ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. *Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với xả lạc vẫn hiển hành.* Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, nay Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các

tướng, tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

8. Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tướng, không tác ý đến các tướng sai biệt, chứng đạt và an trú **Không vô biên xứ**. *Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Không vô biên xứ*, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ananda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: "Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh?"

- Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong các sắc, Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Không vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".

- Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thường thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi nay Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thường thức lợi ích ấy. Và nay Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Nay Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua các sắc tướng... chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. *Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với các sắc vẫn hiện hành.* Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, nay Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tướng, tác ý câu hữu với sắc vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

9. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ. Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Thức vô biên xứ**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "*Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh?"*".

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "*Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Không vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Thức vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát*".
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "*Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy*", **thời sự**

kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hừng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thường thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hừng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Không vô biên xứ... chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành. Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tướng, tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

10. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ.** **Nhưng tâm của Ta không có hừng khởi đối với Vô sở hữu xứ,** không có tịnh tín, không có

an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?"*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Vô sở hữu xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát"*.
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Vô sở hữu xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm

cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chúng được lợi ích trong Vô sở hữu xứ, Ta thường thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hừng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Thức vô biên xứ... chúng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. *Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với các Thức vô biên xứ vẫn hiện hành, như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.* Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tướng, tác ý câu hữu với Thức vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

11. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chúng đạt và an trú **Phi tướng phi phi tướng xứ.** **Nhưng tâm của Ta không có hừng khởi đối với Phi tướng phi phi tướng xứ,** không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hừng khởi đối với Phi tướng phi phi tướng xứ, không có*

tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ,

tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Nay Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Vô sở hữu xứ... chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với các Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành, như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, nay Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tướng, tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

12. Rồi nay Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Diệt thọ tưởng định**. Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với **Diệt thọ tưởng định**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?"*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Phi tướng phi phi tướng xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Diệt thọ tướng định chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tướng định, không tinh tấn, không an trú, không giải thoát"*.
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Phi tướng phi phi tướng xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tướng định, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Diệt thọ tướng định, tinh tấn, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Phi tướng phi phi tướng xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tướng định, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Diệt thọ tướng định, tinh tấn, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ... chứng đạt và an

trú Diệt thọ tướng định, *Ta thấy với trí tuệ và các lậu hoặc đi đến đoạn diệt.*

13. Cho đến khi nào, này Ànanda, chín thứ đệ trú Thiên chúng này chưa được Ta thuận thứ nghịch thứ chúng đạt và xuất khởi, thời này Ànanda, trong thế giới, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta chưa xác chứng rằng ta đã chứng **Chánh Đẳng Chánh giác**.

Cho đến khi nào, này Ànanda, chín thứ đệ trú Thiên chúng này đã được Ta thuận thứ nghịch thứ chúng đạt và xuất khởi, thời này Ànanda, trong thế giới này, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cho đến khi ấy, Ta mới xác chứng rằng Ta đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. *Tri và Kiến khởi lên nơi Ta. Ta biết rằng: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".*

9 Cách thực hành, Tầm tứ trong thiền 1 là gì - Kinh ĐIỀU NGỰ ĐỊA – 125 Trung III, 337

KINH ĐIỀU NGỰ ĐỊA

(**Dantabhumisuttam**)

– *Bài kinh số 125 – Trung III, 337*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn ở Rajagaha (Vương Xá). Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng sóc (Kalandakanivapa). Lúc bấy giờ, Sa-di Aciravata (Tân Học Sa-môn) đang ở tại am thất Aranna. Rồi vương tử Jayasena trong khi tản bộ du hành, đi đến Sa-di Aciravata, sau khi đến nói lên với Sa-di Aciravata những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, vương tử Jayasena nói với Sa-di Aciravata:

Tôn giả Aggivessana, tôi có nghe như sau:

– "Ở đây Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sẽ được nhưt tâm".

– Sự việc là vậy, này Vương tử! Sự việc là vậy, này Vương tử! Ở đây, Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần sẽ chứng được nhứt tâm.

– Thật là tốt lành nếu Tôn giả Aggivessana thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học.

– Này Vương tử, tôi không có thể thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học. Nếu nay tôi thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học, và nếu Vương tử không hiểu lời tôi nói, như vậy sẽ làm tôi mệt mỏi, làm tôi phiền muộn.

– Tôn giả Aggivessana, hãy thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học! Rất có thể, tôi sẽ hiểu ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana.

– Này Vương tử, tôi sẽ thuyết pháp cho Vương tử như đã được nghe, như đã được học. Nếu Vương tử có thể hiểu ý nghĩa lời nói của tôi, như vậy là tốt đẹp. Nếu Vương tử không thể hiểu lời nói của tôi, hãy dừng lại trên sự trạng của mình, chớ có hỏi tôi thêm nữa!

– Tôn giả Aggivessana, hãy thuyết pháp cho tôi như đã được nghe, như đã được học! Nếu tôi có thể

hiểu được ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana, như vậy là tốt đẹp. Nếu tôi không có thể hiểu được ý nghĩa lời nói của Tôn giả Aggivessana, tôi sẽ dừng lại trên sự trạng của tôi, ở đây, tôi sẽ không hỏi Tôn giả Aggivessana thêm nữa.

Rồi Sa-di Aciravata thuyết pháp cho vương tử Jayasena như đã được nghe, như đã được học. Khi được nghe vậy, Vương tử nói với Sa-di Aciravata như sau:

– Sự việc không phải là như vậy, Tôn giả Aggivessana; trường hợp không phải là như vậy, rằng Tỷ-kheo sống không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần lại có thể chứng đắc nhất tâm.

Rồi Vương tử Jayasena sau khi nói lên với Sa-di Aciravata sự việc không phải như vậy và trường hợp không phải như vậy, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

Rồi Sa-di Aciravata, sau khi vương tử Jayasena ra đi không bao lâu, liền đi đến Thế Tôn, sau khi đến đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Sa-di Aciravata kể lại cho Thế Tôn tất cả cuộc đàm thoại với vương tử Jayasena.

Khi nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Sa-di

Aciravata:

– Như vậy, này Aggivessana, nào có lợi ích gì? Vương tử Jayasenna sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiền, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy, hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, hay chỉ có ly dục mới chứng được, sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Aggivessana, ví như giữa các con voi, con ngựa hay con bò được dạy điều phục có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được dạy điều phục, được khéo huấn luyện; và có hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò không được khéo điều phục, không được khéo huấn luyện.

Này Aggivessana, Ông nghĩ thế nào? Hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò, được khéo điều phục, được khéo huấn luyện, các con ấy có thể đi đến khả năng điều phục (dantakaranam), có thể đạt đến điều phục địa không?

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

– Còn hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được dạy điều phục, nhưng không được khéo điều

phục, không được khéo huấn luyện, các con ấy không được điều phục, có thể đi đến khả năng điều phục, không được điều phục có thể đạt đến điều phục địa, như hai con voi, hai con ngựa hay hai con bò được khéo điều phục, được khéo huấn luyện kia không?

– Thưa không, bạch Thế Tôn.

– Cũng vậy, này Aggivessana, vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiền, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy, hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, chỉ có ly dục mới chứng được, sự kiện như vậy không xảy ra.

Ví như, này Aggivessana, một hòn núi lớn không xa làng hay thị trấn. Và có hai người bạn, tay trong tay đi ra khỏi làng hay thị trấn ấy, và đi đến hòn núi kia. Sau khi đến, một người bạn đứng dưới chân núi, còn người bạn kia leo lên đỉnh núi. Người bạn đứng dưới chân núi ấy có thể nói với người bạn đứng trên đỉnh núi: "*Này Bạn thân, Bạn đứng trên đỉnh núi, Bạn thấy những gì?*" Người này nói: "*Này Bạn thân, đứng trên đỉnh núi tôi thấy các vườn khả*

ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái". Người kia nói: "Không có sự kiện này, này Bạn thân, không có trường hợp này, Bạn đứng trên đỉnh núi lại có thể thấy các khu vườn khả ái, khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái".

Rồi người bạn đã đứng trên đỉnh núi, sau khi đi xuống chân núi, nắm tay bạn, khiến bạn trèo lên đỉnh núi, để bạn nghỉ thở một thời gian, rồi nói: "*Này Bạn thân, nay Bạn có thể thấy gì, khi Bạn đứng trên đỉnh núi?*" Và người bạn ấy có thể nói: "*Này Bạn thân, nay đứng trên đỉnh núi, tôi thấy các khu vườn khả ái, các khu rừng khả ái, các đất bằng khả ái, các ao hồ khả ái*".

Người kia có thể nói như sau: "*Vừa rồi, này Bạn thân, chúng tôi hiểu Bạn nói: "Không thể có sự kiện này, này Bạn thân, không thể có trường hợp này, Bạn đứng trên đỉnh núi lại có thể thấy các khu vườn khả ái... các ao hồ khả ái". Nhưng nay chúng tôi hiểu Bạn nói: "Này Bạn thân, nay đứng trên đỉnh núi, tôi thấy các khu vườn khả ái... các ao hồ khả ái". Người kia nói như sau: "Này Bạn thân, vì tôi bị che khuất bởi sườn núi này, nên không thấy được những điều đáng thấy".*

Cũng vậy, nhưng to lớn hơn, này Aggivessana,

là Vương tử Jayasena, bị che khuất, bị chặn đứng, bị chướng ngại, bị bao vây bởi **vô minh uẩn** này. Vương tử Jayasena sống giữa các dục, thọ hưởng các dục, bị tư tưởng dục nhai nghiền, bị nhiệt não dục thiêu đốt, tha thiết truy cầu dục, lại có thể biết, có thể thấy hay có thể chứng (quả vị) chỉ có ly dục mới biết được, chỉ có ly dục mới thấy được, chỉ có ly dục mới đạt được, chỉ có ly dục mới chứng được; sự kiện như vậy không xảy ra.

Nếu hai ví dụ này được Ông đề cập cho Vương tử Jayasena, thời vương tử Jayasena tự nhiên tin tưởng Ông và khi đã tin tưởng, sẽ hành động đúng theo cung cách một người đã tin tưởng Ông.

– Nhưng làm sao, bạch Thế Tôn, hai ví dụ này khởi đến từ nơi con cho vương tử Jayasena, khởi lên một cách tự nhiên, từ trước chưa từng được nghe, như Thế Tôn được?

– Ví như, này Aggivessana, một vị vua Sát-đế-ly đã quán đánh bảo người nài voi: "Này Tượng sư, hãy cưới con vương tượng, đi vào rừng có voi; khi Ông thấy con voi rừng, hãy cột nó lại vào cổ con vương tượng". – "Thưa vâng, Đại vương".

Này Aggivessana, người tượng sư vâng theo lời vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, cưới con vương

tượng, vào trong rừng có voi, thấy con voi rừng, cột (con voi rừng ấy) vào cổ con vương tượng. Con vương tượng kéo nó ra chỗ ngoài trời. Cho đến như vậy, này Aggivessana, con voi rừng được đi đến chỗ ngoài trời. Nhưng này Aggivessana, con voi rừng còn có sự tham luyện tức là đối với rừng có voi. Người tượng sư tâu với vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh về con voi rừng ấy. "Tâu Đại vương, con voi rừng đã ra chỗ ngoài trời".

Rồi vị vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh bảo người điều phục voi: *"Hãy đến, này người Điều phục voi, hãy điều phục con voi rừng này bằng cách điều phục nếp sống rừng của nó, bằng cách điều phục tâm tư rừng núi, bằng cách điều phục sự ưu tư, mệt nhọc, nhiệt não đối với rừng núi của nó bằng cách làm cho nó thích thú với thôn làng, và bằng cách làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người"*. – "Thưa vâng, tâu Đại vương".

Này Aggivessana, người điều phục voi vâng theo lời vua Sát-đế-ly đã làm lễ quán đánh, **đóng một cọc trụ lớn vào đất, cột cổ con voi rừng,** để điều phục nếp sống rừng của nó, để điều phục tâm tư rừng núi, để điều phục sự suy tư, mệt nhọc, nhiệt não của rừng núi, để làm cho nó thích thú với thôn làng và làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người.

Rồi người điều phục voi lại nói với nó bằng những lời nhẹ nhàng, đẹp tai, thân tình, đi đến tâm, thanh nhã, khiến nhiều người vui thích, khiến nhiều người hoan hỷ. Và này Aggivessana, con voi rừng khi được nói với những lời nhẹ nhàng, đẹp tai, thân tình, đi đến tâm, thanh nhã, khiến nhiều người vui thích, khiến nhiều người hoan hỷ, liền nghe, lắng tai, trú tâm vào học hỏi (anna?).

Tiếp đến người điều phục voi đem cỏ và nước cho con voi rừng. Này Aggivessana, khi con voi rừng nhận cỏ và nước, người điều phục voi mới nghĩ: "**Này con voi rừng sẽ sống**".

Rồi người điều phục voi khiến (con voi rừng) làm thêm một động tác khác: "*Này Bạn, nhặt lên! Này Bạn, đặt xuống!*"

Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy nhặt lên, đặt xuống rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác: "*Này Bạn, đi tới! Này Bạn đi lui!*"

Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy đi tới, đi lui rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác: "*Này Bạn, đứng dậy!*"

Này Bạn, ngồi xuống!"

Này Aggivessana, sau khi con vương tượng vâng theo lời người điều phục voi, làm đúng theo lời dạy, đứng dậy, ngồi xuống rồi, người điều phục voi khiến nó làm thêm một động tác khác tên gọi "**bất động**". Nó cột cái khiên bằng gỗ vào cái vòi của con vật to lớn, và một người tay cầm ngọn giáo ngồi trên cổ, và xung quanh một số người tay cầm ngọn giáo đứng bao vây. Và người điều phục voi, tay cầm một ngọn giáo với cán cây dài, đứng ở phía trước. Con voi ấy làm động tác bất động, không có di động chân trước, không có di động chân sau, không có di động thân trước, không có di động thân sau, không di động đầu, không có di động tai, không có di động ngà, không có di động vòi. Con vương tượng là **con voi có thể nhẫn chịu đao, kiếm, tên, búa chém bắn, nhẫn chịu tiếng vang động của trống lớn, trống nhỏ, tù và, (như là) vàng ròng tẩy sạch các tỳ vết như bản, xứng đáng vua (dùng), một sở hữu của vua, một biểu tượng của vua.**

Cũng vậy, này Aggivessana, ở đây, Như Lai xuất hiện ở đời, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác... (Như Tập I, Kinh Sa môn Quả trang 120-121)... **Xuất gia** từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Cho đến đây, này Aggivessana, **là vị Thánh đệ tử đi đến chỗ ngoài**

trời. Nhưng này Aggivessana, các vị Thiên, Nhân có tham ái này, tức là năm dục công đức.

Rồi Như Lai huấn luyện thêm cho (vị đệ tử) ấy:
"Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ lãnh và tu học trong học pháp!"

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã giữ giới, sống chế ngự với sự chế ngự của giới bốn Patimokkha, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy nguy hiểm trong những lỗi nhỏ nhất, thọ lãnh và tu học trong học pháp, Như Lai lại huấn luyện thêm cho đệ tử ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy bảo hộ các căn! Khi mắt thấy sắc, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì, vì nhãn căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, hãy tư chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì con mắt, thiết hành sự hộ trì con mắt. Khi tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, thân cảm xúc, ý nhận thức các pháp, chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng. Những nguyên nhân gì vì ý căn không được chế ngự, khiến tham ái ưu bi, các ác bất thiện pháp khởi lên, hãy chế ngự nguyên nhân ấy, hộ trì ý căn, thiết hành sự hộ trì ý căn".

Này Aggivessana, sau khi Thánh đệ tử đã hộ trì các căn, Như Lai huấn luyện thêm vị Thánh đệ tử ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy tiết độ trong ăn uống**, chơn chánh giác sát thọ dụng món ăn, không phải để vui đùa, không phải để đam mê, không phải để trang sức, không phải để tự làm đẹp mình, chỉ để thân này được duy trì, được bảo dưỡng, khỏi bị gia hại, để chấp trì Phạm hạnh, nghĩ rằng: "Như vậy ta diệt trừ các cảm thọ cũ và không cho khởi lên các cảm thọ mới. Và ta sẽ không phạm lỗi lầm, sống được an ổn".

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã tiết độ trong ăn uống, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy chú tâm cảnh giác!** Ban ngày khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Ban đêm trong canh một, trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp. Ban đêm trong canh giữa, hãy nằm xuống phía hông bên phải, như dáng nằm con sư tử, chân gác trên chân với nhau, chánh niệm tỉnh giác, hướng niệm đến lúc ngồi dậy. Ban đêm canh cuối, khi đã thức dậy trong khi đi kinh hành và trong khi đang ngồi, hãy gột sạch tâm trí khỏi các chướng ngại pháp".

Này Aggivessana, sau khi Thánh đệ tử đã chú

tâm cảnh giác, Như Lai huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy thành tựu chánh niệm tỉnh giác!** Khi đi tới khi đi lui đều tỉnh giác; khi nhìn thẳng, khi nhìn quanh đều tỉnh giác; khi co tay, khi duỗi tay đều tỉnh giác; khi mang y kép, bình bát, thương y đều tỉnh giác; khi ăn uống nhai nuốt đều tỉnh giác; khi đi đại tiện, tiểu tiện đều tỉnh giác; khi đi đứng ngồi, nằm, thức, nói, yên lặng đều tỉnh giác".

Này Aggivessana, sau khi vị Thánh đệ tử đã thành tựu chánh niệm tỉnh giác, Như Lai lại huấn luyện thêm vị ấy: "Hãy đến, này Tỷ-kheo, **hãy lựa một trú xứ thanh vắng**, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, chỗ hoang vu, hang núi, bãi tha ma, khóm rừng, ngoài trời, đóng rom!"

Vị ấy lựa chọn một trú xứ thanh vắng, khu rừng, gốc cây, ngọn núi, chỗ hoang vu, hang núi, bãi tha ma, khóm rừng, ngoài trời, đóng rom. Vị ấy sau khi ăn xong, trên đường khát thực trở về, ngồi xuống, **kiết-già, giữ lưng cho thẳng, trú niệm trước mắt.** Vị ấy từ bỏ tham ái ở đời, sống với tâm thoát ly tham ái, **gột rửa tâm hết tham ái.** Từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng hữu tình, **gột rửa tâm hết sân hận.** Từ bỏ hôn trầm thụy miên, vị ấy sống thoát ly hôn trầm thụy miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng, chánh

niệm tỉnh giác, **gột rửa tâm hết hôn trầm thụy miên**. Từ bỏ trạo cử hồi quá, vị ấy sống không trạo cử hồi quá, nội tâm trầm lặng, **gột rửa tâm hết trạo cử hồi quá**. Từ bỏ nghi ngờ, vị ấy sống với tâm thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân lưỡng lự, **gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp**.

Vì ấy sau khi **đoạn trừ năm triền cái** này, những triền cái làm ô nhiễm tâm tư, làm yếu ớt trí tuệ, vị ấy sống **quán thân trên thân**, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, để điều phục tham ưu ở đời, quán thọ trên các cảm thọ... quán tâm trên tâm... quán pháp trên các pháp, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm để điều phục tham ưu ở đời. Ví như, này Aggivessana, một người điều phục voi **đóng một cọc trụ lớn vào đất, cột cổ con voi rừng để điều phục nếp sống rừng của nó, để điều phục tâm tư rừng núi của nó, để điều phục sự ưu tư mệt nhọc nhiệt nã của rừng núi, để làm cho nó thích thú với thôn làng và làm cho nó quen thuộc với nếp sống loài người**. Cũng vậy, này Aggivessana, **BỐN NIỆM XỨ** này là những dây cột tâm tư để điều phục **tánh cư sĩ, để điều phục tâm tư cư sĩ, để điều phục sự ưu tư mệt nhọc nhiệt nã của các cư sĩ, để đạt được chánh lý (naya), để chứng ngộ Niết-bàn**.

Rồi Như Lai huấn luyện thêm vị ấy:

– Hãy đến, này Tỷ-kheo, hãy trú quán thân trên thân, và **chớ có suy tư trên tâm liên hệ đến thân**; hãy trú quán thọ trên các cảm thọ, và chớ có suy tư trên tâm liên hệ đến cảm thọ; hãy trú quán tâm trên tâm, chớ có suy tư trên tâm liên hệ đến tâm; hãy trú quán pháp trên các pháp, và chớ có suy tư trên tâm liên hệ đến các pháp. **Vị ấy làm cho dừng lại tâm và tứ, chứng và trú Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, ... chứng và trú Thiền thứ tư". Vị ấy với tâm định tĩnh... (như Kinh Trung Bộ tập I, Kinh Sa môn Quả, trang 142 đến trang 155)... Vị ấy biết không có đời sống như vậy nữa.

Tỷ-kheo ấy kham nhẫn lạnh, nóng, đói, khát, sự xúc chạm của muỗi, ruồi, gió, mặt trời và các loài bò sát, các ác ngữ, các lời nói chửi mắng, vị ấy sống quen kham nhẫn với những cảm thọ về thân, thống khổ, đau nhói, đau đốn, kịch liệt, bất khoái, không thích ý, đau đốn đến chết, được gột sạch về uế nhiễm tham, sân, si. Vị ấy xứng đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, chấp tay, là vô thượng phước điền trên đời.

- Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi già chết đi, không được điều phục, không được huấn luyện, thì con vương tượng tuổi già

được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.

- Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi bậc trung; nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi trẻ chết đi, không được điều phục, không được huấn luyện, thời con vương tượng tuổi trẻ được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.
- Cũng vậy, này Aggivessana, nếu vị Trưởng lão Tỷ-kheo chết với lậu hoặc chưa đoạn tận, thời Trưởng lão Tỷ-kheo được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.
- Nếu, này Aggivessana, một Tỷ-kheo trung niên, nếu, này Aggivessana, một Tỷ-kheo thiếu niên chết với lậu hoặc chưa đoạn tận, thời Tỷ-kheo thiếu niên được gọi là đã chết với cái chết không được điều phục.
- Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi già khéo điều phục, khéo huấn luyện chết đi, thời con vương tượng tuổi già được gọi là đã chết với cái chết được điều phục.
- Nếu, này Aggivessana, một con vương tượng

tuổi bậc trung, nếu, này Aggivessana, một con vương tượng tuổi trẻ khéo điều phục, khéo huấn luyện chết đi, thời con vương tượng tuổi trẻ được gọi là đã chết với cái chết đã được điều phục.

→ Cũng vậy, này Aggivessana, nếu một Trưởng lão Tỷ-kheo với lậu hoặc đã đoạn tận chết đi, thời Trưởng lão Tỷ-kheo được gọi là đã chết, với cái chết được điều phục.

→ Nếu, này Aggivessana, một trung niên Tỷ-kheo; nếu, này Aggivessana, một thiếu niên Tỷ-kheo, với lậu hoặc đã đoạn tận chết đi, thời vị thiếu niên Tỷ-kheo được gọi là đã chết, với cái chết đã được điều phục.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Sa-di Aciravata hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

10 Cách tu tập ly dục như thế nào - Kinh TAPUSSA – Tăng IV, 195

TAPUSSA – Tăng IV, 195

1. Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa dân chúng Malla, tại một thị trấn của dân chúng Malla tên là Uruvelakappa. Rồi Thế Tôn, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát, đi vào Uruvelakappa để khát thực. Khát thực ở Uruvelakappa xong, sau bữa ăn, trên con đường khát thực trở về, Thế Tôn bảo Tôn giả Ànanda, nói rằng:

- Nay Ànanda, Thầy hãy ở đây, chờ cho Ta vào trong rừng Đại Lâm để nghỉ ban ngày.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ànanda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn đi vào rừng Đại Lâm ngồi nghỉ ban ngày tại một góc cây.

2. Rồi gia chủ Tapussa đi đến Tôn giả Ànanda, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ànanda và ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Tapussa thưa với Tôn giả Ànanda:

- Thưa Tôn giả Ānanda, chúng tôi là người gia chủ, thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả, là những gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vức thảm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tỉnh, an trú, giải thoát, vì thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các vị Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này.

- Nay Gia chủ, đây là một vấn đề để nói chuyện. Nay Gia chủ, chúng ta hãy đi đến yết kiến Thế Tôn, chúng ta hãy đi đến Thế Tôn, sau khi đến, hãy hỏi Thế Tôn về ý nghĩa này. Thế Tôn trả lời như thế nào, chúng ta sẽ như vậy thọ trì.

- Thưa vâng, Tôn giả.

Gia chủ Tapussa vâng đáp Thế Tôn Ānanda.

3. Rồi Tôn giả Ānanda cùng với gia chủ Tapussa đi đến Thế Tôn, sau khi đến... bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, gia chủ Tapussa này nói như sau: "Thưa Tôn giả Ānanda, chúng tôi là người gia chủ thụ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục. Đối với chúng tôi, thưa Tôn giả, là những gia chủ, thọ hưởng các dục, vui thích các dục, ưa thích các dục, hoan hỷ các dục, thật giống như một cái vục thẳm cho chúng tôi là sự xuất ly này. Tuy vậy, thưa Tôn giả, chúng tôi được nghe rằng trong Pháp và Luật này, tâm của các Tỷ-kheo trẻ tuổi hứng khởi trong sự xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì được thấy rằng đây là an tịnh. Chính ở nơi đây, thưa Tôn giả, là sự sai khác trong Pháp và Luật này giữa các Tỷ-kheo và phần đông quần chúng, tức là sự xuất ly này".

4. - Như vậy là phải, này Ānanda! Như vậy là phải, này Ānanda!

Này Ānanda, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng được Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "**Lành thay, sự xuất ly! Lành thay, sống viễn ly**". **Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi trong sự xuất ly ấy**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy "Đây là an tịnh". Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi trong sự xuất ly ấy, không có tịnh tín, không có

an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi này Ànanda, **Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy Nguy hiểm trong các dục, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Lợi ích của xuất ly chưa được chứng đắc, Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hừng khởi trong xuất ly ấy, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát"**.
- Này Ànanda, **về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy"**, thời sự kiện này xảy ra: **Tâm của Ta có thể hừng khởi trong xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh"**.
- Rồi này Ànanda, **sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các dục, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong sự xuất ly, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hừng khởi trong xuất ly, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh"**.
- Này Ànanda, sau một thời gian Ta ly dục... chứng đạt và an trú sơ Thiền. **Do Ta trú với sự**

an trú này, các tướng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành. Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ananda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên, như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tướng tác ý câu hữu với dục vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

5. Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy chỉ tức các tâm và tứ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**". *Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không có tâm ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".* Này Ananda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Do nhân gì, do duyên gì, Tâm Ta không hứng khởi đối với không có tâm ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy nguy hiểm trong các tâm, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có tâm chưa được chứng đắc, Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy". Do vậy, tâm Ta không hứng khởi đối với không có tâm, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát.

- Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các tâm, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích không có tâm, Ta thường thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hừng khởi trong không có tâm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi nay Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các tâm. Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích không có tâm, Ta thường thức lợi ích ấy. Và nay Ànanda, tâm Ta hừng khởi trong không có tâm, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Nay Ànanda, sau một thời gian Ta diệt tâm và tứ... chứng đạt và an trú Thiền thứ hai. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với tâm vẫn hiện hành. Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tướng tác ý câu hữu với tâm vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

6. Rồi nay Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy ta hãy ly hỷ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba.** **Nhưng nay Ànanda, tâm của Ta không hừng khởi đối với không có hỷ ấy,** không có tịnh tín, không có an trú,

không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: "Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi này Ānanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong hỷ, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy, lợi ích không có hỷ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với không có hỷ ấy, không tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát".
- Này Ānanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong hỷ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ānanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong hỷ, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy.
Và này Ānanda, tâm Ta hứng khởi trong không

có hỷ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Nay Ànanda, sau một thời gian, Ta ly hỷ... chứng đạt và an trú Thiên thứ ba. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành. Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, nay Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy, các tướng tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

7. Rồi nay Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy ta hãy đoạn lạc, đoạn khổ... chứng đạt và an trú **Thiên thứ tư**". **Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với không khổ, không lạc**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: "*Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với không khổ, không lạc, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi nay Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy nguy hiểm trong xả lạc, vì Ta không làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy. Lợi ích của

không khổ, không lạc chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với không khổ, không lạc ấy, không tinh tấn, không có an trú, không giải thoát".

- Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong xả lạc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong không khổ, không lạc, Ta thưởng thức sự lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong không khổ, không lạc, tinh tấn, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi nay Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong xả lạc, Ta làm cho sung mãn sự nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong không có hỷ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và nay Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong không khổ, không lạc, tinh tấn, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Nay Ànanda, sau một thời gian, Ta xả lạc, xả khổ... chứng đạt và an trú Thiền thứ tư. *Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với xả lạc vẫn hiển hành.* Như vậy, đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, nay Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các

tướng, tác ý câu hữu với hỷ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

8. Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các đối ngại tướng, không tác ý đến các tướng sai biệt, chứng đạt và an trú **Không vô biên xứ**. *Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Không vô biên xứ*, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ananda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: "Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh?"

- Rồi này Ananda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong các sắc, Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Không vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Không vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".

- Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thường thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi nay Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong các sắc, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Không vô biên xứ, Ta thường thức lợi ích ấy. Và nay Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Không vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Nay Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua các sắc tướng... chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. *Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với các sắc vẫn hiện hành.* Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, nay Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tướng, tác ý câu hữu với sắc vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

9. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "VẬY Ta hãy vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ. Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với Thức vô biên xứ**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "*Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh?"*".

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "*Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Không vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Thức vô biên xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Thức vô biên xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát*".
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "*Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy*", **thời sự**

kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hừng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Không vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Thức vô biên xứ, Ta thường thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hừng khởi trong Thức vô biên xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Không vô biên xứ... chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành. Đây đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tướng, tác ý câu hữu với Không vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

10. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ.** **Nhưng tâm của Ta không có hừng khởi đối với Vô sở hữu xứ,** không có tịnh tín, không có

an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Vô sở hữu xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Vô sở hữu xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát"*.
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Vô sở hữu xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Thức vô biên xứ, Ta làm

cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Vô sở hữu xứ, Ta thường thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hừng khởi trong Vô sở hữu xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Thức vô biên xứ... chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. *Do Ta trú với sự an trú này, các tướng tác ý câu hữu với các Thức vô biên xứ vẫn hiện hành, như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.* Ví như, này Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tướng, tác ý câu hữu với Thức vô biên xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

11. Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Phi tướng phi phi tướng xứ.** **Nhưng tâm của Ta không có hừng khởi đối với Phi tướng phi phi tướng xứ,** không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hừng khởi đối với Phi tướng phi phi tướng xứ, không có*

tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Phi tưởng phi phi tưởng xứ chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Phi tưởng phi phi tưởng xứ, không tịnh tín, không an trú, không giải thoát".
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Vô sở hữu xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Phi tưởng phi phi tưởng xứ,

tịnh tín, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".

- Nay Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Vô sở hữu xứ... chứng đạt và an trú Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Do Ta trú với sự an trú này, các tưởng tác ý câu hữu với các Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành, như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh. Ví như, nay Ànanda, đối với người sung sướng, đau khổ có thể khởi lên như là một chứng bệnh. Cũng vậy các tưởng, tác ý câu hữu với Vô sở hữu xứ vẫn hiện hành ở nơi Ta. Như vậy đối với Ta, đây là một chứng bệnh.

12. Rồi nay Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: "Vậy Ta hãy vượt qua Phi tưởng phi phi tưởng xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Diệt thọ tưởng định**. Nhưng tâm của Ta không có hứng khởi đối với **Diệt thọ tưởng định**, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh".

Nay Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau như sau: *"Do nhân gì do duyên gì, tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tưởng định, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát, dầu Ta có thấy: "Đây là an tịnh"?"*

- Rồi này Ànanda, Ta suy nghĩ như sau: *"Vì Ta không thấy sự nguy hiểm trong Phi tướng phi phi tướng xứ, vì Ta không làm cho sung mãn nguy hiểm ấy, lợi ích của Diệt thọ tướng định chưa được chứng đắc. Ta chưa được thưởng thức lợi ích ấy. Do vậy tâm Ta không hứng khởi đối với Diệt thọ tướng định, không tinh tấn, không an trú, không giải thoát".*
- Này Ànanda, về vấn đề ấy, Ta suy nghĩ như sau: "Nếu sau khi thấy nguy hiểm trong Phi tướng phi phi tướng xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy. Sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tướng định, Ta thưởng thức lợi ích ấy", thời sự kiện này xảy ra: Tâm của Ta có thể hứng khởi trong Diệt thọ tướng định, tinh tấn, an trú, giải thoát, vì Ta có thấy: "Đây là an tịnh".
- Rồi này Ànanda, sau một thời gian, sau khi thấy nguy hiểm trong Phi tướng phi phi tướng xứ, Ta làm cho sung mãn nguy hiểm ấy; sau khi chứng được lợi ích trong Diệt thọ tướng định, Ta thưởng thức lợi ích ấy. Và này Ànanda, tâm Ta hứng khởi trong Diệt thọ tướng định, tinh tấn, an trú, giải thoát, vì Ta thấy: "Đây là an tịnh".
- Này Ànanda, sau một thời gian, Ta vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ... chứng đạt và an

trú Diệt thọ tướng định, *Ta thấy với trí tuệ và các lậu hoặc đi đến đoạn diệt.*

13. Cho đến khi nào, này Ànanda, chín thứ đệ trú Thiên chúng này chưa được Ta thuận thứ nghịch thứ chúng đạt và xuất khởi, thời này Ànanda, trong thế giới, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, Ta chưa xác chứng rằng ta đã chứng **Chánh Đẳng Chánh giác**.

Cho đến khi nào, này Ànanda, chín thứ đệ trú Thiên chúng này đã được Ta thuận thứ nghịch thứ chúng đạt và xuất khởi, thời này Ànanda, trong thế giới này, với Thiên giới, Ma giới, Phạm thiên giới, với quần chúng Sa-môn và Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người, cho đến khi ấy, Ta mới xác chứng rằng Ta đã chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. *Tri và Kiến khởi lên nơi Ta. Ta biết rằng: "Bất động là tâm giải thoát của Ta. Đây là đời sống cuối cùng, nay không còn tái sanh nữa".*

11 Cách tu tập thiền¹ và thiền² - Kinh Trú Xứ Tỷ Kheo Ni – Tương V, 241

Trú Xứ Tỷ Kheo Ni – *Tương V*, 241

1) Tại Sàvatthi...

2) Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi một số đông Tỷ-kheo-ni đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với Tôn giả Ananda:

3) -- Ở đây, bạch Thượng tọa Ananda, một số đông **Tỷ-kheo-ni** sống khéo an trú tâm trên **bốn niệm xứ**, **đạt được sự rõ biết (sampajànanti) quảng đại, trước sau thù thắng.**

-- Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Này các Đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng.

4) Rồi Tôn giả Ananda với bài pháp thoại, sau khi tuyên thuyết cho các Tỷ-kheo-ni ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

5) Rồi Tôn giả Ananda sau khi đi khát thực ở Sàvatthi, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni, sau khi đến, con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi, bạch Thế Tôn, một số đông Tỷ-kheo-ni đi đến con, sau khi đến, đánh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với con: "Ở đây, bạch Thượng tọa Ananda, một số đông Tỷ-kheo-ni sống khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng". Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các Tỷ-kheo-ni ấy: "Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Như vậy là phải, này các Đại tỷ! này các Đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng".

6) -- Như vậy là phải, này Ananda! Như vậy là phải, này Ananda! *Này Ananda, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trên bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng.* Thế nào là bốn?

7) Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo sống, quán **thân** trên thân, **niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.**

- *Vị ấy trú, quán thân trên thân, hoặc thân sở duyên (kàyàrammano) khởi lên, hoặc thân nhiệt não (kàyasmin parilàho), hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán hướng ngoại (bahiddha va cittam vikkhipati); do vậy, này Ananda, Tỷ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín (pasàdaniyenimitta).*
- *Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, **hân hoan** (pàmujjam: Thắng hỷ) sanh.*
- *Người có tâm hân hoan, **hỷ** sanh.*
- *Người có tâm hỷ, thân được **khinh an**.*
- *Người có tâm khinh an, **lạc thọ** sanh.*
- *Người có tâm lạc thọ, tâm được **định** tĩnh.*
- *Vị ấy tư sát như sau: "**Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui (patisamharàmi) (khỏi đối tượng tịnh tín)**". Vị ấy rút lui, không tâm, không tư. Vị ấy rõ biết:*

"Không tâm, không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc".

8-9) Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo sống, quán **thọ** trên các thọ... sống, quán **tâm** trên tâm...

10) Vị ấy sống, quán **pháp** trên các pháp, **nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu** ở đời. Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, hoặc thân sở duyên khởi lên, hoặc thân nhiệt não, hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán, hướng ngoại; do vậy, này Ananda, Tỷ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín. Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, hân hoan sanh. Người có hân hoan, hỷ sanh. Người có tâm hỷ, thân được khinh an. Người có thân khinh an, lạc thọ sanh. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Vị ấy tư sát như sau: "Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui (khỏi đối tượng tướng tịnh tín)". Vị ấy rút lui, không tâm, không tứ. Vị ấy rõ biết: "Không tâm, không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc".

11) **Như vậy, này Ananda, là sự tu tập về hướng tâm.**

12) *Và này Ananda, thế nào là sự tu tập không có hướng tâm?*

13) Này Ananda,

- *Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau (pacchàpure), nhưng được giải thoát, không có hướng tâm".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán **thân** trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".*

14) Này Ananda,

- *Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau, nhưng được giải thoát, không có hướng tâm".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán **thọ** trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".*

15) Này Ananda, Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại". Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán **tâm** trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".

16) Nay Ananda, Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán **pháp** trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, ta được an lạc".

17) **Như vậy, nay Ananda, là tu tập không có hướng tâm.**

18) Như vậy, nay Ananda, Ta thuyết tu tập có hướng tâm; Ta thuyết tu tập không có hướng tâm. Những gì, nay Ananda, một bậc Đạo Sư cần phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với các đệ tử, vì lòng từ mẫn khởi lên, những việc ấy, Ta đã làm cho các Ông. Nay Ananda, đây là những gốc cây. Đây là những nhà trống. Hãy tu Thiền, nay Ananda. Chớ có phóng dật. Chớ có hối hận về sau. Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

19) Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ananda hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

12 Hỷ do viễn ly sanh - Kinh HOAN HỖ – Tăng II, 644

HOAN HỖ – Tăng II, 644

1. Rồi Gia chủ Anàthapindika với khoảng năm trăm nam cư sĩ đi đến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Gia chủ Anàthapindika đang ngồi xuống một bên:

2. - *Này Gia chủ, Ông đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng Ông chớ có bằng lòng với ý nghĩ: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh".*

Do vậy, này Gia chủ, Ông cần phải học tập như sau:

3. *"Với phương tiện nào chúng ta thỉnh thoảng đạt được và an trú **hỷ do viễn ly sanh**"* Như vậy, này Gia chủ, Ông cần phải học tập.

4. Được nghe nói như vậy, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

- Thật vi diệu thay, bạch Thế Tôn! Thật hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Khéo nói thay là lời nói này của Thế

Tôn: "Này Gia chủ, Ông đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh. Nhưng Ông chớ có bằng lòng với ý nghĩ: "Chúng ta đã cung cấp cho chúng Tỷ-kheo các vật dụng cần thiết như y, đồ ăn khát thực, sàng tọa, dược phẩm trị bệnh". Do vậy, Ông cần phải học tập như sau: "Với phương tiện nào chúng ta thỉnh thoảng đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh!" Như vậy, này Gia chủ, Ông cần phải học tập".

Bạch Thế Tôn, khi nào Thánh đệ tử đạt đến và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy, năm sự việc không xảy ra:

- Khổ và ưu liên hệ đến dục trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy.
- Lạc và hỷ liên hệ đến dục trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy.
- Khổ và ưu liên hệ đến bất thiện trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy.
- Lạc và hỷ liên hệ đến bất thiện trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy.
- Khổ và ưu liên hệ đến thiện, trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy.

Bạch Thế Tôn, khi nào Thánh đệ tử đạt đến và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy, năm sự việc này không xảy ra.

- Lành thay, lành thay, này Sàriputta, trong khi Thánh đệ tử đạt được và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy, năm sự kiện không xảy ra cho người ấy:

- Khổ và ưu liên hệ đến dục trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy.
- Lạc và hỷ liên hệ đến dục trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy.
- Khổ và ưu liên hệ đến bất thiện trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy.
- Lạc và hỷ liên hệ đến bất thiện trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy.
- Khổ và ưu liên hệ đến thiện, trong thời gian ấy không khởi lên cho người ấy.

Này Sàriputta, trong khi vị Thánh đệ tử đạt đến và an trú hỷ do viễn ly sanh, trong thời gian ấy, năm sự kiện này không xảy ra cho người ấy.

13 Hỷ không liên hệ đến vật chất - Kinh SUBHA – 99 Trung II, 793

KINH SUBHA

(Subha suttam)

– Bài kinh số 99 – Trung II, 793

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika. Lúc bấy giờ, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta trú ở Savatthi, tại nhà một gia chủ vì một vài công vụ. Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta trú tại nhà gia chủ, nói với vị gia chủ ấy:

– Này Gia chủ, tôi nghe như sau: "Savatthi không phải không có các bậc A-la-hán lui tới". Hôm nay chúng ta nên đến chiêm ngưỡng vị Sa-môn hay Bà-la-môn nào?

– Thưa Tôn giả, Thế Tôn hiện trú tại Savatthi, Jetavana, tịnh xá ông Anathapindika. Thưa Tôn giả, hãy đi đến chiêm ngưỡng Thế Tôn ấy.

Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta vâng theo lời gia chủ ấy, đi đến Thế Tôn, sau khi đến nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm, sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

– *Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn đã nói như sau: "Người tại gia thành tựu chánh đạo thiện pháp. Người xuất gia không thành tựu chánh đạo thiện pháp". Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì?*

– **Này thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Ta chủ trương phân tích; ở đây, Ta không chủ trương nói một chiều.**

Này Thanh niên Bà-la-môn, **Ta không tán thán tà đạo của kẻ tại gia hay kẻ xuất gia.** Này Thanh niên Bà-la-môn, kẻ tại gia hay kẻ xuất gia hành tà đạo, do nhân duyên hành tà đạo, không thành tựu được chánh đạo thiện pháp.

Này Thanh niên Bà-la-môn, **Ta tán thán chánh đạo của kẻ tại gia hay kẻ xuất gia.** Này Thanh niên Bà-la-môn, kẻ tại gia hay kẻ xuất gia hành chánh đạo, do nhân duyên hành chánh đạo, thành tựu được chánh đạo thiện pháp.

– Thưa Tôn giả Gotama, do dịch vụ nhiều, công tác nhiều, tổ chức nhiều, lao lực nhiều, nên nghiệp sự của kẻ tại gia có quả báo lớn. Do dịch vụ ít, công tác ít, tổ chức ít, lao lực ít nên nghiệp sự của kẻ xuất gia không có quả lớn. Ở đây, Tôn giả Gotama, có nói gì?

– Nay Thanh niên Bà-la-môn, ở đây, Ta chủ trương pháp phân tích; ở đây, Ta không chủ trương nói một chiều.

- Nay Thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự (Kammatthanam) với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.
- Nay Thanh niên Bà-la-môn có nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn.
- Nay Thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.
- Nay Thanh niên Bà-la-môn, có nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng, sẽ có kết quả lớn.

Nay Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp

sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ? - Ngày Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

Và ngày Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn? - Ngày Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.

Ngày Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ? - Ngày Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

Ngày Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là nghiệp sự với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn? - Ngày Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả

lớn.

→ Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán với dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự của một cư sĩ, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

→ Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự nông nghiệp, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự của một cư sĩ, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.

→ Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự của người xuất gia, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nếu làm hỏng, làm sai sẽ có kết quả nhỏ.

→ Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, nghiệp sự buôn bán, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ,

lao lực nhỏ, nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, **nghiệp sự của người xuất gia,** dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, **nếu làm thành tựu, làm đúng sẽ có kết quả lớn.**

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đắc thiện.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, năm pháp được các Bà-la-môn chủ trương tác phước, đắc thiện, nếu Ông không thấy nặng nhọc, lành thay. Ông hãy nói về năm pháp ấy trong hội chúng này.

– Thưa Tôn giả Gotama, không có nặng nhọc gì cho con, khi ở đây có vị như Tôn giả, đang ngồi hay các vị giống như Tôn giả.

– Vậy này Thanh niên Bà-la-môn, hãy nói đi.

– **Chân thực**, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ nhất, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đắc thiện. **Khô hạnh**, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ hai, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đắc thiện. **Phạm hạnh**, thưa Tôn giả Gotama là pháp thứ ba, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đắc thiện. **Tung đoc**, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ tư, các Bà-la-môn chủ trương

pháp này tác phước, đắc thiện. Thí xả, thưa Tôn giả Gotama, là pháp thứ năm, các Bà-la-môn chủ trương pháp này tác phước, đắc thiện. Thưa Tôn giả Gotama, các vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp này tác phước, đắc thiện. Ở đây, Tôn giả Gotama có nói gì?

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn? Có một Bà-la-môn nào trong những Bà-la-môn đã nói như sau: "Sau khi chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết quả dị thực của năm pháp này?"

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn? Có một Đạo sư nào trong những Bà-la-môn, một Đại tôn sư, cho đến bảy đời Tôn sư, Đại tôn sư, vị ấy đã nói: "Sau khi tự mình chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết quả dị thực của năm pháp này".?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn? Những vị tu sĩ thời cổ trong các Bà-la-môn, những vị sáng tác các thần chú, những vị trì tụng thần chú mà xưa kia những thần chú được hát lên, được trì tụng, được ngâm vịnh, và ngày nay những vị Ba La Môn cũng hát lên, trì tụng và giảng dạy như các vị Atthaka,

Vamaka, Vamadeva, Vessamita, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vesettha, Kassapa, Bhagu, những vị ấy đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này".?

– Thưa không, Tôn giả Gotama.

– Như vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, không có một vị Bà-la-môn nào trong các vị Bà-la-môn đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này". Không có một Đạo sư nào trong các Bà-la-môn, một Đại tôn sư, cho đến bảy đời Tôn sư, Đại tôn sư nào nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này". Những vị tu sĩ thời cổ trong các vị Bà-la-môn, những vị sáng tác các thần chú... không có một vị nào đã nói như sau: "Sau khi tự chứng tri với thượng trí, chúng tôi tuyên thuyết kết quả dị thực của năm pháp này".

Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, một chuỗi người mù ôm lưng nhau, người trước không thấy, người giữa cũng không thấy, người cuối cùng cũng không thấy. Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, chúng tôi nghĩ lời nói của những Bà-la-môn trở thành

giống như một chuỗi người mù, người đầu không thấy, người giữa không thấy, người cuối cùng cũng không thấy.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta phẫn nộ, không hoan hỷ vì bị Thế Tôn dùng ví dụ một chuỗi người mù, liền mạt ly Thế Tôn, hủy báng Thế Tôn và nói về Thế Tôn:

– Sa-môn Gotama sẽ bị quả ác độc (papika).

Rồi nói với Thế Tôn như sau:

– Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna trú ở rừng Subhaga đã nói: "Cũng vậy, một số Sa-môn, Bà-la-môn tự cho đã chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh này". Lời nói này của vị ấy thật sự đáng chê cười, thật sự chỉ là lời nói suông, thật sự chỉ là trống không, thật sự chỉ là trống rỗng. Làm sao còn là người còn lại có thể biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng, xứng đáng bậc Thánh? Sự kiện như vậy không thể xảy ra.

– Thế nào, này Thanh niên Bà-la-môn? Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú tại rừng Subhaga có thể biết tâm tư cả Sa-môn, Bà-la-

môn với tâm tư của mình?

– Thưa Tôn giả Gotama, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga, với tâm tư của mình không thể biết được tâm tư của Punnika, người đầy tớ gái của mình, làm sao lại có thể biết được tâm tư tất cả Sa-môn, Bà-la-môn với tâm tư của mình?

– Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn một người sanh ra đã mù không thể thấy các sắc màu đen, màu trắng, không thể thấy các sắc màu xanh, không thể thấy các sắc màu vàng, không thể thấy các sắc màu đỏ, không thể thấy các sắc màu đỏ tía, không thể thấy những gì bằng phẳng, không bằng phẳng, không thể thấy các vì sao, không thể thấy mặt trăng, mặt trời, người ấy nói như sau: "Không có các sắc màu đen, màu trắng, không có người thấy các sắc màu đen, màu trắng; không có các sắc màu xanh, không có người thấy các sắc màu xanh; không có các sắc màu vàng, không có người thấy các sắc màu vàng; không có các sắc màu đỏ, không có người thấy các sắc màu đỏ; không có các sắc màu đỏ tía, không có người thấy các sắc màu đỏ tía; không có những gì bằng phẳng, không bằng phẳng, không có người thấy cái gì bằng phẳng, không bằng phẳng; không có các vì sao, không có người thấy các vì sao; không có mặt

trắng, mặt trời, không có người thấy mặt trăng, mặt trời. Tôi không biết như vậy; tôi không thấy như vậy, do vậy nên không có". **Này Thanh niên Bà-la-môn, người ấy nói một cách chân chánh có nói như vậy không?**

– Thưa không vậy, Tôn giả Gotama. Có các sắc màu đen trắng, có người thấy các sắc màu đen trắng; có các sắc màu xanh, có người thấy các sắc màu xanh;... (như trên)... có mặt trăng, mặt trời, có người thấy mặt trăng, mặt trời". Tôi không biết như vậy; tôi không thấy như vậy. Do vậy, không có". Thưa Tôn giả Gotama, nếu người ấy nói một cách chân chánh thì sẽ không nói như vậy.

– Cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga là người mù, không có mắt. Vị ấy có thể biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp thượng nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Những vị Bà-la-môn giàu sang ở Kosala, như Bà-la-môn Canki, Bà-la-môn Tarukkha, Bà-la-môn Pokkharasati, Bà-la-môn Janussoni, và thân phụ của Ông Todeyya, cái gì tốt hơn cho những vị ấy, lời nói

của các vị ấy được thể tục chấp nhận (sammusa) hay không được thể tục chấp nhận?

– Được thể tục chấp nhận, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải được suy tư hay không suy tư?

– Cần phải được suy tư, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải được phân tích, cân nhắc hay không cần phải phân tích, cân nhắc?

– Cần phải phân tích, cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama.

– Cái gì tốt hơn cho họ, lời họ nói lên cần phải liên hệ đến mục đích, hay không cần phải liên hệ đến mục đích?

– Cần phải liên hệ đến mục đích, thưa Tôn giả Gotama.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Nếu là như vậy thời lời nói của Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú tại rừng Subhaga được thể tục chấp nhận hay không được thể

tục chấp nhận?

– Không được thể tục chấp nhận, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên là có suy tư, hay không suy tư?

– Không suy tư, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên có phân tích, cân nhắc, hay không phân tích cân nhắc?

– Không phân tích, cân nhắc, thưa Tôn giả Gotama.

– Lời nói được nói lên liên hệ đến mục đích, hay không liên hệ đến mục đích?

– Không liên hệ đến mục đích, thưa Tôn giả Gotama.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, có năm triền cái này. Thế nào là năm? Tham dục triền cái, sân triền cái, hôn trầm thụy miên triền cái, trạo hối triền cái, nghi triền cái. Này Thanh niên Bà-la-môn, như vậy là năm triền cái.

→ Này Thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga đã bị trùm che, ngăn chặn, bao phủ, và bao trùm bởi năm triền cái này. Vì ấy biết được, thấy được, hay chứng tri được các pháp Thương nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như vậy không xảy ra.

Này Thanh niên Bà-la-môn, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm? Các sắc do mắt nhận thức, sắc này khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn; tiếng do tai nhận thức... hương do mũi nhận thức... vị do lưỡi nhận thức... xúc do thân nhận thức khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn. Này Thanh niên Bà-la-môn, như vậy là năm dục trưởng dưỡng.

→ Này Thanh niên Bà-la-môn, Bà-la-môn Pokkharasati thuộc dòng họ Upamanna, trú ở rừng Subhaga bị trói buộc, bị đam mê, bị tham trước bởi năm dục trưởng dưỡng này, thụ hưởng chúng mà không thấy sự nguy hiểm, không soi thấu sự thoát ly khỏi chúng. Vì ấy thật sự biết được, hay thấy được, hay chứng được các pháp thương nhân, tri kiến thù thắng xứng đáng bậc Thánh; sự kiện như

vậy không xảy ra.

❖ *Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Trong những loại lửa này, loại lửa nào có ngọn, có màu sắc hay có ánh sáng? Ngọn lửa được đốt lên nhờ cỏ và củi khô, hay ngọn lửa được đốt lên, không nhờ cỏ và củi khô?*

– Thưa Tôn giả Gotama, nếu có sự kiện có thể đốt lửa mà không nhờ cỏ và củi khô, thì ngọn lửa ấy có ngọn, có sắc và có ánh sáng.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, không có sự kiện, không có trường hợp có thể đốt lửa mà không nhờ cỏ và củi khô, trừ phi dùng thần thông.

➔ *Này Thanh niên Bà-la-môn, Ta nói hỷ này, hỷ do năm dục trưởng dưỡng đem lại, hỷ này ví như ngọn lửa đốt lên nhờ cỏ và củi khô.*

➔ *Này Thanh niên Bà-la-môn, Ta nói hỷ này, hỷ do ly dục, ly các bất thiện pháp đem lại, hỷ này ví như ngọn lửa đốt lên, không nhờ cỏ và củi khô.*

Và này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là hỷ do ly dục, ly các bất thiện pháp đem lại?

Ở đây, nay thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất. **Hỷ này, này Thanh niên Bà-la-môn, là hỷ ly dục, ly bất thiện pháp đem lại.**

Lại nữa, này Thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo diệt tâm và tứ,... chứng và trú Thiền thứ hai. **Hỷ này, này Thanh niên Bà-la-môn, là hỷ ly dục, ly bất thiện pháp đem lại.**

❖ *Này thanh niên Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn ấy chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện. Ở đây, các Bà-la-môn chủ trương pháp tác phước, đặc thiện nào có kết quả lớn hơn?*

– Thưa Tôn giả Gotama, những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này. Ở đây, các Bà-la-môn chủ trương pháp thí xả (caga) tác phước, đặc thiện có quả báo lớn.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, một tể đàn lớn được một vị Bà-la-môn lập lên và có hai vị Bà-la-môn đi đến và nghĩ như sau: "Chúng ta sẽ thọ hưởng đại tể đàn của vị Bà-la-môn với danh tánh thế này". Ở đây, một vị Bà-la-môn suy nghĩ như sau: "Mong rằng trong phòng ăn, ta sẽ được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất; còn vị Bà-la-môn kia, trong phòng

ăn, không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất". Ngày Thanh niên Bà-la-môn, sự kiện này xảy ra. Người Bà-la-môn ấy trong phòng ăn có thể được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất. Còn người Bà-la-môn kia, trong phòng ăn, không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất. Vị Bà-la-môn kia nghĩ như sau: "Vị Bà-la-môn ấy, trong phòng ăn, được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, món ăn khát thực tốt nhất. Còn ta, trong phòng ăn không được chỗ ngồi tốt nhất, nước tốt nhất, đồ ăn khát thực tốt nhất". Vị ấy phẫn nộ, không hoan hỷ. *Ngày Thanh niên Bà-la-môn, các Bà-la-môn chủ trương quả dị thực gì cho người Bà-la-môn này?*

– Thưa Tôn giả Gotama, các Bà-la-môn không bố thí với ý nghĩ: "Do bố thí này, người kia phẫn nộ, không hoan hỷ. Các Bà-la-môn bố thí chỉ vì lòng ái mẫn".

– *Sự kiện là như vậy, ngày Thanh niên Bà-la-môn, thời đây có phải là tác phước sự thứ sáu, nghĩa là lòng ái mẫn?*

– Sự kiện là như vậy, thưa Tôn giả Gotama, thời đây là tác phước sự thứ sáu, nghĩa là lòng ái mẫn.

❖ *Ngày Thanh niên Bà-la-môn, các vị Bà-la-môn ấy*

chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này.
Ông thấy năm pháp này nhiều nhất ở đâu, ở những người tại gia, hay ở những người xuất gia?

– Thưa Tôn giả Gotama, những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này, tôi nhận thấy năm pháp này có nhiều ở những người xuất gia, có ít ở những người tại gia.

Người tại gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn không có thường hằng, liên tục, không nói lời chân thật. Người xuất gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nhưng thường hằng liên tục, nói lời chân thật.

Người tại gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ lớn, công tác lớn, tổ chức lớn, lao lực lớn không có thường hằng liên tục sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều. Người xuất gia, thưa Tôn giả Gotama, dịch vụ nhỏ, công tác nhỏ, tổ chức nhỏ, lao lực nhỏ, nhưng thường hằng liên tục sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều.

Thưa Tôn giả Gotama, năm pháp tác phước, đặc thiện này được các vị Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương, tôi nhận thấy năm pháp này có nhiều ở những

vị xuất gia, có ít ở những vị tại gia.

❖ *Này Thanh niên Bà-la-môn, năm pháp tác phước, đấng thiện này được các vị Bà-la-môn chủ trương, Ta nói những pháp này là những tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm tu tập không hận, không sân.*

Ở đây, này Thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo nói lời chân thật, vị ấy nghĩ: "Ta nói lời chân thật", chúng được nghĩa tín thọ (atthavedam), chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp. **Ta nói sự hân hoan liên hệ đến thiện này là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân.**

Ở đây, này Thanh niên Bà-la-môn vị Tỷ-kheo sống khổ hạnh, sống Phạm hạnh, đọc tụng nhiều, thí xả nhiều vị ấy nghĩ rằng: "Ta thí xả nhiều", chúng được nghĩa tín thọ, chúng được pháp tín thọ, chúng được hân hoan liên hệ đến pháp, Ta nói rằng **sự hân hoan liên hệ đến thiện** này là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân. Này Thanh niên Bà-la-môn những vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đấng thiện này, Ta nói các pháp ấy là tư cụ của tâm, nghĩa là để tâm của vị ấy tu tập không hận, không sân.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha

Todeyyaputta thưa với Thế Tôn:

– Thưa Tôn giả Gotama, tôi nghe như sau: "Samôn Gotama biết con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên".

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Làng Nalakara có gần đây không? Có phải làng Nalakara không xa ở đây?

– Thưa vâng, Tôn giả, làng Nalakara ở gần đây. Làng Nalakara không xa ở đây.

– Này Thanh niên Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ở đây, có người sanh trưởng tại làng Nalakara, chưa rời khỏi làng Nalakara, và có người tới hỏi người ấy con đường đưa đến làng Nalakara. Này Thanh niên Bà-la-môn, người sanh trưởng tại làng Nalakara ấy phân vân hay ngập ngừng khi được hỏi về con đường đến làng Nalakara?

– Thưa không, Tôn giả Gotama. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả Gotama, vì người ấy sanh trưởng tại làng Nalakara. Người ấy biết rõ tất cả con đường đưa đến làng Nalakara.

– Tuy vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, rất có thể người sanh trưởng tại làng Nalakara này khi được

hỏi con đường đưa đến làng Nalakara còn có thể phân vân hay ngập ngừng. Nhưng Như Lai thì không vậy, khi được hỏi về Phạm thiên giới, hay về con đường đưa đến Phạm thiên giới, Như Lai không phân vân hay ngập ngừng. Và này Thanh niên Bà-la-môn, Ta biết Phạm thiên giới và con đường đưa đến Phạm thiên giới, và Ta cũng biết phải thành tựu như thế nào để được sanh vào Phạm thiên giới.

– Thưa Tôn giả Gotama, con có nghe như sau: "Sa-môn Gotama thuyết dạy con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên". Tốt lành thay, nếu Tôn giả Gotama thuyết giảng cho con, con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

– Vậy này Thanh niên Bà-la-môn, hãy nghe và khéo tác ý Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, Tôn giả.

Thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– *Và này Thanh niên Bà-la-môn, thế nào là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên?*

Ở đây, này Thanh niên Bà-la-môn, Tỷ-kheo an trú biến mãn một phương với tâm câu hữu với từ,

cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại vô biên, không hận, không sân. Nay Thanh niên Bà-la-môn, khi từ tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. *Ví như, nay Thanh niên Bà-la-môn, một người lực sĩ thổi tù và làm cho bốn phương nghe được, không gì khó khăn.* Cũng vậy, nay Thanh niên Bà-la-môn, khí từ tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. Nay Thanh niên Bà-la-môn, đây là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

Lại nữa, nay Thanh niên Bà-la-môn, vị Tỷ-kheo biến mãn một phương với tâm câu hữu với bi... (như trên)... với tâm câu hữu với hỷ... (như trên)... với tâm câu hữu với xả, cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên, dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biến mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Nay Thanh niên Bà-la-môn, khi xả tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành

động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. *Ví như, này Thanh niên Bà-la-môn, một người lực sĩ thổi tù và làm cho bốn phương nghe được, không gì khó khăn*; cũng vậy, này Thanh niên Bà-la-môn, khi xả tâm giải thoát được tu tập như vậy, thì hành động được làm có tánh cách hạn lượng như vậy, không có trú ở nơi đây, không có dừng lại ở nơi đây. Này Thanh niên Bà-la-môn, đây là con đường đưa đến cộng trú với Phạm thiên.

Khi nghe nói vậy, thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta bạch Thế Tôn:

– Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Thưa Tôn giả Gotama, nay con xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm cư sĩ, từ này cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng. Thưa Tôn giả Gotama, nay chúng con xin đi, chúng con có nhiều công việc phải làm.

– Nay Thanh niên Bà-la-môn, nay Ông hãy làm những gì Ông nghĩ là hợp thời.

Rồi thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Lúc bấy giờ Bà-la-môn Janussoni, với cỗ xe do toàn ngựa cái trắng kéo, đi ra khỏi Savatthi để nghỉ trưa. Bà-la-môn Janussoni thấy thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta từ xa đi lại, sau khi thấy, liền nói với thanh niên Bà-la-môn Subha Todeyyaputta:

– Tôn giả Bharadvaja đi từ đâu lại, quá sớm như vậy?

– Thưa Tôn giả, tôi vừa từ Sa-môn Gotama lại.

– Nay Tôn giả Bharadvaja, Tôn giả nghĩ thế nào? Tôn giả có nghĩ Sa-môn Gotama là bậc có trí, có trí tuệ sáng suốt (pannaveyyattiyam) không?

– Thưa Tôn giả, tôi là ai mà có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama? Chỉ có vị nào như Ngài mới có thể biết được trí tuệ sáng suốt của Sa-môn Gotama.

– Tôn giả Bharadvaja thật đã tán thán Sa-môn Gotama với sự tán thán tối thượng.

– Nhưng tôi là ai mà tôi lại tán thán Sa-môn Gotama? Tán thán bởi những người được tán thán là Sa-môn Gotama, là bậc tối thượng giữa các hàng Thiên Nhân. **Thưa Tôn giả, các vị Bà-la-môn chủ trương năm pháp tác phước, đặc thiện này, Sa-môn Gotama nói rằng năm pháp ấy là tư cụ cho tâm, nghĩa là để tu tập, trở thành không hận, không sân.**

Khi được nghe nói vậy, Bà-la-môn, Janussoni bước xuống cỗ xe do toàn ngựa cái trắng kéo, đắp áo vào một phía bên vai, chắp tay hướng đến Thế Tôn và thốt ra lời cảm hứng như sau: "Lợi ích thay cho vua Pasenadi nước Kosala! Tốt đẹp, lợi ích thay cho vua Pasenadi nước Kosala được Như Lai bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác trú ở trong nước!

14 Không thể chứng Sơ thiên nếu.. - Kinh THIÊN 1 – Tầng III, 238

THIÊN 1 – Tầng III, 238

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được an trú sơ Thiên.

2. Thế nào là sáu?

- *Dục tham, Sân, Hôn trầm thụy miên, Trạo hối, Nghi,*
- *Không như thật khéo thấy với chánh trí tuệ các nguy hại trong các dục.*

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được và an trú sơ thiên.

3. Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiên.

4. Thế nào là sáu?

- *Dục tham, sân, hôn trầm thụy miên, trạo hối, nghi,*
- *Như thật khéo thấy với chánh trí tuệ các nguy hại trong các dục.*

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiên.

THIỀN 2 – Tạng III, 238

1. - Không đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, **không có thể đạt được và an trú sơ thiền.**

2. Thế nào là sáu?

- *Dục tâm, sân tâm, hại tâm,*
- *Dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng.*

Không đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể đạt được và an trú sơ Thiền.

3. Đoạn tận sáu pháp, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiền.

4. Thế nào là sáu?

- Dục tâm, sân tâm, hại tâm,
- Dục tưởng, sân tưởng, hại tưởng.

Đoạn tận sáu pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể đạt được và an trú sơ Thiền.

15 Không thể chứng Sơ thiên nếu.. - Kinh THIÊN – Tăng II, 749

THIÊN – Tăng II, 749

1. - Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng đạt và an trú sơ Thiên.

2. Thế nào là năm?

- Xan tham trú xứ,
- Xan tham gia đình,
- Xan tham lợi dưỡng,
- Xan tham tán thán,
- Xan tham pháp.

Do không đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, không có thể chứng đạt và an trú sơ Thiên.

3. Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng đạt và an trú sơ Thiên.

4. Thế nào là năm?

- Xan tham trú xứ,
- Xan tham gia đình,
- Xan tham lợi dưỡng,
- Xan tham tán thán,

- Xan tham pháp.

Do đoạn tận năm pháp này, này các Tỷ-kheo, có thể chứng đạt và an trú sơ Thiền.

16 Kinh THỨC TRÚ – Tầng III, 332

THỨC TRÚ – Tầng III, 332

1. - Nay các Tỷ-kheo, **có bảy thức trú này**. Thế nào là bảy?

- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, *thân khác, tướng khác* như loài Người, một số Thiên nhân, một số các loài ở trong đọa xứ. Đây là thức trú thứ nhất.
- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, *thân khác nhau, tướng là một*, như Phạm chúng thiên được sanh nhờ chúng sơ Thiên. Đây là thức trú thứ hai.
- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, *thân là một, tướng khác nhau*, như chư Thiên Quang Âm. Đây là thức trú thứ ba.
- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, *thân là một, tướng là một*, như chư Thiên Biến Tịnh. Đây là thức trú thứ tư.
- Có các loài hữu tính, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn các sắc tướng, chấm dứt các chương ngại tướng, không tác ý sai biệt tướng, đạt đến Không vô biên xứ, biết rằng: "Hư không là vô biên". Đây là thức trú thứ năm.

- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn Không vô biên xứ, đạt đến Thức vô biên xứ, biết rằng: "Thức là vô biên". Đây là thức trú thứ sáu.
- Có các loài hữu tình, này các Tỷ-kheo, vượt hoàn toàn Thức vô biên xứ, đạt đến Vô sở hữu xứ, biết rằng: "Không có vật gì". Đây là thức trú thứ bảy.

Này các Tỷ-kheo, có bảy thức trú này.

17 Lăn lộn giữa các Thiên - Kinh CON BÒ CÁI – Tầng IV, 167

CON BÒ CÁI – Tầng IV, 167

1. - Ví như, này các Tỷ-kheo, một con bò cái sống ở rừng núi, ngu si, không thông minh, không biết đồng ruộng, không thiện xảo đi đến các núi non hiểm trở. Nó suy nghĩ: "Ta hãy đi đến phương hướng trước kia chưa đi, ta hãy ăn cỏ trước kia chưa được ăn, ta sẽ uống nước trước kia chưa được uống", và *con bò cái ấy đã giơ chân sau lên, trước khi nó khéo đặt một cách tốt đẹp bàn chân trước*, và nó không có thể đi đến phương hướng trước kia chưa đi, không có thể ăn cỏ trước kia chưa được ăn, và không có thể uống nước trước kia chưa được uống. Tại chỗ mà trước kia nó đặt chân, nó nghĩ: "Ta hãy đi đến phương hướng trước kia chưa đi, ta hãy ăn cỏ trước kia chưa ăn ta sẽ uống nước trước kia chưa uống", nó không có thể trở lui chỗ ấy một cách an toàn. Vì sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vì con bò cái ấy sống ở rừng núi, ngu si, không biết chỗ đồng ruộng, không thiện xảo đi đến các núi non hiểm trở.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có một số Tỷ-kheo ngu si, không thông minh, không biết chỗ đồng ruộng, không thiện xảo, ly dục, ly ác pháp... chừng

và trú Thiền thứ nhất. Vị ấy không thực hành, không tu tập tướng ấy không làm cho sung mãn, không trú một cách khéo trú, vị ấy lại suy nghĩ: "Ta hãy diệt tâm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai". Vị ấy không có thể diệt các tâm và tứ... không có thể chứng và trú Thiền thứ hai.

Dầu cho vị ấy có suy nghĩ: "Ta hãy ly dục... chứng và an trú Thiền thứ nhất", vị ấy cũng không thể ly dục... chứng đạt và an trú Thiền thứ nhất. Nay các Tỷ-kheo, **đây gọi là Tỷ-kheo rơi vào cả hai phía, đọa vào cả hai phía**, ví như con bò cái ấy sống ở rừng núi, ngu si, không thông minh, không biết chỗ đồng ruộng, không thiện xảo đi đến các núi non hiểm trở.

2. Ví như, nay các Tỷ-kheo, một con bò cái sống ở rừng núi, hiền trí, thông minh, biết đồng ruộng, biết thiện xảo đi đến các núi non hiểm trở. Nó suy nghĩ: "Ta hãy đi đến phương hướng trước kia chưa đi, ta hãy ăn cỏ trước kia chưa được ăn, ta sẽ uống nước trước kia chưa được uống", và **con bò cái ấy, sau khi nó khéo đặt một cách tốt đẹp bàn chân trước, rồi giơ chân sau lên**, và nó có thể đi đến phương hướng trước kia chưa đi, ăn cỏ trước kia chưa được ăn, và uống nước trước kia chưa được uống. Tại chỗ mà trước kia nó đặt chân, nó nghĩ: "Ta hãy đi đến phương hướng trước kia chưa đi, ta hãy ăn cỏ trước

kia chưa ăn ta sẽ uống nước trước kia chưa uống", nó có thể trở lui chỗ ấy một cách an toàn. Vì sao? Ở đây, này các Tỷ-kheo, vì con bò cái ấy sống ở rừng núi, hiền trí, thông minh, biết chỗ đồng ruộng, thiện xảo đi đến các núi non hiểm trở.

*Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, ở đây có một số Tỷ-kheo hiền trí, thông minh, biết chỗ đồng ruộng, biết thiện xảo, ly dục, ly ác pháp... có thể chứng và trú **Thiền thứ nhất**. Vị ấy thực hành, tu tập làm cho sung mãn tướng ấy, trú một cách khéo trú.*

*Vị ấy lại suy nghĩ: "Ta hãy diệt tâm và tứ... chứng và trú **Thiền thứ hai**". Vị ấy không lẫn lộn Thiền thứ hai, diệt các tâm và tứ... chứng và trú Thiền thứ hai. Vị ấy thực hành, tu tập, làm cho sung mãn tướng ấy, trú một cách khéo trú.*

*Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy ly hỷ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**". Vị ấy thực hành, tu tập, làm cho sung mãn tướng ấy, trú một cách khéo trú.*

*Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy đoạn lạc, đoạn khổ... chứng đạt và an trú **Thiền thứ tư**". Vị ấy không lẫn lộn Thiền thứ tư, đoạn lạc, đoạn khổ... chứng và an trú Thiền thứ tư. Vị ấy thực hành, tu tập, làm cho sung mãn tướng ấy, trú một cách khéo trú.*

Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tướng, không tác ý đến các tướng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú **Không vô biên xứ**. Vị ấy **không lẫn lộn** Không vô biên xứ, vượt qua các sắc tướng một cách hoàn toàn... không tác ý đến các tướng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chứng đạt và an trú Không vô biên xứ. Vị ấy thực hành, tu tập, làm cho sung mãn tướng ấy, trú một cách khéo trú.

Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú **Thức vô biên xứ**". Vị ấy không lẫn lộn Thức vô biên xứ, vượt qua Không vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Thức là vô biên", chứng đạt và an trú Thức vô biên xứ. Vị ấy thực hành, tu tập làm cho sung mãn tướng ấy, trú một cách khéo trú.

Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn", biết rằng "Không có vật gì", chứng đạt và an trú **Vô sở hữu xứ**. Vị ấy không lẫn lộn Vô sở hữu xứ, vượt qua Thức vô biên xứ một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chứng đạt và an trú Vô sở hữu xứ. Vị ấy thực hành, tu tập làm cho sung mãn tướng ấy, trú một cách khéo trú.

Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn", chứng đạt và an trú **Phi tướng phi phi tướng xứ**. Vị ấy **không lẫn lộn** Phi tướng phi phi tướng xứ, vượt qua Vô sở hữu xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Vị ấy thực hành, tu tập làm cho sung mãn tướng ấy, trú một cách khéo trú.

Vị ấy suy nghĩ: "Ta hãy vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú **Diệt thọ tướng định**. Vị ấy **không lẫn lộn** Diệt thọ tướng định, vượt qua Phi tướng phi phi tướng xứ một cách hoàn toàn, chứng đạt và an trú Diệt thọ tướng định.

3. *Này các Tỷ-kheo,*

- *Khi nào Tỷ-kheo nhập vào và xuất ra khỏi Thiền chứng ấy, tâm vị ấy trở thành nhu nhuyễn, kham nhậm.*
- *Với tâm nhu nhuyễn kham nhậm, định được khéo tu tập, trở thành vô lượng.*
- *Vị ấy với định vô lượng khéo tu tập, tùy theo pháp gì, pháp gì cần được chứng ngộ với thắng trí, vị ấy hướng tâm về sự chứng ngộ với thắng trí. Tại đây, tại đây, vị ấy có được khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.*

Nếu muốn, vị ấy có thể chứng đắc nhiều loại thần thông, một thân có thể trở thành nhiều thân... với thân có thể đạt đến cõi Phạm thiên. Tại đây, tại đây, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu muốn, vị ấy có thể chứng đắc Thiên nhĩ thông... Tại đây, tại đây, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu muốn, vị ấy có thể chứng Tha tâm thông của mình biết được tâm của các loại chúng sanh và các loại hữu tình: Tâm có tham biết là tâm có tham, tâm không tham biết là tâm không tham... tâm giải thoát. Tại đây, tại đây, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu muốn, vị ấy có thể: "Ta sẽ nhớ lại nhiều đời sống quá khứ, như một đời, hai đời... có thể nhớ được nhiều đời quá khứ, với các nét đại cương và các chi tiết". Tại đây, tại đây vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu vị ấy muốn, vị ấy với Thiên nhãn thuần tịnh siêu nhân... "Ta có thể rõ biết các loài hữu tình theo nghiệp lực của chúng". Tại đây, tại đây, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

Nếu muốn, vị ấy có thể, do đoạn tận các lậu hoặc... sau khi chứng ngộ, chứng đạt, vị ấy an trú. Tại đây, tại đây, vị ấy có khả năng chứng đạt được, dầu thuộc loại xứ nào.

18 Quán 5 uẩn - ĐẠI Kinh MALUNKYAPUTTA – 64 Trung II, 205

ĐẠI KINH MALUNKYAPUTTA

(Mahamalunkyaputta sutta)

– Bài kinh số 64 – Trung II, 205

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika. Ở đây, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo: "Này các Tỷ-kheo". – "Bạch Thế Tôn". Những vị Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, các Ông có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy không?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Malunkyaputta bạch Thế Tôn:

– Con có thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Năm hạ phần kiết sử do Ta giảng dạy, này Malunkyaputta, Ông thọ trì như thế nào?

– Bạch Thế Tôn, con thọ trì thân kiến là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn con thọ trì nghi là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì giới cấm thủ là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì dục tham là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Bạch Thế Tôn, con thọ trì sân là hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy. Như vậy, bạch Thế Tôn, con thọ trì năm hạ phần kiết sử do Thế Tôn giảng dạy.

– Này Malunkyaputta, vì vấn đề gì (hay vì ai) Ông thọ trì năm hạ phần kiết này do Ta giảng dạy?

Này Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cất vấn Ông với ví dụ này về đũa con nít? Này Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngay thơ đang nằm ngủ không có tự thân, thời đâu nó có thể khởi lên thân kiến? Thân kiến tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này Malunkyaputta, nếu một đũa con nít ngay thơ, đang nằm ngửa không có các pháp, thời từ đâu nó có thể khởi lên nghi hoặc đối với các pháp? Nghi tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Này

Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có giới, thời từ đâu nó có thể khởi lên giới cấm thủ trong các giới? Giới cấm thủ tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có những dục, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng dục tham trong các dục? Dục tham, tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó. Nay Malunkyaputta, nếu một đứa con nít ngây thơ đang nằm ngửa không có các loài hữu tình, thời từ đâu nó có thể khởi lên lòng sân đối với các loài hữu tình? Sân tùy miên thật sự sống tiềm tàng trong nó.

Này Malunkyaputta, có phải các tu sĩ ngoại đạo cật vấn Ông với ví dụ này về đứa con nít?

Được nghe nói vậy, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, nay đã đến thời, Bạch Thiện Thệ, nay đã đến thời để Thế Tôn thuyết giảng năm hạ phần kiết sử. Sau khi nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Vậy Ananda, hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Tôn giả Ananda vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

☞ Ở đây, này Ananda, có kẻ vô văn phạm phu, không đến yết kiến các bậc Thánh, không tuân thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không đến yết kiến các bậc Chân nhân, không tuân thực pháp các bậc Chân nhân, không tu tập pháp các bậc Chân nhân:

– **Vị ấy sống với tâm bị triền phược bởi thân kiến, bị chi phối bởi thân kiến, và không như thật tuệ tri sự xuất ly thân kiến đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.**

– Vị ấy sống với **tâm bị nghi hoặc triền phược**, bị nghi hoặc chi phối, và không như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

– Vị ấy sống với **tâm bị giới cấm thủ triền phược**, bị giới cấm thủ chi phối và không như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên. Giới cấm thủ này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

– Vị ấy sống với **tâm bị dục tham triền phược**, bị

dục tham chi phối và không như thật biết sự xuất ly dục tham đã khởi lên, dục tham này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

- Vị ấy sống với **tâm bị sân triền phược**, bị sân chi phối và không như thật tuệ tri, sự xuất ly sân đã khởi lên. Sân này của vị ấy kiên cố, không được nhiếp phục, trở thành một hạ phần kiết sử.

☞ Và này Ananda, **có vị Đa văn Thánh đệ tử**, đến yết kiến các bậc Thánh, thuần thực pháp các bậc Thánh, tu tập pháp các bậc Thánh, đến yết kiến các bậc Chân nhân, thuần thực pháp các bậc Chân nhân, tu tập pháp các bậc Chân nhân:

- **Vị này sống với tâm không bị thân kiến triền phược**, không bị thân kiến chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Thân kiến này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

- Vị này sống với **tâm không bị nghi hoặc triền phược**, không bị nghi hoặc chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly nghi hoặc đã khởi lên. Nghi hoặc này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

- Vị ấy sống với **tâm không bị giới cấm thủ triền phược**, không bị giới cấm thủ chi phối và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly giới cấm thủ đã khởi lên, giới cấm thủ của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.
- Vị này sống với **tâm không bị dục tham triền phược**, không bị dục tham chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly dục tham đã khởi lên. Dục tham này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.
- Vị này sống với **tâm không bị sân triền phược**, không bị sân chi phối, và vị này như thật tuệ tri sự xuất ly sân được khởi lên. Sân này của vị ấy với tùy miên được đoạn trừ.

❖ **Này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử được biết rõ, hay được thấy rõ, hay được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.**

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn đứng thẳng có lõi cây nếu người ấy không đẽo vỏ trong, không đẽo giác cây, nhưng vẫn có thể đẽo được lõi cây, sự tình này không xảy ra. Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm

hạ phần kiết sử, nếu không thực hành con đường ấy, lộ trình ấy, nhưng năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, sự tình như vậy không xảy ra.

❖ Và này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, **nếu thực hành** con đường ấy, lộ trình ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hãy sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn trừ, **sự tình như vậy xảy ra.**

Ví như, này Ananda, đối với một cây lớn, đứng thẳng, có lõi cây, nếu người ấy sau khi đẽo vỏ trong, sau khi đẽo giác cây, thời sẽ đẽo được lõi cây, sự tình này xảy ra. Cũng vậy này Ananda, con đường nào, lộ trình nào đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, nếu thực hành con đường ấy, đạo lộ ấy, thời năm hạ phần kiết sử sẽ được biết rõ, hay sẽ được thấy rõ, hay sẽ được đoạn diệt, sự tình như vậy xảy ra.

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước đầy tràn, con quạ có thể uống được. Rồi một người ốm yếu đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Nhưng người ấy không thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của người ấy, đến

được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, **bất cứ ai, khi được giảng pháp để đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy không thích thú, không hoan hỷ, không có định tĩnh, không có giải thoát, thì vị ấy cần phải được xem là giống người ốm yếu kia.**

Này Ananda, ví như sông Hằng, nước lớn, đầy tràn, con qua có thể uống được. Rồi một người lục sĩ đi đến và nghĩ như sau: "Sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng, với tay của ta, ta sẽ đến bờ bên kia an toàn". Người ta có thể sau khi lội cắt ngang dòng sông Hằng với tay của người ấy, đến được bờ bên kia an toàn. Cũng vậy, này Ananda, **bất cứ ai, khi được giảng pháp để được đoạn trừ thân kiến, nếu tâm của vị ấy thích thú, hoan hỷ, có định tĩnh, có giải thoát, thì vị ấy được xem là giống như người lục sĩ kia**

☞ Và này Ananda, thế nào là con đường, thế nào là lộ trình đưa đến sự **đoạn trừ năm hạ phần kiết sử?**

- Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo do viễn ly các sanh y (Upadhiviveka) do đoạn trừ các bất thiện pháp, do làm cho an tịnh thân thô ác hành một cách toàn diện, ly dục, ly bất thiện pháp,

chúng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.

- Vị này **chánh quán** mọi **sắc** pháp, **thọ** pháp, **tưởng** pháp, **hành** pháp, **thức** pháp là vô thường, khổ, như bệnh, như cục bướu, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. **Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy.**
- Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy **tập trung tâm vào bất tử giới** (Amatadhatu) và nghĩ rằng: "*Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn*".
- ⇒ Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoan tâm các lậu hoặc.
- ⇒ Nếu vị ấy không đạt đến sự đoan tâm năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đây, không phải trở lui đời này nữa.

Này Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoan trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ, chúng và trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do

định sanh, không tâm, không tứ, nội tĩnh nhưt tâm...

...**Thiền thứ ba**...

...chứng và trú **Thiền thứ tư**. Vị này chánh quán mọi sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Nay Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, vị Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú **Hư không vô biên xứ**. Vị này chánh quán mọi **sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp** là vô thường... (như trên)... không phải trở lui đời này nữa. Nay Ananda, đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.

Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú **Thức vô biên xứ**... (như trên)...

... vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú **Vô sở hữu xứ**. Vị này chánh quán mọi **sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp** là vô thường, khô, như bèo.

như cuc bước, như mũi tên, như điều bất hạnh, như bệnh chướng, như kẻ địch, như phá hoại, là không, là vô ngã. Vị này giải thoát tâm khỏi các pháp ấy. Sau khi giải thoát tâm khỏi các pháp ấy, vị ấy tập trung vào **bất tử giới** và nghĩ rằng: "*Đây là tịch tịnh, đây là vi diệu, tức là sự an chỉ tất cả hành, sự xả ly tất cả sanh y, sự ái diệt, vô tham, đoạn diệt, Niết-bàn*". Nếu an trú vững chắc ở đây, vị này đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc. Nếu vị ấy không đạt đến sự đoạn tận các lậu hoặc, thời do sự tham pháp, hỷ pháp của mình, do sự đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn ở đấy, không phải trở lui đời này nữa.

Này Ananda, **đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử.**

☞ *Bạch Thế Tôn, nếu đây là con đường, đây là lộ trình đưa đến sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử thời do hành trì như thế nào mà một số vị Tỷ-kheo chứng tâm giải thoát, một số chứng tuệ giải thoát?*

– Ở đây, này Ananda, **Ta nói rằng do sự sai khác về căn tánh.**

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Ananda, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

19 Quán 5 uẩn, chứng Alahan hay Bất lai - Kinh THIÊN – Tăng IV, 173

THIÊN – Tăng IV, 173

1. - Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng:

- *"Y chỉ nơi sơ Thiên, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào Thiên thứ hai, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào Thiên thứ ba, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào Thiên thứ tư, các lậu hoặc được diệt tận".*
- *"Y chỉ vào Không vô biên xứ..."*
- *"Y chỉ vào Thức vô biên xứ..."*
- *"Y chỉ vào Vô sở hữu xứ..."*
- *"Y chỉ vào Phi tướng phi phi tướng xứ, các lậu hoặc được đoạn tận".*

2. Nay các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: *"Y chỉ vào sơ Thiên, các lậu hoặc được đoạn tận", như vậy được nói đến. Do duyên gì, được nói đến như vậy?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, **chứng và trú sơ Thiên**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.
- Vị ấy, ở đây đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về **thọ**, thuộc về **tưởng**, thuộc về **hành**, thuộc về **thức**, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là **mụt nhọt**, là **mũi tên**, là **va chạm**, là **tật bệnh**, là **khách lạ**, là **biến hoại**, là **trống không**, là vô ngã.
- Vị ấy **tránh né tâm** mình khỏi những pháp ấy.
- Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy **hướng dẫn đến giới bất tử**: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây đạt đến **sự diệt tận các lậu hoặc**.
- Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do **đoạn diệt năm hạ phần kiết sử**, là vị **hóa sanh**, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung, **tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ** hay trên đồng đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, vị Tỷ-kheo ly dục... chúng đạt và an trú sơ Thiên. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mục nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khác lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã. Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, sau khi tránh né tâm khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là vị hóa sanh, tại đây chúng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào sơ Thiên, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

3. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng y chỉ **Thiền thứ hai...** y chỉ **Thiền thứ ba...** y chỉ **Thiền thứ tư**, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên gì được nói đến?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc, đoạn tận khổ, chấm dứt hỷ ưu đã cảm thọ từ trước, chứng đạt và an trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm, thanh tịnh.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy **tùy quán** là vô thường, là khổ, là bệnh, là mục rọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khách lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.
- Vị ấy **tránh né** tâm mình khỏi những pháp ấy.
- Sau khi tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy, vị ấy **hướng dẫn đến giới bất tử**: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc.
- Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn diệt năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Ví như người bắn cung, hay đệ tử người bắn cung tập bắn trên một hình nộm bằng cỏ hay trên đồng đất sét, rồi người ấy có thể trở thành một người bắn xa, bắn nhanh, bắn thủng qua vật dày lớn.

Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo do đoạn tận lạc... chứng đạt và an trú Thiên thứ tư. Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về sắc, thuộc về thọ, thuộc về tưởng, thuộc về hành, thuộc về thức, các pháp ấy, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là mụt nhọt, là mũi tên, là va chạm, là tật bệnh, là khác lạ, là biến hoại, là trống không, là vô ngã.

Vị ấy tránh né tâm mình khỏi những pháp ấy. Sau khi tránh né tâm khỏi những pháp ấy, vị ấy hướng dẫn đến giới bất tử: "Đây là tịch tịnh, đây là thù thắng, tức là sự chỉ tức tất cả hành, sự từ bỏ tất cả sanh y, sự diệt tận khát ái, ly tham, đoạn diệt, Niết-bàn". Vị ấy trú ở đây, đạt đến sự diệt tận các lậu hoặc. Nếu không diệt tận các lậu hoặc, với pháp ái ấy, với pháp hỷ ấy, do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, vị ấy là vị hóa sanh, tại đây chứng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói y chỉ vào Thiên thứ hai... y chỉ Thiên thứ ba... y chỉ Thiên thứ tư, các lậu hoặc được đoạn tận, như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

4. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào **Không vô biên xứ Thiên**, các lậu hoặc được đoạn tận, được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?"*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, vượt khỏi các *sắc tướng* một cách hoàn toàn, chấm dứt các chướng ngại tướng, không tác ý đến tướng sai biệt, biết rằng: "Hư không là vô biên", chúng đạt và an trú Không vô biên xứ.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về *thọ*, thuộc về *tướng*, thuộc về *hành*... do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đây chúng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, ta nói rằng: "Y chỉ vào Không vô biên xứ, các lậu hoặc được đoạn tận", như vậy được nói đến. Do duyên này, được nói đến.

5. *Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào **Thức vô biên xứ**... y chỉ vào **Vô sở hữu xứ**... các lậu hoặc được đoạn diệt", được nói đến như vậy. Do duyên gì được nói đến như vậy?*

- Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo vượt qua **Thức vô biên xứ** một cách hoàn toàn, biết rằng: "Không có vật gì", chúng đạt và an trú Vô sở hữu xứ.
- Vị ấy ở đây, đối với cái gì thuộc về *thọ*, thuộc về *tướng*... do đoạn tận năm hạ phần kiết sử, là vị hóa sanh, tại đây chúng được Niết-bàn, không còn trở lui thế giới này nữa.

Này các Tỷ-kheo, Ta nói rằng: "Y chỉ vào Vô sở hữu xứ, các lậu hoặc được đoạn diệt", được nói đến như vậy. Do duyên này được nói đến.

Như vậy, xa cho đến các tướng Thiên chứng, cho đến như vậy, cần phải lấy trí để thể nhập.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, các xứ này, như **Phi tướng phi phi tướng** Thiên chứng và **Diệt thọ tướng** là những xứ, các Tỷ-kheo Thiên quán, khéo léo chứng nhập, khéo léo khởi xuất Thiên chứng. Ta nói rằng: *"Sau khi chứng nhập và khởi xuất, các xứ ấy cần phải được chọn chánh làm cho biết rõ".*

20 Quán 5 uẩn, sanh ở Phạm Chúng Thiên, hay Tịnh Cư Thiên - Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 – Tầng II, 54

HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 – Tầng II, 54

1. - **Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.**
Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Phạm chúng thiên.
- **Một kiếp, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Phạm chúng Thiên.**
- Tại đây, **kẻ phàm phu**, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý.

- Còn **đệ tử Như Lai**, tại đây, sau khi an trú cho đến hết vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỷ-kheo, *đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.*

2. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

- Vị ấy ném được vị ngọt của Thiền ấy ... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quang âm Thiên.
- *Hai kiếp này, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Quang Âm Thiên.*
- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú ... Đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy ... được sanh công trú với chư Thiên ở Biến tịnh Thiên.
- ***Bốn kiếp, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Biến tịnh Thiên.***
- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú ... Đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyện Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiên ấy, không có thoái đạo; khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở Quảng quả Thiên.
- ***Năm kiếp, là tuổi thọ vô lượng các chư Thiên ở Quảng quả Thiên.***
- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến nga quý.

- Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỷ-kheo, *đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.*

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 2 – Tạng II, 57

1. - Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly ác pháp, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**. Ở đây, về các pháp thuộc **sắc**, thuộc **thọ**, thuộc **tưởng**, thuộc **hành**, thuộc **thức**, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, **không** có chung cùng các hàng phàm phu.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ ... **Thiền thứ hai** ... **Thiền thứ ba** ... **Thiền thứ tư** và an trú. **Vị ấy, ở đây về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã.** Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, **không** có chung cùng các hàng phàm phu.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

21 Quán ntn - Kinh BÁT THÀNH – 52 Trung II, 29

KINH BÁT THÀNH

(*Atthakanagara suttam*)

– Bài kinh số 52 – *Trung II, 29*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Tôn giả Ananda trú ở Vesali (Tỳ-xá-ly), tại (Trúc Lâm Ấp). Lúc bấy giờ gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka đến tại Pataliputta (Ba-la-lị phát Thành) có công việc. Rồi gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka đi đến Kukkutarama (Kê Viên), đến một Tỷ-kheo, đánh lễ vị này, rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka thưa với Tỷ-kheo ấy:

– *Bạch Tôn giả, Tôn giả Ananda nay an trú ở đâu? Chúng con muốn gặp Tôn giả Ananda.*

– *Này Gia chủ, Tôn giả Ananda nay ở Vesali, tại ấp Beluvagamaka.*

Rồi gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka, sau

khi làm xong công việc ở Pataliputta, liền đi đến Vesali, áp Beluvagamaka, đến Tôn giả Ananda, sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, gia chủ Dasama người ở thành Atthaka thưa với Tôn giả Ananda:

– Bạch Tôn giả Ananda, có **pháp độc nhất** gì do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nếu có Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, hay pháp an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt?

– Này Gia chủ, **có** pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu có Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

– Bạch Tôn giả Ananda, pháp độc nhất ấy là gì, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nếu có Tỷ-kheo nào

không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt?

1. Ở đây, này Gia chủ, Tỷ-kheo **ly dục, ly bất thiện pháp chứng và trú Thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ**. Vị ấy suy tư và được biết: "*Sơ Thiên này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt*". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nên Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

2. Lại nữa, này Gia chủ, vị Tỷ-kheo **diệt tâm và tứ, chứng và trú Thiên thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm, vị ấy suy tư và được biết: "**Thiên thứ hai này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt**". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất do Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, và pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa chứng đạt được chứng đạt.
3. Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo **ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và an trú Thiên thứ ba**. Vị ấy suy tư và được biết: "**Thiên thứ ba này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do**

suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc... chưa chứng đạt, được chứng đạt.

4. Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo **xả lạc, xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền thứ tư, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh**. Vị ấy suy tư và được biết: "*Thiền thứ tư này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt*". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc... chưa chứng đạt, được chứng đạt.
5. Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo **an trú biên mãn một phương với tâm câu hữu với từ**; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biên mãn với tâm câu hữu với từ, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư và được biết: "*Từ tâm giải thoát này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt*". Vị ấy do vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc... chưa chứng

đạt, được chứng đạt.

6. Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo **an trú biên mãn một phương với tâm câu hữu với bi...**
7. ...**Với tâm câu hữu với hỷ...**
8. ...**với tâm câu hữu với xả**; cũng vậy phương thứ hai, cũng vậy phương thứ ba, cũng vậy phương thứ tư. Như vậy cùng khắp thế giới, trên dưới, bề ngang, hết thảy phương xứ, cùng khắp vô biên giới, vị ấy an trú biên mãn với tâm câu hữu với xả, quảng đại, vô biên, không hận, không sân. Vị ấy suy tư và được biết: "***Xả tâm giải thoát*** này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, Phàm sự việc gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc... chưa chứng đạt, được chứng đạt.
9. Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo *vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hu không là vô biên", chứng và trú **Không vô biên xứ***. Vị này suy tư và được biết: "***Không vô biên xứ định*** này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự việc gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn

trừ được các lậu hoặc... chưa chứng đạt, được chứng đạt.

10. Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo vượt lên mọi Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không là vô biên", **chứng và trú Thức vô biên xứ**. Vị này suy tư và được biết: "**Thức vô biên xứ định này là pháp hữu vi do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt**". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ các lậu hoặc... chưa chứng đạt, được chứng đạt.

11. Lại nữa, này Gia chủ, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", **chứng và trú Vô sở hữu xứ**. Vị này suy tư và được biết: "**Vô sở hữu xứ định này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành thời sự vật ấy là vô thường, chịu sự đoạn diệt**". Vị ấy vững trú ở đây, đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Này Gia chủ, như vậy là **pháp độc nhất**, do Thế Tôn bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố. Nếu Tỷ-kheo nào, không phóng dật,

nhiệt tâm, tinh cần, sống hành trì pháp ấy, thời tâm vị ấy chưa giải thoát, được giải thoát, và các lậu hoặc chưa được đoạn trừ đi đến đoạn trừ, pháp vô thượng an ổn khỏi các ách phược chưa được chứng đạt được chứng đạt.

Khi được nghe nói vậy, Gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka bạch Tôn giả Ananda:

– *Bạch Tôn giả Ananda, như người tìm một kho tàng cất giấu, trong một lúc tìm được mười một kho tàng cất giấu. Cũng vậy, bạch Tôn giả, con đi tìm một pháp môn bất tử mà được nghe một lần mười một pháp môn bất tử.*

Bạch Tôn giả, như ngôi nhà người ta có đến mười một cửa, khi ngôi nhà bị cháy, thì chỉ do một cửa người ta cũng có thể thoát ra một cách an toàn. Cũng vậy, bạch Tôn giả, chỉ với một cửa bất tử trong mười một cửa bất tử này, con có thể đạt được sự an toàn cho con.

Bạch Tôn giả, đệ tử các ngoại đạo này sẽ tìm cầu tiền của cúng dường cho vị thầy của mình, sao con lại không cúng dường cho Tôn giả Ananda.

Rồi gia chủ Dasama, người ở thành Atthaka cho mời họp Tỷ-kheo Tăng ở Pataliputta và Vesali, tự tay

mời ăn và làm cho thỏa mãn với các món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, tặng cho mỗi Tỷ-kheo, mỗi vị một cặp y, tặng cho Tôn giả Ananda ba y và xây dựng một Tăng xá trị giá năm trăm đồng tiền vàng (hay có năm trăm Tăng phòng) cho Tôn giả Ananda.

22 Sanh cộng trú ở Phạm chúng Thiên - Kinh HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 – Tăng II, 54

HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 1 – Tăng II, 54

1. - **Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.**
Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly pháp bất thiện, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiền ấy, ái luyến Thiền ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiền ấy, không có thối đọa; khi thân hoại mạng chung, được sanh cộng trú với chư Thiên ở Phạm chúng thiên.
- **Một kiếp, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Phạm chúng Thiên.**
- Tại đây, **kẻ phàm phu**, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến ngã quý.

- Còn **đệ tử Như Lai**, tại đây, sau khi an trú cho đến hết vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỷ-kheo, *đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.*

2. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ, chứng đạt và an trú **Thiền thứ hai**, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhất tâm.

- Vị ấy ném được vị ngọt của Thiền ấy ... được sanh cộng trú với chư Thiên ở cõi Quang âm Thiên.
- *Hai kiếp này, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Quang Âm Thiên.*
- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú ... Đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

3. Lại nữa, nay các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng đạt và an trú **Thiền thứ ba**.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy ... được sanh công trú với chư Thiên ở Biến tịnh Thiên.
- ***Bốn kiếp, là tuổi thọ vô lượng của chư Thiên ở Biến tịnh Thiên.***
- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú ... Đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.

4. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người xả lạc xả khổ, diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú **Thiền thứ tư**, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh.

- Vị ấy nếm được vị ngọt của Thiên ấy, ái luyện Thiên ấy và do vậy tìm được an lạc; an trú trên ấy, chú tâm trên ấy, sống phần lớn với Thiên ấy, không có thoái đạo; khi thân hoại mạng chung, được sanh công trú với chư Thiên ở Quảng quả Thiên.
- ***Năm kiếp, là tuổi thọ vô lượng các chư Thiên ở Quảng quả Thiên.***
- Tại đây, kẻ phàm phu, sau khi an trú cho đến hết tuổi thọ ấy, sau khi sống trọn vẹn tuổi thọ của chư Thiên, đi đến địa ngục, đi đến bàng sanh, đi đến nga quý.

- Còn đệ tử Như Lai, tại đây, sau khi an trú cho đến hết vẹn tuổi thọ của chư Thiên ấy, nhập Niết-bàn trong hiện hữu ấy. Nay các Tỷ-kheo, *đây là sự đặc thù, đây là sự thù thắng, đây là sự sai khác giữa Thánh đệ tử có nghe pháp và kẻ phàm phu không nghe pháp, tức là vấn đề sanh thú.*

Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời.

HẠNG NGƯỜI SAI KHÁC 2 – Tăng II, 57

1. - Có bốn hạng người này có mặt, hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có hạng người ly dục, ly ác pháp, chứng đạt và an trú **Thiền thứ nhất**. Ở đây, về các pháp thuộc **sắc**, thuộc **thọ**, thuộc **tưởng**, thuộc **hành**, thuộc **thức**, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã. Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, **không** có chung cùng các hàng phàm phu.

2. Lại nữa, này các Tỷ-kheo, ở đây có hạng người làm cho tịnh chỉ tâm và tứ ... **Thiền thứ hai** ... **Thiền thứ ba** ... **Thiền thứ tư** và an trú. **Vị ấy, ở đây về các pháp thuộc sắc, thuộc thọ, thuộc tưởng, thuộc hành, thuộc thức, vị ấy tùy quán là vô thường, là khổ, là bệnh, là ung nhọt, là mũi tên, là bất hạnh, là bệnh hoạn, là hướng ngoại, là hoại diệt, là trống không, là vô ngã.** Vị ấy, sau khi thân hoại mạng chung được sanh cộng trú với chư Thiên ở **Tịnh cư Thiên**. Sự sanh khởi này, này các Tỷ-kheo, **không** có chung cùng các hàng phàm phu.

Có bốn hạng người này, này các Tỷ-kheo, có mặt, hiện hữu ở đời.

23 Tác dụng hỷ lạc của thiền 1 - Kinh NALAKAPANA – 68 Trung II, 267

KINH NALAKAPANA

(**Nalakapana suttam**)

– *Bài kinh số 68 – Trung II, 267*

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú giữa dân chúng Kosala (Câu-tát-la) tại Nalakapana, rừng cây Palasa. Lúc bấy giờ nhiều Thiện gia nam tử có danh tiếng, vì lòng tin Thế Tôn, đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, như Tôn giả Anuruddha (A-na-luật-đà), Tôn giả Nandiya, Tôn giả Kimbila, Tôn giả Bhagu, Tôn giả Kundadhana, Tôn giả Revata, Tôn giả Ananda và một số Thiện gia nam tử danh tiếng khác. Lúc bấy giờ, Thế Tôn ngồi ở giữa trời, có chúng Tỷ-kheo vây quanh. Rồi Thế Tôn nhân vì các Thiện gia nam tử ấy, bảo các Tỷ-kheo:

– **Này các Tỷ-kheo, các Thiện gia nam tử ấy vì lòng tin Ta đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy có hoan hỷ trong Phạm hạnh không?**

Khi được nói vậy, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng. Lần thứ hai... (như trên)... lần thứ ba, Thế Tôn, nhân vì các Thiện gia nam tử ấy, bảo các Tỷ-kheo:

– Nay các Tỷ-kheo, các Thiện gia nam tử ấy vì lòng tin Ta đã xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nay các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo ấy có hoan hỷ trong Phạm hạnh không?

Cho đến lần thứ ba, các Tỷ-kheo ấy giữ im lặng.

Rồi Thế Tôn suy nghĩ như sau: "Nay Ta hãy hỏi các Thiện gia nam tử ấy". Rồi Thế Tôn bảo Tôn giả Anuruddha:

– Nay các Anuruddha, các Ông có hoan hỷ trong phạm hạnh không?

- Bạch Thế Tôn, thật sự chúng con hoan hỷ trong Phạm hạnh.

– Lành thay, lành thay, các Anuruddha. Nay các Anuruddha, thật xứng đáng cho các Ông, những Thiện gia nam tử, vì lòng tin xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, các Ông **có hoan hỷ** trong Phạm hạnh.

Này các Anuruddha, trong khi các Ông với tuổi

trẻ tốt đẹp, trong tuổi thanh xuân, với tóc đen nhánh, có thể hưởng thụ các dục lạc, thời các Ông, này các Anuruddha, với tuổi trẻ tốt đẹp, trong tuổi thanh xuân, với tóc đen nhánh, lại xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Này các Anuruddha, các Ông không vì mệnh lệnh của vua mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Các Ông không vì mệnh lệnh của kẻ ăn trộm mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Các Ông không vì nợ nần... không vì sợ hãi... Các Ông không vì mất nghề sinh sống mà xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Nhưng có phải với tư tưởng như sau: *"Ta bị sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, não áp bức, bị khổ áp bức, bị khổ chi phối. Tuy vậy, ta mong có thể thấy được sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này"* mà các Ông, này các Anuruddha, vì lòng tin, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình?

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

– Và xuất gia như vậy, này các Anuruddha, người Thiện gia nam tử cần phải làm gì? Này các Anuruddha, ly dục, ly bất thiện pháp. Nếu không chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn, thời dục tham xâm chiếm tâm và an trú, sân xâm chiếm tâm và an trú, hôn trầm, thuy miên... trao cử, hối quá... nghi hoặc... bất lạc... giải đãi xâm chiếm

tâm và an trú. Nay các Anuruddha, ly dục, ly bất thiện pháp, vị ấy chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn.

Nay các Anuruddha, ly dục, ly bất thiện pháp, vị ấy chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn, thời dục tham không xâm chiếm tâm và an trú, sân không xâm chiếm tâm và an trú, hôn trầm thuy miên... trạo cử hồi quá... nghi hoặc... bất lạc... giải đãi không xâm chiếm tâm và an trú. Nay các Anuruddha, ly dục, ly bất thiện pháp, vị ấy chứng được hỷ lạc hay một trạng thái khác an tịnh hơn.

☞ Nay các Anuruddha, các Ông nghĩ về Ta như thế nào: "Các lậu hoặc nào liên hệ đến phiền não sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ di thực, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, các lậu hoặc ấy chưa được Như Lai đoạn trừ. Do vậy Như Lai sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp, sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp"?

– Bạch Thế Tôn, chúng con không có nghĩ như vậy về Thế Tôn: "*Các lậu hoặc nào liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ di thực, hướng đến sanh, già, chết trong tương*

lai, các lậu hoặc ấy chưa được Như Lai đoạn trừ. Do vậy Như Lai sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích từ bỏ một pháp; sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp".

Bạch Thế Tôn, chúng con nghĩ về Thế Tôn như sau: "Các lậu hoặc nào liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai, các lậu hoặc ấy đã được Như Lai đoạn trừ. Do vậy, Như Lai sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn thọ một pháp, sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp; sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp".

– Lành thay, lành thay, này các Anuruddha! Các lậu hoặc liên hệ đến phiền não, sanh khởi hậu hữu, đáng sợ hãi, đưa đến quả khổ dị thực, hướng đến sanh, già, chết trong tương lai đã được Như Lai đoạn trừ, cắt tận gốc rễ, làm cho như thân cây tala không thể sanh lại, không thể sanh khởi trong tương lai. Ví như, này các Anuruddha, cây tala đầu cây đã bị chặt đứt, không thể lớn lên nữa. Cũng vậy, này các Anuruddha, các lậu hoặc liên hệ đến phiền não... (như trên)... không thể sanh khởi trong tương lai. Do vậy Như Lai sau khi suy tư phân tích, thọ dụng một

pháp; sau khi suy tư phân tích, nhẫn thọ một pháp; sau khi suy tư phân tích, từ bỏ một pháp; sau khi suy tư phân tích, đoạn trừ một pháp.

☞ **Này các Anuruddha, các Ông nghĩ thế nào? Do thấy mục đích đặc biệt nào, Như Lai giải thích sự tái sinh của các đệ tử đã từ trần, đã mệnh chung, nói rằng. "Vị này tái sinh ở chỗ này, vị này tái sinh ở chỗ này"?**

– Bạch Thế Tôn, đối với chúng con, các pháp dựa Thế Tôn làm căn bản, hướng Thế Tôn làm lãnh đạo, nương tựa Thế Tôn làm y cứ. Bạch Thế Tôn, tốt lành thay nếu Thế Tôn thuyết giảng cho ý nghĩa này.

Sau khi được nghe Thế Tôn, các Tỷ-kheo sẽ thọ trì.

– Này các Anuruddha, **Như Lai không vì mục đích lường gạt quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích lợi lộc, trọng vọng, danh xưng, quyền lợi vật chất, không vì với ý nghĩ: Như vậy quần chúng sẽ biết Ta" mà Như Lai giải thích sự tái sinh các vị đệ tử đã từ trần đã mệnh chung, nói rằng: "Vị này tái sinh ở chỗ này, vị này tái sinh ở chỗ này".** Và này các Anuruddha, **có những Thiện gia nam tử có tin tưởng với tín thọ cao thượng, với hoan hỷ cao thượng, sau khi được**

nghe như vậy, sẽ chú tâm trên như thật (Tathata). Như vậy, này các Anuruddha, là hạnh phúc, là an lạc lâu đời cho các vị ấy.

❖ *Đối với các Tỷ-kheo:*

- Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo có nghe: "Tỷ-kheo với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "**Vị ấy an trú chánh trí**". Vị Tôn giả ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy, Tôn giả này có pháp như vậy, Tôn giả này có trí tuệ như vậy, Tôn giả này có an trú như vậy, Tôn giả này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo khi nhớ đến lòng tin, giới hạnh, đa văn, bố thí và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo được sống lạc trú.
- Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo có nghe: "Tỷ-kheo với tên như thế này, đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "**Sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**" vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa". Tôn giả ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy, Tôn giả này có pháp như vậy... (như trên)... có trí tuệ như vậy,... có an trú như vậy, Tôn giả này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo khi nhớ đến lòng tin... (như

trên)... và trí tuệ của vị kia bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo được sống lạc trú.

- Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo có nghe: "Tỷ-kheo với tâm như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy **chứng Nhất Lai**, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa rồi sẽ diệt tận khổ đau". Tôn giả ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... Tôn giả này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo được sống lạc trú.
- Ở đây, này các Anurudha, Tỷ-kheo có nghe: "Tỷ-kheo với tâm như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi **diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, chắc chắn chứng được chánh giác". Tôn giả ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... Tôn giả này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo được sống lạc trú.

❖ *Đối với các Tỷ kheo ni:*

- Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni có nghe: "Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "**Vị ấy an trú chánh trí**". Tôn ni ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn ni này có giới hạnh như vậy, Tôn ni này có pháp như vậy, Tôn ni này có an trú như vậy, Tôn ni này có giải thoát như vậy. Tỷ-kheo-ni khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... khi nhớ đến trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni được sống lạc trú.
- Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni có nghe: "Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "**Sau khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa". Tôn ni ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn ni này có giới hạnh như vậy... Tôn ni này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo-ni nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia liền chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni được sống lạc trú.
- Ở đây, này các Anuruddha, vị Tỷ-kheo-ni có nghe: "Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham,

sân, si, vị ấy **chứng Nhứt lai**, chỉ phải trở lui đời này một lần nữa rồi sẽ diệt tận khổ đau". Tôn ni ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn ni này có giới hạnh như vậy... (như trên)... Tôn ni này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo-ni khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni được sống lạc trú.

- Ở đây, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni có nghe: "Tỷ-kheo-ni với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi **diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu**, không còn bị đọa lạc, chắc chắn chứng được chánh giác". Tôn ni ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn ni này có giới hạnh như vậy ... (như trên) ... Tôn ni này có giải thoát như vậy". Tỷ-kheo-ni khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, Tỷ-kheo-ni được sống lạc trú.

❖ *Đối với các nam cư sĩ:*

- Ở đây, này các Anuruddha, nam cư sĩ có nghe: "Nam cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi **đoạn trừ năm hạ phần kiết sử**, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở

lui đời này nữa". Tôn giả ấy đã được thấy hay được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... có pháp như vậy... có trí tuệ như vậy... có an trú như vậy... Tôn giả này có giải thoát như vậy". Nam cư sĩ khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, liền chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha nam cư sĩ được sống lạc trú.

- Ở đây, này các Anuruddha, nam cư sĩ có nghe: "Nam cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy **chứng Nhất lai** chỉ phải trở lui đời này một lần nữa rồi sẽ diệt tận khổ đau". Tôn giả ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... (như trên)... Tôn giả này có giải thoát như vậy". Nam cư sĩ, khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, nam cư sĩ được sống lạc trú.
- Ở đây, này các Anuruddha, nam cư sĩ có nghe: "Nam cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, **chứng quả Dự lưu** không còn bị đọa lạc, chắc chắn chứng được chánh giác".

Tôn giả ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Tôn giả này có giới hạnh như vậy... (như trên)... có giải thoát như vậy. Tôn giả ấy khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, nam cư sĩ được sống lạc trú.

❖ *Đối với các nữ cư sĩ:*

- Ở đây, này các Anuruddha, nữ cư sĩ có nghe: "Nữ cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi **đoan trừ năm hạ phần kiết sử**, vị ấy được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không còn phải trở lui ở đời này nữa". Nữ nhân ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Nữ nhân này có giới hạnh như vậy... có pháp như vậy... có trí tuệ như vậy... có an trú như vậy... nữ nhân này có giải thoát như vậy". Nữ cư sĩ, khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, liền chú tâm trên sự thật. Như vậy, này các Anuruddha, nữ cư sĩ được sống lạc trú.
- Ở đây, này các Anurudha nữ cư sĩ có nghe: "Nữ cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi diệt trừ ba kiết sử, sau khi làm cho nhẹ bớt tham, sân, si, vị ấy **chứng Nhất lai**, chỉ phải trở lui đời này

một lần nữa, rồi sẽ diệt tận khổ đau". Nữ nhân ấy đã được thấy hay đã được nghe: "Nữ nhân này có giới hạnh như vậy ... (như trên) ... nữ nhân này có giải thoát như vậy". Nữ cư sĩ, khi nhớ đến lòng tin... (như trên)... và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, nữ cư sĩ được sống lạc trú.

- Ở đây, này các Anuruddha, nữ cư sĩ có nghe: "Nữ cư sĩ với tên như thế này đã mệnh chung. Thế Tôn có tuyên bố về vị này: "Sau khi **diệt trừ ba kiết sử, chứng quả Dự lưu** không còn bị đọa lạc, chắc chắn được chánh giác". Nữ nhân ấy đã được thấy hay đã được nghe. "Nữ nhân này có giới hạnh như vậy, nữ nhân này có pháp như vậy, nữ nhân này có trí tuệ như vậy, nữ nhân này có an trú như vậy, nữ nhân này có giải thoát như vậy". Nữ nhân ấy khi nhớ đến lòng tin, giới hạnh, sự đa văn, bố thí và trí tuệ của vị kia, bèn chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, nữ cư sĩ được sống lạc trú.

☞ *Như vậy, này các Anuruddha, Như Lai không vì mục đích lòng gạt quần chúng, không vì mục đích nịnh hót quần chúng, không vì mục đích được lợi lộc, trọng vọng, danh xưng, quyền lợi vật chất, không vì với ý nghĩ: "Như vậy quần chúng sẽ biết Ta", mà Như Lai giải thích sự tái sinh của các đệ*

tử đã từ trần, đã mệnh chung, nói rằng: "Vị này tái sinh ở chỗ này, vị này tái sinh ở chỗ này". Và này các Anuruddha, có những Thiện gia nam tử có tin tưởng, với tín thọ cao thượng, với hoan hỷ cao thượng, sau khi được nghe như vậy, sẽ chú tâm trên như thật. Như vậy, này các Anuruddha, là hạnh phúc, là an lạc lâu đời cho các vị ấy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Anurudda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

24 Tâm tứ - Kinh Trú Xứ Tỷ Kheo Ni – Tương V, 241

Trú Xứ Tỷ Kheo Ni – 241tu5

1) Tại Sàvatthi...

2) Rồi Tôn giả Ananda, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni; sau khi đến, ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn.

Rồi một số đông Tỷ-kheo-ni đến Tôn giả Ananda; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ananda rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với Tôn giả Ananda:

3) -- Ở đây, bạch Thượng tọa Ananda, một số đông **Tỷ-kheo-ni** sống khéo an trú tâm trên **bốn niệm xứ**, **đạt được sự rõ biết (sampajànanti) quảng đại, trước sau thù thắng.**

-- Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Này các Đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng.

4) Rồi Tôn giả Ananda với bài pháp thoại, sau khi tuyên thuyết cho các Tỷ-kheo-ni ấy, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, từ chỗ ngồi đứng dậy và ra đi.

5) Rồi Tôn giả Ananda sau khi đi khát thực ở Sàvatthi, sau buổi ăn, trên con đường khát thực trở về, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, Tôn giả Ananda bạch Thế Tôn:

-- Ở đây, bạch Thế Tôn, con, vào buổi sáng, đắp y, cầm y bát đi đến một trú xứ của Tỷ-kheo-ni, sau khi đến, con ngồi trên chỗ đã soạn sẵn. Rồi, bạch Thế Tôn, một số đông Tỷ-kheo-ni đi đến con, sau khi đến, đánh lễ con rồi ngồi xuống một bên. Ngồi một bên, bạch Thế Tôn, các Tỷ-kheo-ni ấy thưa với con: "Ở đây, bạch Thượng tọa Ananda, một số đông Tỷ-kheo-ni sống khéo an trú tâm trên bốn niệm xứ, đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng". Khi được nói vậy, bạch Thế Tôn, con nói với các Tỷ-kheo-ni ấy: "Như vậy là phải, này các Đại tỷ! Như vậy là phải, này các Đại tỷ! này các Đại tỷ, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trong bốn niệm xứ, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng".

6) -- Như vậy là phải, này Ananda! Như vậy là phải, này Ananda! *Này Ananda, Tỷ-kheo hay Tỷ-kheo-ni nào sống với tâm khéo an trú trên **bốn niệm xứ**, vị ấy được chờ đợi sẽ đạt được sự rõ biết quảng đại, trước sau thù thắng.* Thế nào là bốn?

7) Ở đây, này Ananda, Tỷ-kheo sống, quán **thân** trên thân, **niệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu ở đời.**

- *Vị ấy trú, quán thân trên thân, hoặc thân sở duyên (kàyàrammano) khởi lên, hoặc thân nhiệt não (kàyasmin parilàho), hoặc tâm thu động, hoặc tâm phân tán hướng ngoại (bahiddha va cittam vikkhipati); do vậy, này Ananda, Tỷ-kheo **cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín** (pasàdaniyenimitta).*
- *Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, **hân hoan** (pàmujjam: Thắng hỷ) sanh.*
- *Người có tâm hân hoan, **hỷ** sanh.*
- *Người có tâm hỷ, thân được **khinh an**.*
- *Người có tâm khinh an, **lạc thọ** sanh.*
- *Người có tâm lạc thọ, tâm được **định** tĩnh.*
- *Vị ấy tư sát như sau: "**Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui** (patisamharàmi) (khỏi đối tượng tịnh tín)".
Vị ấy rút lui, không tâm, không tứ. Vị ấy rõ biết:*

"Không tâm, không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc".

8-9) Lại nữa, này Ananda, Tỷ-kheo sống, quán **thọ** trên các thọ... sống, quán **tâm** trên tâm...

10) Vị ấy sống, quán **pháp** trên các pháp, **nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, nhiếp phục tham ưu** ở đời. Vị ấy trú, quán pháp trên các pháp, hoặc thân sở duyên khởi lên, hoặc thân nhiệt não, hoặc tâm thụ động, hoặc tâm phân tán, hướng ngoại; do vậy, này Ananda, Tỷ-kheo cần phải hướng tâm đến một tướng tịnh tín. Do vị ấy hướng tâm đến một tướng tịnh tín, hân hoan sanh. Người có hân hoan, hỷ sanh. Người có tâm hỷ, thân được khinh an. Người có thân khinh an, lạc thọ sanh. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh. Vị ấy tư sát như sau: "Mục đích mà ta hướng tâm đến, mục đích ấy đã đạt được. Nay ta rút lui (khỏi đối tượng tướng tịnh tín)". Vị ấy rút lui, không tâm, không tứ. Vị ấy rõ biết: "Không tâm, không tứ, nội tâm chánh niệm, ta được an lạc".

11) **Như vậy, này Ananda, là sự tu tập về hướng tâm.**

12) *Và này Ananda, thế nào là sự tu tập không có hướng tâm?*

13) Này Ananda,

- *Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau (pacchàpure), nhưng được giải thoát, không có hướng tâm".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán **thân** trên thân, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".*

14) Này Ananda,

- *Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước, hay cái gì ở sau, nhưng được giải thoát, không có hướng tâm".*
- *Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán **thọ** trên các thọ, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".*

15) Này Ananda, Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại, rõ biết: "Tâm ta không hướng ngoại". Rồi vị ấy rõ biết: "Tâm ta không chấp thủ đối với cái gì ở trước... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán **tâm** trên tâm, nhiệt tâm, tỉnh giác, chánh niệm, ta được an lạc".

16) Nay Ananda, Tỷ-kheo tâm không hướng ngoại... Rồi vị ấy rõ biết: "Ta trú, quán **pháp** trên các pháp, nhiệt tâm, tinh giác, chánh niệm, ta được an lạc".

17) **Như vậy, nay Ananda, là tu tập không có hướng tâm.**

18) Như vậy, nay Ananda, Ta thuyết tu tập có hướng tâm; Ta thuyết tu tập không có hướng tâm. Những gì, nay Ananda, một bậc Đạo Sư cần phải làm vì hạnh phúc, vì lòng thương tưởng đối với các đệ tử, vì lòng từ mẫn khởi lên, những việc ấy, Ta đã làm cho các Ông. Nay Ananda, đây là những gốc cây. Đây là những nhà trống. **Hãy tu Thiền, nay Ananda. Chớ có phóng dật. Chớ có hối hận về sau.** Đây là lời giáo giới của Ta cho các Ông.

19) Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ananda hoan hỷ, tín thọ lời Thế Tôn dạy.

25 Tâm tứ là dao động - Kinh VÍ DỤ CON CHIM CÂY – 66 Trung II, 235

KINH VÍ DỤ CON CHIM CÂY

(*Latukikopama sutta*)

– *Bài kinh số 66 – Trung II, 235*

Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Anguttarapa (Ương-già Bắc Phương Thủy). Apana là một thị tứ của Anguttarapa. Rồi Thế Tôn buổi sáng đắp y, cầm y bát đi vào Apana để khát thực. Khát thực ở Apana xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, Thế Tôn đi đến một khu rừng để trú ban ngày. Thế Tôn đi sâu vào khu rừng này, ngồi dưới một gốc cây để trú ban ngày. Tôn giả Udayi (Ưu-đa-di) buổi sáng cũng đắp y, cầm y bát đi vào Apana để khát thực. Khát thực ở Apana xong, sau buổi ăn, trên con đường đi khát thực trở về, Tôn giả đi đến một khu rừng để trú ban ngày. Tôn giả đi sâu vào khu rừng này, và ngồi dưới một gốc cây để trú ban ngày.

Rồi **Tôn giả Udayi, trong khi độc cư Thiên tịnh,** sự suy tư sau đây đã khởi lên trong tâm trí Tôn giả:

- "Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta.
- Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta.
- Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều bất thiện pháp cho chúng ta.
- Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta".

Rồi Tôn giả Udayi vào buổi chiều, từ Thiên tịnh đứng dậy, đi đến chỗ Thế Tôn, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Udayi bạch Thế Tôn:

– Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang độc cư Thiên tịnh, sự suy tư sau đây đã khởi lên trong tâm trí con: "Như Lai thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta... Như Lai thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta".

Bạch Thế Tôn, thuở trước chúng con thường ăn buổi chiều, buổi sáng, ban ngày và phi thời. Bạch Thế Tôn, thời ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban ngày phi thời". Bạch Thế Tôn, do vậy con cảm thấy thất vọng, con cảm thấy sâu muộn, nghĩ rằng: "Những món ăn thượng vị loại cứng và loại mềm, các tín chủ cúng

dường cho chúng ta ban ngày và phi thời. Nay Thế Tôn dạy chúng ta phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng ta phải từ bỏ". Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, những ai nhìn Thế Tôn với lòng ái mộ, với lòng tôn kính và với lòng tầm quý, liền từ bỏ ăn ban ngày phi thời.

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con thường ăn buổi chiều và buổi sáng. Bạch Thế Tôn, thời ấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo: "Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban đêm phi thời". Bạch Thế Tôn, do vậy con cảm thấy thất vọng, con cảm thấy sầu muộn, nghĩ rằng: "Buổi ăn này gọi là có thượng vị hơn trong hai buổi ăn này của chúng ta. Thế Tôn dạy chúng ta phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng ta phải từ bỏ". Bạch Thế Tôn, thuở xưa có người được một món ăn cúng ban ngày bèn nói: "Hãy để món ăn này một bên, và ban đêm tất cả chúng ta cùng ăn với nhau". Bạch Thế Tôn, phàm mọi sự nấu nướng, tất cả đều làm ban đêm, rất ít làm ban ngày. Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, những ai nhìn Thế Tôn với lòng ái mộ, với lòng tôn kính và với lòng tầm quý, liền từ bỏ ăn ban đêm phi thời.

Thuở trước, bạch Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo thường đi khát thực trong đêm đen tối tăm, họ bước lẫm vào vũng nước nhớt, rơi vào vũng nước nhớt,

đi làm vào hàng rào gai, đi làm vào chỗ con bò cái đang ngủ, gắp các loại đao tặc đã hành sự hay chưa hành sự, gắp các người đàn bà mời mọc một cách bất chánh.

Thuở trước, bạch Thế Tôn, con đi khát thực trong đêm đen tối tăm. Một người đàn bà đang rửa chén bát, thấy con trong khi trời chớp nhoáng, liền hoảng sợ và hét lớn: "Ôi kinh khủng thay cho tôi, có con quỷ (chạy) theo tôi!" Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, con nói với người đàn bà ấy: "Này chị, không phải quỷ đâu. Đây là Tỳ-kheo đang đứng khát thực". "Cha Tỳ-kheo hãy chết đi! Mẹ Tỳ-kheo hãy chết đi! Này Tỳ-kheo, thật tốt hơn cho Ông nếu Ông lấy con dao sắc bén của người đồ tể cắt bụng của Ông, còn hơn là vì lỗ bụng đi khát thực trong ban đêm tối tăm".

Bạch Thế Tôn, khi con nhớ như vậy, con suy nghĩ như sau: "Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều bất thiện pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta".

☞ Tuy vậy, này Udayi, **ở đây có một số người ngu**

si; khi Ta nói: "Hãy trừ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự việc tiêu tiết, nhỏ mọn này. Samôn này đặt quá nặng về cảm đoán đoán giảm". Họ **không** chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. **Sự việc ấy, này Udayi, đối với họ, trở thành một trói buộc mạnh mẽ**, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

Ví như, này Udayi, có con chim cáy, mái nhỏ bị tấm lưới bằng dây leo trói chặt, ở đây con chim có thể bị hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Con chim cáy mái nhỏ ấy bị tấm lưới làm bằng dây leo trói chặt, ở đây, con chim có thể bị sát hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Tuy vậy đối với con chim kia, lưới ấy không có chắc mạnh, lưới ấy yếu ớt, lưới ấy bị mục nát, lưới ấy không có cứng chắc". Này Udayi, ai nói như vậy có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, con chim cáy mái nhỏ ấy bị tấm lưới làm bằng dây leo trói chặt, ở đây con chim có thể bị sát hại, hay bị bắt nhốt, hay bị chết. Đối với con chim kia, lưới ấy là mạnh mẽ, lưới ấy là vững chắc, lưới ấy là kiên cường, lưới ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây, có một số người ngu si, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì việc tiểu tiết, nhỏ mọn này! Vị Sa-môn này đặt quá nặng về cấm đoán, đoạn giảm", và họ không chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sự việc này, này Udayi, đối với họ trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

☞ Nhưng này Udayi, **một số Thiện gia nam tử**, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ sự việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự từ bỏ việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ, dạy chúng con phải từ bỏ!". **Họ từ bỏ sự việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới.** Sau khi từ bỏ việc ấy, họ sống ít lẳng xãng, lẳng dậu, tùy thuộc những người khác (bồ thí), sống với một tâm như con thú rừng. Này Udayi, **như vậy đối với các vị kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh**, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

***Ví như, này Udayi, một con voi của vua,** có ngà dài như cán cày, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi*

chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào nó muốn. Nay Udayi, nếu có ai nói như sau: "Con voi của vua có ngà dài như một cán cày ấy, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào nó muốn. Tuy vậy đối với con voi kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn". Nay Udayi, ai nói như vậy có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Bạch Thế Tôn, con voi của vua có ngà dài như một cán cày ấy, to lớn, thuộc loại giống tốt, lấy bãi chiến trường làm nhà, nếu bị trói buộc bởi sự trói buộc bằng da nịt vững chắc, chỉ cần chuyển thân một cách dễ dàng, sau khi cắt đứt, bứt đứt những trói buộc ấy, có thể muốn đi chỗ nào nó muốn. Đối với con voi kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có kiên cường.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây có một số Thiện

gia nam tử khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ sự việc này", liền nói như sau: "Có sá chi việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiện Thệ dạy chúng con phải từ bỏ!" Họ từ bỏ việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muôn (thực hành) học giới. Sau khi từ bỏ việc ấy, họ sống ít lẳng xãng, lẳng dụi, tùy thuộc những người khác (bồ thí), sống với một tâm như con thú rừng. Nay Udayi, như vậy đối với các vị kia sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

➤ Ví như, này Udayi, một người nghèo khổ, không có vật sở hữu, khôn cùng, có một chồi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, có một giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào, các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, và một bà vợ không đẹp mắt chút nào.

Người ấy thấy một Tỷ-kheo trong tịnh xá, tay chân lau rửa sạch sẽ, sau khi ăn buổi cơm ngon lành, đang ngồi trong bóng mát, hướng về tăng thượng tâm. Người ấy suy nghĩ: "An lạc thay, Sa-môn hạnh! Vô bệnh thay, Sa-môn hạnh! Vậy sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống

không gia đình".

Nhưng người ấy **không có thể từ bỏ** cái chòi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ cái giường nằm hư nát, không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ các loại gạo lúa cất chứa trong một cái chum không đẹp mắt chút nào, không có thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào, để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Người kia, bị trói buộc bởi những trói buộc ấy không có thể từ bỏ cái chòi ở hư nát... không có thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. *Đối với người kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc*", thời này Udayi, ai nói như vậy có phải nói một cách chân chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Người kia bị trói buộc bởi những trói buộc ấy không thể từ bỏ chòi ở hư nát, mở toang cho quạ, không đẹp mắt chút nào, không thể từ bỏ giường nằm hư nát không đẹp mắt chút nào, không thể từ bỏ các loại gạo lúa cất chứa trong một

cái chum không đẹp mắt chút nào, không thể từ bỏ bà vợ không đẹp mắt chút nào, để có thể, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây, có một số người ngu si khi được Ta nói ra: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá gì sự việc tiêu tiết, nhỏ mọn này. Vị Sa-môn này đặt quá nặng về cấm đoán, đoạn giảm!" Và họ không chịu từ bỏ và gây lên bất mãn chống Ta và chống những Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. Sự việc này, này Udayi, đối với họ, trở thành một trói buộc mạnh mẽ, một trói buộc vững chắc, một trói buộc kiên cường, một trói buộc không mục nát, một khúc gỗ to lớn.

⇒ Ví như, này Udayi, một gia chủ hay con người gia chủ, giàu có, tài sản lớn, tiền của lớn, vô số vàng bạc chất đống, vô số gạo thóc chất đống, vô số ruộng nương chất đống, vô số đất đai chất đống, vô số thê thiếp chất đống, vô số đầy tớ nam chất đống, vô số nữ tỳ chất đống.

Vị này thấy một Tỷ-kheo trong một tinh xá, tay chân lau rửa sạch sẽ, sau khi ăn bữa cơm ngon lành,

đang ngồi trong bóng mát, hướng về tầng thượng tâm. Vị này suy nghĩ: "An lạc thay, Sa-môn hạnh! Vô bệnh thay, Sa-môn hạnh! Vậy sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, ta hãy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình".

Vị này có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đồng, có thể từ bỏ vô số gạo thóc chất đồng, có thể từ bỏ vô số ruộng nương chất đồng, có thể từ bỏ vô số đất đai chất đồng, có thể từ bỏ vô số thê thiếp chất đồng, có thể từ bỏ vô số đày tớ nam chất đồng, có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đồng.

Này Udayi, nếu có ai nói như sau: "Người gia chủ hay con người gia chủ kia, bị trói buộc bởi những trói buộc ấy, có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đồng... có thể từ bỏ vô số nữ tỳ chất đồng để có thể sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy vững chắc, sự trói buộc ấy kiên cường, sự trói buộc ấy không mục nát, một khúc gỗ to lớn". Này Udayi, ai nói như vậy, có phải nói một cách chơn chánh không?

– Bạch Thế Tôn, không. Người kia bị trói buộc bởi những trói buộc ấy có thể từ bỏ vô số vàng bạc chất đồng, có thể từ bỏ vô số gạo thóc chất đồng, có

thể từ bỏ vô số ruộng nương đất đồng, có thể từ bỏ vô số đất đai đất đồng, có thể từ bỏ vô số thể thiếp đất đồng, có thể từ bỏ vô số đầy tớ nam đất đồng, có thể từ bỏ vô số nữ tỳ đất đồng, để có thể, sau khi cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà-sa, xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Đối với người kia, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

– Cũng vậy, này Udayi, ở đây, có một số Thiên gia nam tử, khi được Ta nói: "Hãy từ bỏ việc này", liền nói như sau: "Có sá chi sự việc tiểu tiết, nhỏ mọn này mà Thế Tôn dạy chúng con phải đoạn trừ, bậc Thiên Thệ dạy chúng con phải từ bỏ! " Họ từ bỏ sự việc ấy, và không gây lên bất mãn chống Ta và chống các Tỷ-kheo muốn (thực hành) học giới. **Sau khi từ bỏ sự việc ấy, họ sống ít lảng xãng, lảng dụi, tùy thuộc những người khác (bồ thí), sống với một tâm như con thú rừng.** Này Udayi, như vậy đối với họ, sự trói buộc ấy không có chắc mạnh, sự trói buộc ấy yếu ớt, sự trói buộc ấy bị mục nát, sự trói buộc ấy không có vững chắc.

❖ **Này Udayi, có bốn hạng người có mặt trên đời.**
Thế nào là bốn?

- Ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, những tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y hiện hành khởi lên. Vị này chấp nhận chúng, không đoạn trừ chúng, không từ bỏ chúng, không chấm dứt chúng, không tiêu diệt chúng. Này Udayi, Ta nói: "Người này bị trói buộc, không phải không bị trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.
- Nhưng ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, những tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y hiện hành khởi lên. Nhưng vị này không chấp nhận chúng, đoạn trừ chúng, từ bỏ chúng, chấm dứt chúng, tiêu diệt chúng. Này Udayi, Ta nói: "Người này bị trói buộc, không phải không trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ".
- Nhưng ở đây, này Udayi, có người sống, hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, các tư niệm điên đảo,

các tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y, tùy lúc tùy thời hiện hành khởi lên. Này Udayi, niệm khởi lên chậm chạp và vị này đoạn trừ niệm ấy một cách mau chóng, từ bỏ, chấm dứt, tiêu diệt (niệm ấy). *Này Udayi, ví như một người nhỏ hai hay ba giọt nước vào một ấm nước đun sôi cả ngày. Này Udayi giọt nước rơi một cách chậm chạp nhưng bị tiêu diệt, tiêu mất một cách mau chóng*. Cũng vậy, này Udayi, có người sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y. Nhưng trong khi vị này sống hướng đến sự đoạn trừ sanh y, sự từ bỏ sanh y, các tư niệm điên đảo, các tư niệm, tư duy liên hệ đến sanh y tùy lúc, tùy thời, hiện hành khởi lên. Này Udayi, niệm khởi lên chậm chạp và vị này đoạn trừ niệm ấy một cách mau chóng, từ bỏ, chấm dứt, tiêu diệt (niệm ấy). Này Udayi, Ta nói: "Người này cũng bị trói buộc, không phải không bị trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

- Nhưng ở đây, này Udayi, có người nghĩ rằng: "Sanh y là nguồn gốc của đau khổ", sau khi biết như vậy, vị ấy thành vô sanh y, giải thoát với sự đoạn diệt sanh y. Này Udayi, Ta nói: "Người này không bị trói buộc, không phải bị trói buộc". Vì sao vậy? Này Udayi, sự sai biệt về

căn tánh trong người này đã được Ta biết rõ.

❖ **Này Udayi, có năm dục trưởng dưỡng này. Thế nào là năm?**

- Sắc do mắt nhận thức, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.
- Tiếng do tai nhận thức,...
- Hương do mũi nhận thức,...
- Vị do lưỡi nhận thức,...
- Xúc do thân cảm xúc, khả ái, khả hỷ, khả lạc, khả ý, kích thích lòng dục, hấp dẫn.

Những pháp này, này Udayi, là năm dục trưởng dưỡng.

Này Udayi, phạm có lạc gì, hỷ gì khởi lên, do duyên năm dục trưởng dưỡng này, lạc hỷ ấy được gọi là dục lạc, ô uế lạc, phạm phu lạc, phi Thánh lạc, không nên thực hiện, không nên tu tập, không nên làm cho sung mãn. Ta nói rằng lạc ấy đáng phải sợ hãi.

Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm, có tứ. Diệt tầm và tứ, vị ấy chứng và trú Thiền thứ hai, một trạng thái hỷ lạc

do định sanh, không tâm, không tứ, nội tinh nhứt tâm,... (như trên)... Thiền thứ ba... chúng và trú Thiền thứ tư. Như vậy được gọi là yếm ly lạc, độc trú lạc, tịch tịnh lạc, chánh giác lạc, cần phải thực hiện, cần phải tu tập, cần làm cho sung mãn. Ta nói rằng lạc ấy không đáng sợ hãi.

- ➔ Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục... (như trên)... chúng và trú **Thiền thứ nhất. Thiền này, này Udayi, Ta nói rằng ở trong tình trạng dao động.** Và ở đây, cái gì dao động? Ở đây, chính là tâm tứ chưa đoạn diệt, chính tâm tứ này ở trong tình trạng dao động.
- ➔ Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ... chúng và trú Thiền thứ hai. Các Thiền này, này Udayi, Ta nói rằng ở trong tình trạng dao động. Và ở đây, cái gì dao động? Ở đây chính là hỷ lạc chưa được đoạn diệt, chính hỷ lạc này ở trong tình trạng dao động.
- ➔ Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly hỷ... chúng và trú Thiền thứ ba. Thiền này, này Udayi, Ta nói ở trong tình trạng dao động? Và ở đây cái gì dao động? Ở đây, chính là xả lạc chưa được đoạn diệt, chính xả lạc này ở trong tình trạng dao động.
- ➔ Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo xả lạc và xả khô...

(như trên)... chúng và trú **Thiền thứ tư**. Thiền này, này Udayi, **Ta nói là không ở trong tình trạng dao động**.

❖ Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly dục, ly bất thiện pháp, chúng và trú **Thiền thứ nhất**, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ.

☞ **Thiền thứ nhất này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi"**. Và này Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo diệt tâm và tứ... (như trên)... chúng và trú Thiền thứ hai, đây là điều vị ấy cần vượt qua.

– Thiền thứ hai này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này, Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo ly hỷ... (như trên)... chúng và trú Thiền thứ ba, đây là điều vị ấy cần vượt qua.

– Thiền thứ ba này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn, Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, vị ấy cần vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo xả lạc... (như trên)... chúng và trú Thiền thứ tư. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

- Thiên thứ tư này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi" Và này Udayi, vị ấy cần phải vượt qua cái gì? Ở đây, này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chướng ngại tướng, không tác ý đối với di tướng, Tỷ-kheo nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.
- Thiên Không vô biên xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Hư không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên", chứng và trú Thức vô biên xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.
- Thiên Thức vô biên xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có vật gì", chứng và trú Vô sở hữu xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.
- Thiên Vô sở hữu xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "Hãy từ bỏ đi", Ta nói: "Hãy vượt qua đi". Và này Udayi, Tỷ-

kheo vượt lên mọi Vô sở hữu xứ, chúng và trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.

- Thiên Phi tướng phi phi tướng xứ này, này Udayi, Ta nói: "Chưa được hoàn toàn", Ta nói: "**Hãy từ bỏ đi**", Ta nói: "**Hãy vượt qua đi**". Và này Udayi, Tỷ-kheo vượt lên mọi Phi tướng phi phi tướng xứ, chúng và trú **Diệt thọ tướng**. Đây là điều vị ấy cần phải vượt qua.
- Chính vì (Diệt thọ tướng định) này, này Udayi, mà Ta nói sự đoạn diệt của Phi tướng phi phi tướng xứ.

☞ **Này Udayi, Ông có thấy chằng, có kiết sử gì, nhỏ hay lớn mà Ta chưa nói đến sự đoạn diệt?**

– Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Tôn giả Udayi hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn giảng.

26 ĐỂ TẨY SẠCH TÂM HƯỞNG THỤ DỤC LẠC - TIÊU KINH KHỔ UẨN – 14 Trung I, 209

TIÊU KINH KHỔ UẨN

(**Culadukkhakkhandhasuttam**)

– Bài kinh số 14 – *Trung I*, 209

Như vậy tôi nghe:

Một thời, Thế Tôn sống giữa giòng họ Sakka (Thích-ca), trong thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) tại vườn Nigrodha (Ni-câu-luật Viên). Lúc ấy, có người Sakka tên Mahànàma đến chỗ Thế Tôn ở, sau khi đến xong, đánh lễ Ngài rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Mahànàma, dòng họ Sakka bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, đã lâu rồi, con đã hiểu như thế này lời dạy Thế Tôn: "Tham là cấu uế của tâm, sân là cấu uế của tâm, si là cấu uế của tâm". Bạch Thế Tôn, con đã hiểu như thế này lời dạy Thế Tôn: "Tham là cấu uế của tâm... si là cấu uế của tâm". *Tuy vậy, đôi lúc các tham pháp chiếm cứ tâm con và an trú, các sân pháp chiếm cứ tâm con và an trú, các si*

pháp chiếm cứ tâm con và an trú. Bạch Thế Tôn, con tự suy nghĩ: "Pháp nào tự trong ta không đoạn trừ được, do vậy các tham pháp xâm nhập tâm ta và an trú, các sân pháp xâm nhập tâm ta và an trú, các si pháp xâm nhập tâm ta và an trú?"

– Nay Mahànàma, có một pháp trong Ông chưa được đoạn trừ, do vậy các tham pháp xâm nhập tâm Ông và an trú... các si pháp xâm nhập tâm Ông và an trú. Và nay Mahànàma, **pháp ấy trong Ông có thể đoạn trừ được, nếu Ông không sống trong gia đình, nếu Ông không thụ hưởng các dục vọng.** Và nay Mahànàma, vì pháp ấy trong Ông chưa được đoạn trừ, nên Ông sống trong gia đình và thụ hưởng các dục vọng.

Các dục vọng, vui ít, khổ nhiều, nã nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn. Nay Mahànàma, **nếu một vị Thánh đệ tử khéo thấy như vậy với như thật chánh trí tuệ, nhưng nếu vị này chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh, hay một pháp nào khác cao thượng hơn, như vậy vị ấy chưa khỏi bị các dục chi phối.**

Nay Mahànàma, khi nào vị Thánh đệ tử khéo thấy như vậy với như thật chánh trí tuệ: "Các dục, vui ít, khổ nhiều, nã nhiều. Sự nguy hiểm ở đây lại

nhiều hơn", *và vị này chứng được* hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào cao thượng hơn, *như vậy vị ấy không bị các dục chi phối.*

- Đây Mahànàma, thuở xưa, khi Ta còn là Bồ-tát, chưa chứng được Bồ-đề, chưa thành Chánh Đẳng Chánh Giác, Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: "*Các dục vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn*", *dẫu Ta có thấy với như thật chánh trí tuệ như vậy, nhưng Ta chưa chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn. Và như vậy Ta biết rằng, Ta chưa khỏi bị các dục chi phối.*
- Và đây Mahànàma, khi nào Ta khéo thấy với như thật chánh trí tuệ: "*Các dục, vui ít, khổ nhiều, não nhiều, sự nguy hiểm ở đây lại nhiều hơn*", *và Ta chứng được hỷ lạc do ly dục, ly ác bất thiện pháp sanh hay một pháp nào khác cao thượng hơn, như vậy Ta khỏi bị các dục chi phối.*

Và đây Mahànàma, thế nào là vị ngọt các dục?

Này Mahànàma, *có năm pháp tăng trưởng các dục này*: Các sắc pháp do mắt nhận thức, khả ái, khả

lạc, khả ý, khả hỷ, tương ưng với dục, hấp dẫn; các tiếng do tai nhận thức...; các hương do mũi nhận thức...; các vị do lưỡi nhận thức...; các xúc do thân nhận thức, khả ái, khả lạc, khả hỷ, tương ưng với dục, hấp dẫn. Nay Mahànàma, có năm pháp tăng trưởng các dục như vậy.

Này Mahànàma, y cứ vào năm pháp tăng trưởng các dục này, có lạc và hỷ khởi lên, như vậy là *vị ngọt các dục*.

Và này Mahànàma, thế nào là sự nguy hiểm các dục?... (như trang... cho đến trang..., với "Này Mahànàma" thế cho "Này các Tỷ-kheo."...) Nay Mahànàma, **như vậy là sự nguy hiểm các dục đưa đến đau khổ tương lai, là khổ uẩn, do dục làm nhân, do dục làm duyên, do dục làm nhân duyên, do chính dục làm nhân.**

Này Mahànàma, một thời Ta ở tại Rajagaha (Vương Xá), trên núi Gijjhakuta (Linh Thú). Lúc bấy giờ, rất nhiều Ni kiền Tử (Nigantha) tại sườn núi Isigili, trên Kalasila (Hắc Nham), đứng thẳng người, không chịu ngồi và cảm giác những cảm thọ thống thiết, khổ đau, khóc liệt, bấn nhay. Nay Mahànàma, rồi Ta vào buổi chiều, từ Thiên tịnh độ cư đứng dậy, đi đến sườn núi Isigili, tại Kalasila chỗ các Nigantha

ấy ở, khi đến nơi Ta nói với các Nigantha ấy:

"– Chư Hiền, tại sao các Người lại đứng thẳng người, không chịu ngồi xuống và cảm giác những cảm thọ thống thiết, khổ đau, khóc liệt, bấn nhảy như vậy?

"– Này Mahànàma, được nói vậy các Nigantha ấy trả lời Ta như sau:

"– Này Hiền giả, Nigantha Nataputta-là bậc toàn tri, toàn kiến, tự xưng là có tri kiến toàn diện như sau: "Dầu ta có đi, có đứng, có ngủ và có thức, tri kiến luôn luôn được tồn tại liên tục ở nơi ta". Vị ấy nói như sau: *"Này các Nigantha, nếu xưa kia Người có làm ác nghiệp, hãy làm cho nghiệp ấy tiêu mòn bằng khổ hạnh khóc liệt này. Sự không làm ác nghiệp trong tương lai chính do sự hộ trì về thân, sự hộ trì về lời nói, sự hộ trì về ý ngay trong hiện tại, ở tại nơi đây. Như vậy chính nhờ sự thiêu đốt, sự chấm dứt các nghiệp quá khứ, sự không làm các nghiệp mới, mà không có sự tiếp tục trong tương lai. Do sự không tiếp tục trong tương lai, các nghiệp được diệt trừ; do nghiệp được diệt trừ, khổ được diệt trừ; do khổ được diệt trừ, cảm thọ được diệt trừ; do cảm thọ được diệt trừ, tất cả khổ đau sẽ được tiêu mòn"*. Và vì chúng tôi chấp nhận điều ấy, và chúng tôi kham nhẫn điều

ấy, nên chúng tôi được hoan hỷ.

Này Mahànàma, khi được nói vậy Ta nói với các Nigantha ấy như sau:

"– Chư Hiền Nigantha, các Người có biết chăng, trong quá khứ, các Người có mặt hay các Người không có mặt?"

"– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

"– Chư Hiền Nigantha, các Người có biết chăng, trong quá khứ, các Người không làm ác nghiệp hay có làm ác nghiệp?"

"– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

"– Chư Hiền Nigantha, các Người có biết chăng, các Người không làm các nghiệp như thế này hay như thế kia?"

"– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

"– Chư Hiền Nigantha, các Người có biết chăng: Mức độ đau khổ như thế này đã trừ diệt, mức độ đau khổ như thế này cần phải trừ diệt? Hay, khi mức độ đau khổ như thế này đã được trừ diệt, thời tất cả đau khổ sẽ được trừ diệt?"

"– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

"– Chư Hiền Nigantha, các Người có biết chăng, sự đoạn trừ ngay trong hiện tại các bất thiện pháp và sự thành tựu các thiện pháp?"

"– Thưa Hiền giả, chúng tôi không biết.

"– Chư Hiền, theo các Người nói, Nigantha các Người không biết: Trong quá khứ các Người có mặt hay các Người không có mặt; các Người không biết, trong quá khứ các Người không làm các ác nghiệp hay có làm các ác nghiệp; các Người không biết các Người không làm ác nghiệp như thế này hay như thế kia; các Người không biết, mức độ đau khổ như thế này đã được trừ diệt, mức độ đau khổ như thế này cần phải trừ diệt; mức độ đau khổ như thế này đã được trừ diệt thì tất cả đau khổ sẽ được trừ diệt; các Người không biết, sự đoạn trừ ngay trong hiện tại các bất thiện pháp và sự thành tựu các thiện pháp. Chư Hiền Nigantha, sự kiện là như vậy thì những kẻ sẵn sẵn ở đời, với bàn tay đầm máu, làm các nghiệp hung dữ, được tái sanh trong loài người, những hạng ấy có xuất gia trong hàng ngũ Nigantha các Người không?"

"– Hiền giả Gotama, hạnh phúc không có thể thành tựu nhờ hạnh phúc. Hạnh phúc phải thành tựu

nhờ đau khổ. Hiền giả Gotama, nếu hạnh phúc có thể thành tựu nhờ hạnh phúc thì vua Magadha Seniya Bimbisara (Tần-bà-ta-la) có thể đạt được hạnh phúc, và vua Magadha Seniya Bimbisara sống hạnh phúc hơn Tôn giả Gotama".

- Lời nói này thật sự đã được các Tôn giả Nigantha **nói lên một cách hấp tấp, không có suy tư**: "Hiền giả Gotama, hạnh phúc không có thể thành tựu nhờ hạnh phúc. Hạnh phúc phải thành tựu nhờ đau khổ. Hiền giả Gotama, nếu hạnh phúc có thể thành tựu nhờ hạnh phúc, thì vua Magadha Seniya Bimbisara có thể đạt được hạnh phúc; và vua Magadha Seniya Bimbisara sống hạnh phúc hơn Tôn giả Gotama". *Và chính ta ở đây cần phải được hỏi như sau: "Giữa các bậc Tôn Giả, ai sống hạnh phúc hơn, vua Magadha Seniya Bimbisara hay Tôn giả Gotama?"*

- Hiền giả Gotama, lời nói này thật sự đã được chúng tôi nói lên một cách hấp tấp, không có suy tư: Hiền giả Gotama, hạnh phúc không có thể thành tựu nhờ hạnh phúc... (như trên)... sống hạnh phúc hơn Tôn giả Gotama. *Hãy để yên sự việc như vậy. Nay chúng tôi hỏi Tôn giả Gotama: "Giữa quý vị Tôn giả, ai sống hạnh phúc hơn, vua Magadha Seniya Bimbisara hay Tôn giả Gotama?"*

"– Chư Hiền Nigantha, nay Ta sẽ hỏi các Người một câu, cũng vấn đề này. Nếu các Người vui lòng, hãy trả lời câu hỏi ấy. Chư Hiền Nigantha, các Người nghĩ thế nào? *Vua Magadha Seniya Bimbisara có thể không di động thân thể, không nói lên một tiếng, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn bảy ngày bảy đêm có được không?*

"– Nay Hiền giả, không thể được.

"– Chư Hiền Nigantha, các Người nghĩ thế nào? Vua Magadha Seniya Bimbisara có thể không di động thân thể, không nói lên một tiếng, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn *sáu ngày sáu đêm, luôn năm ngày năm đêm, luôn bốn ngày bốn đêm, luôn ba ngày ba đêm, luôn hai ngày hai đêm, luôn một ngày một đêm không?*

"– Nay Hiền giả, không thể được.

"– Chư Hiền Nigantha, Ta có thể không di động thân thể, không nói lên một lời, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn trong một ngày một đêm. Chư Hiền Nigantha, Ta có thể không di động thân thể, không nói lên một lời, sống cảm giác thuần túy lạc thọ luôn trong hai ngày hai đêm, luôn trong ba ngày ba đêm, luôn trong bốn ngày bốn đêm, luôn trong năm ngày năm đêm, luôn trong sáu ngày sáu đêm, luôn trong

bảy ngày bảy đêm. Chư Hiền Nigantha, các Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, ai sống hạnh phúc hơn, vua Magadha Seniya Bimbisara hay Ta?

"– Sự kiện là như vậy, Tôn giả Gotama sống hạnh phúc hơn vua Magadha Seniya Bimbisara."

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Mahànàma thuộc giòng họ Sakka hoan hỷ, tín thọ lời dạy của Thế Tôn.

**27 Định sơ thiên tự tánh là vô tham ái -
Kinh CHÂN NHÂN – 113 Trung III,
175**

KINH CHÂN NHÂN

(Sappurisa sutta)

– Bài kinh số 113 – Trung III, 175

Như vậy tôi nghe.

Một thời Thế Tôn trú ở Savatthi, Jetavana, tại tịnh xá ông Anathapindika (Cấp Cô Độc). Ở đây Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– "Này các Tỷ-kheo"

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– "Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các Ông về Chân nhân pháp và phi Chân nhân pháp. Các Ông hãy nghe và suy nghiệm kỹ Ta sẽ giảng"

– "Thưa vâng, bạch Thế Tôn". Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn giảng như sau:

– *Này các Tỷ-kheo, thế nào là phi Chân nhân pháp?*

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **xuất gia từ một gia đình cao sang**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta xuất gia từ một gia đình cao sang. Còn các Tỷ-kheo, này không xuất gia từ một gia đình cao sang"*. Vì người ấy thuộc gia đình cao sang nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì thuộc một gia đình cao sang mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia, không phải từ một gia đình cao sang, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. **Người ấy sau khi lấy đạo lộ (patipadam) làm chánh yếu (antaram?) không khen mình chê người** vì tự mình thuộc vào gia đình cao sang. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân **xuất gia từ một gia đình.... (như trên).... xuất gia từ một gia đình đại phú.. (như trên).. xuất gia từ một gia đình quý phái.** Người ấy suy nghĩ như

sau: *"Ta xuất gia từ một gia đình quý phái, còn các Tỷ-kheo này không xuất gia từ một gia đình quý phái"*. Vì người ấy thuộc gia đình quý phái, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì thuộc về một gia đình quý phái mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không phải từ một gia đình quý phái và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. **Người ấy được sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu không khen mình chê người** vì tự mình thuộc vào gia đình quý phái. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **được nhiều người biết**, có danh xưng. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta được nhiều người biết, có danh xưng, còn các Tỷ-kheo này được ít người biết đến, không được trọng vọng"*. Vì người ấy tự mình được nhiều người biết đến nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân Nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì mình được nhiều người biết đến mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay sân pháp đi*

đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không được nhiều người biết, không có danh xưng, và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chính yếu, không khen mình chê người vì tự mình được nhiều người biết và danh xưng. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân **được các vật (cúng dường)** như y phục, đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh. Người ấy suy nghĩ như sau: **"Ta nhận được các vật (cúng dường) như y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh, còn các Tỷ-kheo này không nhận được y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh"**. Vì người ấy thâm nhận được như vậy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: **"Không phải vì tự mình nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người xuất gia không nhận được các vật (cúng dường như) y phục, các đồ ăn khát thực, sàng tọa, y liệu trị bệnh và người**

ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp hành, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người tự mình được thâm nhận như vậy. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo có người phi Chân nhân là **người nghe nhiều**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người nghe nhiều, còn các Tỷ-kheo này không nghe nhiều"*.

Người ấy do được nghe nhiều nên khen mình chê người. Như vậy này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, Người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì nghe nhiều mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không nghe nhiều và người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".*

Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình được nghe nhiều. Như vậy này các Tỷ-kheo là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **bậc trì luật**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là bậc trì luật, còn các Tỷ-kheo này không là bậc trì*

luật". Do tự mình trì luật, người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp. Và này các Tỷ-kheo, người Chân nhân suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình là bậc trì luật mà các tham pháp đi đến đoạn trừ hay các sân pháp đi đến đoạn trừ hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu có người không phải là bậc trì luật, những người này hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc trì luật. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **người thuyết pháp**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người thuyết pháp, còn các Tỷ-kheo này không phải là người thuyết pháp"*. Vì tự mình là người thuyết pháp, nên người ấy khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Không phải do tự mình là bậc thuyết pháp mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không phải là người thuyết pháp, nhưng hành trì đúng pháp, và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây người ấy được*

kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình là bậc thuyết pháp. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **người theo hạnh sống ở rừng núi**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người theo hạnh sống ở rừng núi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống ở rừng núi"*. Người ấy vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống ở rừng núi nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống ở rừng núi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân theo **hạnh mặc phẩn tảo y**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người theo hạnh mặc phẩn tảo y. Còn*

các Tỷ-kheo này không là người theo hạnh mặc phần tảo y". Người này do tự mình theo hạnh mặc phần tảo y nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh mặc phần tảo y mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh mặc phần tảo y nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy tán thán"*. Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình mặc phần tảo y. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân là **người theo hạnh khát thực**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta theo hạnh khát thực, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh khát thực"*. Người ấy, do tự mình theo hạnh khát thực nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh khát thực mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh khát thực nhưng người*

ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán".

Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người, vì tự mình theo hạnh khát thực. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, một người phi Chân nhân theo **hạnh sống dưới gốc cây**. Người ấy suy nghĩ như sau: *"Ta là người theo hạnh sống dưới gốc cây, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh sống dưới gốc cây"*. Người ấy do tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: *"Không phải vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh sống dưới gốc cây, nhưng người ấy hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh và hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán"*.
Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình theo hạnh sống dưới gốc cây. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân theo hạnh sống tại nghĩa địa.. (như trên).. theo hạnh sống ngoài trời.. (như trên).. theo hạnh thường ngồi (không nằm).. (như trên).. Theo hạnh ngồi tại chỗ mời.. (như trên).. theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi. Người ấy suy nghĩ như sau: "*Ta theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi, còn các Tỷ-kheo này không theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi*". Do tự mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: "*Không phải vì mình theo hạnh chỉ ăn một lần ngồi mà các tham pháp đi đến đoạn trừ, hay các sân pháp đi đến đoạn trừ, hay các si pháp đi đến đoạn trừ. Nếu một người không theo hạnh chỉ ăn một lần nhưng hành trì đúng pháp và thuận pháp, hành trì chơn chánh, hành trì thuận pháp, thời ở đây, người ấy được kính trọng, ở đây, người ấy được tán thán*". Người ấy sau khi lấy đạo lộ làm chánh yếu, không khen mình chê người vì tự mình sống chỉ ăn một lần ngồi. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân ly dục, ly bất thiện pháp, chứng và trú sơ Thiên, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tầm có tứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "*Ta là người*

chúng được sơ Thiên, các người Tỷ-kheo này không chúng được sơ Thiên". Người ấy do tự mình chúng được sơ Thiên nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: **"Định sơ Thiên, tự tánh là vô tham ái, Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"**. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chúng được định sơ Thiên. Như vậy, này các Tỷ-kheo là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân pháp diệt tâm và tứ, chúng và trú Thiên thứ hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tâm không tứ, nội tĩnh nhứt tâm.. Thiên thứ ba.. chúng và trú thiên thứ tư. Người ấy suy nghĩ như sau: **"Ta chúng đắc định Thiên thứ tư. Còn các Tỷ-kheo này không chúng đắc định Thiên thứ tư"**. Người ấy vì chúng đắc định Thiên thứ tư ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: **"Định Thiên thứ tư, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"**. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chúng đắc định Thiên thứ tư. Như vậy, này các Tỷ-

kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên mọi sắc tướng, diệt trừ mọi chương ngại tướng, không tác ý đối với dị tướng, người ấy nghĩ rằng: "Hư không là vô biên", chứng và trú Không vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Không vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Không vô biên xứ". Người ấy, vì chứng được định Không vô biên xứ ấy, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo suy nghĩ như sau: *"Định Không vô biên xứ này, tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ như thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"*. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chứng được định Không vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân, vượt lên Không vô biên xứ, nghĩ rằng: "Thức là vô biên" chứng và trú Thức vô biên xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chứng được định Thức Vô biên xứ, còn các Tỷ-kheo này không chứng được định Thức vô biên xứ". Người ấy vì chứng được định Thức vô biên xứ ấy nên khen mình chê người. Như

vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: **"Định Thức vô biên xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"**. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chính yếu, không khen mình chê người vì chúng được định Thức vô biên xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên một cách hoàn toàn Thức vô biên xứ, nghĩ rằng: "Không có sở hữu" chúng và trú Vô sở hữu xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chúng được định Vô sở hữu xứ còn, các Tỷ-kheo này không chúng được định Vô sở hữu xứ". Người ấy, vì chúng được định Vô sở hữu xứ ấy, nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: **"Định Vô sở hữu xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này, thế khác, thời tự tánh liền đổi khác"**. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì chúng được định Vô sở hữu xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, có người phi Chân nhân vượt lên Vô sở hữu xứ, chúng và trú Phi tưởng

phi phi tướng xứ. Người ấy suy nghĩ như sau: "Ta chúng được định Phi tướng phi phi tướng xứ, còn các Tỷ-kheo này không chúng được định Phi tướng phi phi tướng xứ". Người ấy vì chúng được định Phi tướng phi phi tướng xứ ấy nên khen mình chê người. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là phi Chân nhân pháp. Và người Chân nhân, này các Tỷ-kheo, suy nghĩ như sau: ***"Định Phi tướng phi phi tướng xứ tự tánh là vô tham ái. Thế Tôn đã nói như vậy. Những ai nghĩ thế này thế khác thời tự tánh liền đối khác"***. Người ấy sau khi lấy vô tham ái làm chánh yếu, không khen mình chê người vì định Phi tướng phi phi tướng xứ. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Chân nhân pháp.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, người Chân nhân sau khi vượt lên Phi tướng phi phi tướng xứ, chúng và trú Diệt thọ tướng định sau khi thấy với trí tuệ, các lậu hoặc của vị này được đoạn trừ. Này các Tỷ-kheo, ***Tỷ-kheo này không nghĩ mình là bất cứ vật gì, không nghĩ đến bất cứ chỗ nào, không nghĩ đến bất cứ vì sự việc gì.***

Thế Tôn thuyết giảng như vậy. Các Tỷ-kheo hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.

